



United Nations  
Educational, Scientific and  
Cultural Organization

BÁO CÁO 1

# Hướng tới môi trường học đường an toàn, bình đẳng và hòa nhập

Báo cáo nghiên cứu bạo lực học đường  
trên cơ sở giới tại Việt Nam



# Hướng tới môi trường học đường an toàn, bình đẳng và hòa nhập:

Báo cáo nghiên cứu bạo lực học đường  
trên cơ sở giới tại Việt Nam



Xuất bản năm 2016 bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc, 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, Pháp

và

Văn phòng UNESCO Hà Nội và Văn phòng UNESCO Băng Cốc

© UNESCO 2016



Ấn phẩm này có trên trang Truy cập miễn phí (Open Access) theo giấy phép Attribution-ShareAlike 3.0 IGO (CC-BY-SA 3.0 IGO) tại (<http://creativecommons.org/licenses/by-sa/3.0/igo/>). Với việc sử dụng nội dung của ấn phẩm này, những người sử dụng chấp nhận bị ràng buộc bởi các điều kiện sử dụng của Kho Truy cập Mở (UNESCO Open Access Repository) của UNESCO (<http://www.unesco.org/open-access/terms-use-ccbysa-en>).

Các bức ảnh có trong tài liệu này được sử dụng chỉ để minh họa. Chúng không ám chỉ bất kỳ xu hướng tính dục, bản dạng giới, thái độ, hành vi hay hành động nào của bất kỳ ai xuất hiện trong ảnh.

Việc thiết kế và trình bày nội dung trong toàn bộ ấn phẩm này không ngụ ý thể hiện bất kỳ quan điểm nào của UNESCO và các đối tác liên quan đến địa vị pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực nào hoặc của chính quyền của nơi đó, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới, ranh giới của nó.

Các tác giả chịu trách nhiệm về việc lựa chọn và trình bày các thông tin trong cuốn sách này và về những ý kiến thể hiện trong ấn phẩm này - những ý kiến không nhất thiết là quan điểm của UNESCO và các đối tác của nó và không ủy thác cho Tổ chức này.

Việc xuất bản báo cáo này được hoàn thành với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Giáo dục, Văn hóa và Khoa học Hà Lan, kinh phí cho hoạt động của UNESCO trong khuôn khổ Khung Ngân sách, Trách nhiệm giải trình và Kết quả Thống nhất (UBRAF) của UNAIDS và Sáng kiến Giáo dục cho Trẻ em gái Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (UNGEI), và đóng góp của văn phòng UNICEF tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Thiết kế trang bìa © Shutterstock.com

Thiết kế đồ họa: Warren Field

# Mục lục

|                                                                               |           |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Lời cảm ơn.....                                                               | V         |
| Danh mục từ viết tắt.....                                                     | VI        |
| Giải thích các thuật ngữ.....                                                 | VII       |
| Tóm tắt báo cáo.....                                                          | IX        |
| Lý do thực hiện nghiên cứu.....                                               | IX        |
| Khung khái niệm.....                                                          | IX        |
| Tổng quan rà soát tài liệu hiện có.....                                       | IX        |
| Phương pháp nghiên cứu.....                                                   | IX        |
| Các phát hiện của nghiên cứu.....                                             | X         |
| Thảo luận & Khuyến nghị.....                                                  | XI        |
| <b>1 Lý do thực hiện nghiên cứu.....</b>                                      | <b>1</b>  |
| 1.1 Cam kết các với Chính sách Toàn cầu.....                                  | 1         |
| 1.2 Áp dụng vào thực tế ở Việt Nam.....                                       | 2         |
| 1.3 Xem xét các yếu tố tác động của bối cảnh.....                             | 3         |
| <b>2 Khung khái niệm BLHĐTCSG là gì?.....</b>                                 | <b>5</b>  |
| 2.1 Định nghĩa BLHĐTCSG.....                                                  | 5         |
| 2.2 BLHĐTCSG bao gồm những gì?.....                                           | 6         |
| 2.3 BLHĐTCSG xảy ra ở đâu?.....                                               | 7         |
| <b>3 Tổng quan tài liệu: BLHĐTCSG ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.....</b> | <b>9</b>  |
| 3.1 Mức độ của BLHĐTCSG ở châu Á – Thái bình dương.....                       | 9         |
| 3.2 Ảnh hưởng của BLHĐTCSG.....                                               | 13        |
| 3.3 Sự cần thiết phải có một nghiên cứu ở Việt Nam về BLHĐTCSG.....           | 14        |
| 3.4 Các mục tiêu của nghiên cứu.....                                          | 15        |
| <b>4 Phương pháp nghiên cứu.....</b>                                          | <b>17</b> |
| 4.1 Cách tiếp cận & Thiết kế nghiên cứu.....                                  | 17        |
| 4.2 Các địa bàn nghiên cứu.....                                               | 18        |
| 4.3 Khung thời gian.....                                                      | 18        |
| 4.4 Vấn đề đạo đức nghiên cứu.....                                            | 18        |
| 4.5 Nghiên cứu định lượng.....                                                | 19        |
| 4.6 Nghiên cứu định tính.....                                                 | 23        |
| 4.7 Những hạn chế của nghiên cứu.....                                         | 23        |



|                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------|----|
| <b>5. Các phát hiện của nghiên cứu</b>                           | 25 |
| 5.1 Đặc điểm của người tham gia nghiên cứu                       | 25 |
| 5.2 Nhận thức và thái độ đối với BLHĐTCSG                        | 27 |
| 5.3 Trải nghiệm của học sinh với BLHĐTCSG                        | 30 |
| 5.4 Đánh giá về sự an toàn của nhà trường liên quan đến BLHĐTCSG | 36 |
| 5.5 Những động cơ dẫn đến BLHĐTCSG                               | 38 |
| 5.6 Phản ứng đối với BLHĐTCSG                                    | 40 |
| 5.7 Hậu quả của BLHĐTCSG                                         | 44 |
| 5.8 Các chương trình phòng ngừa và can thiệp                     | 46 |
| <b>6. Thảo luận &amp; Khuyến nghị</b>                            | 51 |
| 6.1 Thảo luận                                                    | 51 |
| 6.2 Các khuyến nghị                                              | 56 |
| 6.3 Kết luận                                                     | 59 |

|                                    |    |
|------------------------------------|----|
| <b>Danh mục tài liệu tham khảo</b> | 60 |
|------------------------------------|----|

## Danh mục các bảng và biểu đồ

|                                                                                                                                                                                          |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Biểu đồ 1: Các hình thức bạo lực                                                                                                                                                         | 6  |
| Biểu đồ 2: Các địa điểm thường xảy ra BLHĐTCSG                                                                                                                                           | 7  |
| Biểu đồ 3: Tuyên truyền về BLHĐTCSG ngày càng nhiều hơn ở châu Á – Thái Bình Dương                                                                                                       | 10 |
| Biểu đồ 4: Tỷ lệ phần trăm học sinh ở châu Á – Thái Bình Dương bị bắt nạt một hoặc nhiều ngày trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện cuộc khảo sát toàn cầu về sức khỏe học đường (GSHS) | 12 |
| Biểu đồ 5: Những tác động tiềm tàng của BLHĐTCSG.V                                                                                                                                       | 13 |
| Biểu đồ 6: Mức độ đồng tình với ý kiến ‘Thỉnh thoảng học sinh đánh nhau là chuyện bình thường’                                                                                           | 29 |
| Biểu đồ 7: Mức độ đồng tình với quan niệm ‘Đôi khi GV cũng phải đánh, mắng học sinh để duy trì kỷ luật’                                                                                  | 30 |
| Biểu đồ 8: Đồng tình với ý kiến rằng ‘Gọi một ai đó bằng ‘thằng béo’, ‘pê đê’, ‘nhà quê’... là không mang tính xúc phạm’                                                                 | 30 |
| Biểu đồ 9: Đồng ý với ý kiến rằng ‘trêu trọc các bạn trai ồn ào hoặc là các bạn gái ít nữ tính chỉ là trò đùa vô hại’                                                                    | 30 |
| Biểu đồ 10: Lý lẽ của những học sinh khi gây ra bạo lực đối với các bạn khác                                                                                                             | 39 |
| Biểu đồ 11: Phản ứng của HS khi bị bạo lực                                                                                                                                               | 40 |
| Biểu đồ 12: Tác động của bạo lực học đường trên cơ sở giới đối với học sinh                                                                                                              | 45 |
| Biểu đồ 13: Đánh giá của cán bộ nhà trường về các biện pháp ứng phó với BLHĐTCSG                                                                                                         | 46 |
| Biểu đồ 14: Đánh giá của học sinh về các biện pháp ứng phó với BLHĐTCSG                                                                                                                  | 46 |
| Bảng 1: Tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu (PVS)                                                                                                                                             | 21 |
| Bảng 2: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm (TLN)                                                                                                                                            | 21 |
| Bảng 3: Trải nghiệm của HS LGBT với bạo lực so với các HS khác (không phải LGBT)                                                                                                         | 32 |
| Bảng 4: Các dạng bạo lực xảy ra với HS LGBT và các nhóm học sinh khác (không phải LGBT) trong 6 tháng trước khi khảo sát                                                                 | 34 |
| Bảng 5: Đánh giá của học sinh về mức độ an toàn ở trường của các em                                                                                                                      | 36 |
| Bảng 6: Đánh giá của giáo viên về mức độ an toàn ở trường của các em                                                                                                                     | 36 |
| Bảng 7: Các phản ứng của HS khi chứng kiến hành vi bạo lực                                                                                                                               | 42 |
| Bảng 8: Hậu quả đối với sức khỏe tinh thần, thể chất và học tập của HS là nạn nhân của BLHĐTCSG                                                                                          | 44 |

# Lời cảm ơn

Báo cáo này được thực hiện theo sự ủy thác của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, dưới sự giám sát của Vụ Công tác Học sinh – Sinh viên thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD-ĐT), là một phần trong nỗ lực nhằm đảm bảo môi trường học tập an toàn cho mọi học sinh ở Việt Nam.

BGD-ĐT xin cảm ơn Nhóm nghiên cứu, Giáo sư Nguyễn Thị Hoàng Yến (Trưởng Nhóm), Bà Bùi Thanh Xuân, Bà Nguyễn Thị Mai Hà, Bà Bùi Ngọc Diệp, Ông Nguyễn Văn Chiến và Ông Nguyễn Duy Long từ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (VKHGDVN) - những người đã thực hiện quá trình nghiên cứu để có được bản báo cáo này. Văn phòng Hà Nội của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), Bà Justine Sass và Bà Karen Humphries-Waa từ Văn phòng UNESCO Băng Cốc, Văn phòng của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP), Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới (ICS) và Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE) đã hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn cho báo cáo này. Chúng tôi cũng đánh giá cao những tư vấn chuyên môn và kỹ thuật của Tiến sĩ Thomas Guadamuz từ Đại học Mahidol (Thái Lan) trong quá trình thiết kế dự án nghiên cứu và trong giai đoạn phân tích dữ liệu, và của Tiến sĩ Tiffany Jones từ Đại học Tổng hợp New England trong việc hỗ trợ hoạt động phân tích dữ liệu cuối cùng cũng như trình bày các kết quả nghiên cứu trong bản báo cáo này.

Nghiên cứu này được thực hiện nhờ sự hỗ trợ tài chính của Bộ Giáo dục, Văn hóa và Khoa học Hà Lan và kinh phí cấp cho UNESCO trong khuôn khổ Khung Ngân sách, Trách nhiệm giải trình và Kết quả Thống nhất (UBRAF) thuộc Chương trình phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS (UNAIDS). Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ thông qua Chương trình Sáng kiến Giáo dục cho Trẻ em gái của Liên Hợp Quốc (UNGEI) Khu vực Đông Á – Thái Bình Dương và Văn phòng khu vực Đông Á – Thái Bình Dương của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) như là một phần nỗ lực nhằm giải quyết vấn đề bạo lực học đường trên cơ sở giới.



# Danh mục từ viết tắt

|                 |                                                                                   |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>BGD-ĐT</b>   | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                            |
| <b>BLHĐTCSG</b> | Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường                                  |
| <b>CBQL</b>     | Cán bộ quản lý                                                                    |
| <b>CCIHPP</b>   | Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số                                            |
| <b>CEDAW</b>    | Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ                      |
| <b>CMHS</b>     | Cha mẹ học sinh                                                                   |
| <b>DOET</b>     | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                            |
| <b>GBT</b>      | Những người đồng tính nam hoặc song tính nam hoặc chuyển giới tính từ nam sang nữ |
| <b>GBV</b>      | Bạo lực trên cơ sở giới                                                           |
| <b>GD-ĐT</b>    | Giáo dục và đào tạo                                                               |
| <b>GSHS</b>     | Điều tra Toàn cầu về Sức khỏe Học sinh dựa vào Trường học                         |
| <b>GV</b>       | Giáo viên                                                                         |
| <b>HIV</b>      | Virus gây suy giảm miễn dịch ở người                                              |
| <b>HS</b>       | Học sinh                                                                          |
| <b>ICPD</b>     | Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển                                          |
| <b>IRB</b>      | Ban/ủy ban đánh giá nội bộ (về đạo đức nghiên cứu)                                |
| <b>iSEE</b>     | Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường                                     |
| <b>LBT</b>      | Những người đồng tính nữ, song tính nữ và chuyển giới từ nữ sang nam              |
| <b>LGBT</b>     | Những người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới                 |
| <b>PGD-ĐT</b>   | Phòng Giáo dục và Đào tạo                                                         |
| <b>PVS</b>      | Phòng vấn sâu                                                                     |
| <b>SAVY</b>     | Điều tra Quốc gia về Vị thanh niên và Thanh niên Việt Nam                         |
| <b>SDG</b>      | Mục tiêu phát triển bền vững                                                      |
| <b>SMS</b>      | Dịch vụ tin nhắn ngắn                                                             |
| <b>SOGIE</b>    | Xu hướng tính dục và bản dạng giới                                                |
| <b>THCS</b>     | Trung học cơ sở                                                                   |
| <b>THPT</b>     | Trung học phổ thông                                                               |
| <b>TLN</b>      | Thảo luận nhóm trọng điểm                                                         |
| <b>UN</b>       | Liên Hợp Quốc                                                                     |
| <b>UNDP</b>     | Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc                                             |
| <b>UNESCO</b>   | Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc                           |
| <b>UNGEI</b>    | Chương trình Sáng kiến Giáo dục cho Trẻ em gái của Liên Hợp Quốc                  |
| <b>UNICEF</b>   | Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc                                                        |
| <b>VKHGDVN</b>  | Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam                                                   |



# Giải thích các thuật ngữ

## Vị thành niên

Người từ 10 đến 19 tuổi.

## Người song tính (Bisexual)

Người có cảm giác thấy hấp dẫn, có tình cảm hoặc/và quan hệ tình dục với cả nam và nữ.

## Bắt nạt (Bullying)

Hành vi gây hấn lặp lại nhiều lần với chủ ý gây thương tích hoặc làm cho người khác không thoải mái qua tiếp xúc cơ thể, dùng ngôn ngữ xúc phạm, tấn công về thể chất hoặc tâm lý. Tình trạng bắt nạt xảy ra khi có sự không cân bằng về quyền lực và bao gồm hình thức trêu chọc, thách thức, đặt các tên gọi gây tổn thương, hành vi bạo lực thể chất hoặc cô lập. Kẻ bắt nạt có thể hoạt động độc lập hoặc theo nhóm. Hình thức bắt nạt có thể là trực tiếp như đòi tiền hoặc đồ vật của người khác, hoặc gián tiếp như loan truyền tin đồn.

## Trẻ em

Theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em, trẻ em có nghĩa là bất kỳ ai dưới 18 tuổi, trừ khi luật pháp ở các nước cụ thể quy định tuổi thành niên sớm hơn. Pháp luật hiện hành ở Việt Nam quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi.

## Nhục hình (Corporal punishment)

Bất kỳ sự trừng phạt nào, trong đó vũ lực được sử dụng và nhằm gây nên một sự đau đớn hay khó chịu nào đó, dù là ở mức độ nhẹ.

## Bắt nạt qua mạng/thiết bị di động (Cyberbullying)

Sự quấy rối qua thư điện tử, điện thoại di động, tin nhắn, mạng xã hội hoặc các trang mạng.

## Phân biệt đối xử (Discrimination)

Bất kỳ hình thức phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế, cấm đoán có tính độc đoán nào gây ảnh hưởng xấu đối với một người khác; thường, nhưng không phải duy nhất, bắt nguồn từ đặc điểm cá nhân tự nhiên của người đó hay cho rằng người đó thuộc về một nhóm cá biệt nào đấy.

## Người đồng tính nam (Gay)

Người có tình cảm yêu đương và hấp dẫn tình dục với người cùng giới, có hành vi tình dục với người cùng giới (nam), và nhìn chung mang bản sắc văn hóa đồng giới.

## Giới (Gender) và Giới tính (Sex)

“Giới tính” dùng để chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ được xác định căn cứ vào cấu tạo sinh học, trong khi “giới” là để chỉ những khác biệt về vai trò và quan hệ xã hội giữa nam, nữ. Vai trò giới được hình thành qua quá trình xã hội hóa và có sự khác biệt lớn trong và giữa các nền văn hóa. Vai trò giới cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố tuổi tác, tầng lớp, sắc tộc, dân tộc và tôn giáo, cũng như môi trường địa lý, kinh tế và chính trị.

## Bạo lực trên cơ sở giới/Bạo lực giới- BLG (Gender-Based Violence - GBV)

Bạo lực bắt nguồn từ việc nạn nhân không tuân theo/ không đáp ứng những qui định, kỳ vọng về vai trò giới được gán cho mỗi giới, và từ mối quan hệ không bình đẳng về quyền lực giữa các giới.

## Bản dạng giới (Gender identity)

Là cách một cá nhân tự cảm nhận mình là nam, nữ, thuộc cả hai giới, không thuộc giới nào hoặc kết hợp giữa các loại trên; bản dạng giới có thể trùng hoặc không trùng với giới tính được xác định khi sinh. Khác với thể hiện giới, bản dạng giới thường không được biểu hiện ra bên ngoài cho người khác biết.

## Giới tính không phù hợp (Gender non-conforming)

Là khi biểu hiện về giới của một người không phù hợp với giới tính của họ khi sinh ra.

## Chứng ghét sợ đồng tính (Homophobia)

Là sự sợ hãi, ghét bỏ hay ác cảm, thường thể hiện bằng những thái độ kỳ thị hoặc hành vi phân biệt đối xử đối với những

người có quan hệ tình dục với và/ hoặc có tình cảm yêu đương, bị hấp dẫn tình dục đối với người cùng giới tính.

### **Người đồng tính nữ (Lesbian)**

Một người mang giới tính nữ có cảm giác hấp dẫn về giới tính và khả năng có một mối quan hệ tình cảm/thân mật với người phụ nữ khác.

### **Giới tính (Sex)**

Việc xác định một người khi sinh là nam, nữ hoặc liên giới tính dựa trên đặc điểm sinh học bên trong và bên ngoài của người đó.

### **Xu hướng tính dục (Sexual orientation)**

Sự hấp dẫn về tình cảm và tình dục đối với một hay nhiều người khác thuộc giới tính khác, hoặc với người cùng giới hay người thuộc một bản dạng giới khác nữa. Cho dù một cá nhân có cảm giác bị hấp dẫn bởi người cùng giới, người khác giới hoặc người ở cả hai giới hay không, thì thuật ngữ “bản dạng giới” vẫn được sử dụng để mô tả việc một cá nhân tự cảm nhận mình là nam, hoặc nữ hay thuộc một giới tính nào đó.

### **Tính dục (Sexuality)**

Là các kiến thức, niềm tin, thái độ, giá trị và hành vi liên quan đến tình dục của các cá nhân. Những khía cạnh của tính dục bao gồm các yếu tố giải phẫu học, sinh lý và sinh hóa của hệ thống cơ quan sinh dục, bản dạng tính dục (sexual identity), xu hướng tính dục, vai trò giới và tính cách giới; cùng những suy nghĩ, cảm xúc và các mối quan hệ. Sự biểu hiện của tính dục chịu ảnh hưởng của các yếu tố đạo đức, tâm lý, văn hóa, và luân lý.

### **Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường - BLHĐTCSG (School-Related Gender-Based Violence (SRGBV))**

Mọi hình thức bạo lực (thể hiện rõ ràng hoặc ngấm ngầm), bao gồm sự lo sợ bạo lực, xảy ra trong môi trường giáo dục (bao gồm trong và ngoài nhà trường, ví dụ như trong khuôn viên trường, trên đường đến trường hoặc từ trường về nhà, và trong các trường hợp khẩn cấp và xung đột) gây ra hoặc có khả năng gây ra nguy hại về thể chất, tinh thần hoặc tâm lý của trẻ (các em nam, nữ, liên giới tính và chuyển giới với các xu hướng tính dục khác nhau). Tình trạng bạo lực học đường trên cơ sở giới là hệ quả của các khuôn mẫu, vai trò hoặc đặc điểm được gán cho hoặc được mong đợi từ các em vì giới tính hoặc bản dạng giới của trẻ. Tình trạng này còn có thể kết hợp với việc cô lập hoặc các hình thức gây tổn thương khác.

### **Kỳ thị (Stigma)**

Cái nhìn hoặc đánh giá của cá nhân hoặc xã hội dẫn đến những hậu quả tiêu cực đối với một người hoặc một nhóm người. Thái độ kỳ thị có thể chuyển hóa thành hành vi phân biệt đối xử.

### **Người chuyển giới (Transgender)**

Thuật ngữ chung dùng để chỉ những người có bản dạng hoặc thể hiện giới khác với giới tính được phân định cho người đó lúc mới được sinh ra. Bản dạng chuyển giới không phụ thuộc vào các thủ tục y học về xác định giới tính. Ví dụ như những người chuyển giới bao gồm cả người được cho là nữ khi mới sinh ra, nhưng sau đó lại cảm nhận được mình là một người đàn ông (nữ chuyển giới thành nam hoặc gọi là ‘người chuyển giới nam’ – trans man) và người được cho là nam khi sinh ra, nhưng lại nhận ra mình là một phụ nữ (nam chuyển giới thành nữ hoặc gọi là ‘người chuyển giới nữ’ – trans woman).

### **Bạo lực và Lạm dụng Thể chất (Violence and physical abuse)**

Có nhiều hình thức bạo lực và lạm dụng thể chất, trong đó có (nhưng không giới hạn ở đây) sự bắt nạt về thể chất, đe dọa đối với thể xác, hành hung, tấn công bằng vũ khí, đánh đập, đốt phá, và trộm cắp.

### **Bạo lực và quấy rối tâm lý – xã hội (Violence and psychosocial harassment)**

Bạo lực tinh thần và xã hội là hình thức bạo lực tàn nhẫn, hạ thấp nhân phẩm và vi phạm các quyền của trẻ em. Những hình thức bạo lực này bao gồm cả việc làm nạn nhân trẻ em bối rối hay xấu hổ, hạ nhục, giơ đầu chịu báng; đe dọa, làm nạn nhân khiếp sợ, chế giễu trẻ, xúc phạm, quấy rối tình dục nơi công cộng (“Eve-teasing”), bòn tẩn hoặc tung tin đồn, chửi và nguyền rủa hoặc sử dụng lời lẽ gay gắt, và loại ra khỏi nhóm. Những hành động bạo lực này có thể xảy ra trên mạng hay trực tuyến (lạm dụng liên quan đến công nghệ) hoặc với sự hiện diện trong đời thực của nạn nhân.

### **Bạo lực và quấy rối tình dục (Violence and sexual harassment)**

Hình thức bạo lực dùng lời lẽ bóng gió, hành vi sờ soạng hoặc cưỡng hiếp.

# Tóm tắt báo cáo

## **Lý do thực hiện nghiên cứu**

Pháp luật về quyền con người trên toàn cầu về chống phân biệt đối xử và bạo lực trong giáo dục không phân biệt giới tính, xu hướng tính dục hay bản dạng và thể hiện giới. Việt Nam đã cam kết với một loạt các công ước quốc tế nhằm thủ tiêu bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG). Đưa những cam kết này vào thực tiễn đòi hỏi trước tiên là việc công nhận thực tế là các trường học có thể là những nơi xảy ra bạo lực, và phải xem xét bản chất của BLHĐTCSG trên thực tế để có thể ngăn ngừa nó và vô hiệu hóa các tác động của nó. Báo cáo này được xem là nỗ lực lớn của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm công nhận, và đối phó với vấn đề BLHĐTCSG trong các trường học ở Việt Nam. Nó là một bước đi thiết thực dựa trên nghiên cứu nằm trong nhiều biện pháp đối phó với BLHĐTCSG của Việt Nam.

## **Khung khái niệm**

Nhiều nhà xã hội học đã định nghĩa khác nhau về bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG). Trong báo cáo này, BLHĐTCSG được quan niệm là bạo lực dựa trên cơ sở những định kiến (khuôn mẫu) về giới tính và tình dục, các vai trò và quy chuẩn về giới tính của nam và nữ. Bất cứ một người học nào, không phân biệt xu hướng tính dục của họ, hoặc cho dù họ là nữ hay nam, người chuyển giới hay lưỡng tính, đều có thể bị ảnh hưởng. Trong báo cáo này, BLHĐTCSG được hiểu là bao gồm cả những dạng như bạo lực thể chất, lời nói, tình dục, xã hội và liên quan đến công nghệ (thông qua mạng/thiết bị di động). BLHĐTCSG có thể xảy ra ở nhiều địa điểm bên trong và xung quanh trường học, từ nhà vệ sinh của trường đến các địa chỉ ảo thông qua một loạt các phương tiện công nghệ khác nhau. Nó cũng có thể xảy ra ở bên ngoài khuôn viên trường học.

## **Tổng quan rà soát tài liệu hiện có**

Mặc dù không có báo cáo đầy đủ về vấn đề này, các tài liệu nghiên cứu cho rằng hiện tượng BLHĐTCSG đang lan rộng toàn cầu và ở khu vực châu Á – Thái bình dương. Các nghiên cứu cho thấy BLHĐTCSG có thể có tác động lâu dài đến việc giáo dục cũng như sức khỏe thể chất, tinh thần của một đứa trẻ. Tổng quan các công trình nghiên cứu nêu bật một số công trình đáng chú ý trong khu vực, nhưng cũng cho thấy có một nhu cầu cấp thiết phải nghiên cứu cấp quốc gia về phạm vi, mức độ, tính chất, những tác động và các biện pháp hỗ trợ xung quanh hiện tượng BLHĐTCSG ở Việt Nam. Các mục tiêu của công trình nghiên cứu xuất phát từ các tài liệu về vấn đề này bao gồm cả việc tìm hiểu mức độ nhận thức và thái độ đối với BLHĐTCSG của các nhóm thuộc các thành phần chính liên quan đến giáo dục, tính chất và phạm vi, mức độ của BLHĐTCSG (bao gồm cả bạo lực bắt nguồn từ chứng ghét sợ đồng tính và chuyển giới), các nguyên nhân và yếu tố dẫn đến những hành vi này, những tác động và các biện pháp phòng ngừa / hỗ trợ trong các trường.

## **Phương pháp nghiên cứu**

Một cuộc nghiên cứu khảo sát đã được tiến hành để tìm hiểu bản chất và mức độ của BLHĐTCSG tại các trường học thuộc cả ba khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu đã được thực hiện đầy đủ bao gồm việc những người tham gia được bày tỏ sự đồng thuận tham gia vào các hoạt động nghiên cứu với thông tin được cung cấp đầy đủ, và họ được tôn trọng quyền riêng tư của mình. Sự cam kết và ủng hộ của BGD-ĐT có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo điều kiện cho các bên liên quan thảo luận một cách thoải mái, cởi mở về chủ đề BLHĐTCSG vốn nhạy cảm. Nhiều chuyên gia nghiên cứu trong nước và quốc tế, cán bộ đầu mối các cục vụ, các Sở GD-ĐT và trường học, và các tổ chức của cộng đồng LGBT đã hỗ

trợ dự án. Nghiên cứu đã áp dụng phương pháp luận khai mở (emancipatory) nhằm đạt được những mục tiêu về sự công bằng xã hội. Những phương pháp hỗn hợp như điều tra trực tiếp và trực tuyến, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu đã được áp dụng để thu thập thông tin từ các nhóm đối tượng tham gia. Những người tham gia bao gồm học sinh (HS) nói chung, học sinh LGBT, cán bộ nhân viên nhà trường (CBQL và GV) và cha mẹ học sinh (CMHS).

## Các phát hiện của nghiên cứu

Các phát hiện chính rút ra từ thực trạng với dữ liệu được thu thập từ 3.698 người tham gia khảo sát, 280 người tham gia các cuộc Thảo luận nhóm (TLN) và 85 cuộc Phỏng vấn sâu (PVS) với HS, GV/CBQL nhà trường và CMHS bao gồm:

- **Nhận thức về BLHĐTCSG:** Nhận thức về BLHĐTCSG của tất cả các nhóm liên quan là hạn chế, chủ yếu đề cập đến những hành động gây thương tích mà bỏ qua những hình thức bạo lực khác như quấy rối tình dục, hay bạo lực tâm lý – xã hội như tẩy chay. So với HS, CMHS và GV nhận thức tương đối rõ hơn và lo ngại về bạo lực liên quan đến công nghệ. Các HS LGBT cho thấy cảm nhận mạnh mẽ hơn về những hệ lụy tiêu cực lâu dài của bạo lực lời nói và bạo lực tâm lý – xã hội so với các nhóm khác. Một bộ phận trong cả HS lẫn CMHS vẫn chấp nhận các biện pháp của GV duy trì kỷ luật trong trường học thông qua những hành vi như đánh mắng. CMHS thường không nhận thức được các trách nhiệm của nhà trường trong việc giúp ngăn chặn BLHĐTCSG xảy ra ở ngoài khuôn viên trường, trong khi một số thanh thiếu niên đồng tính và không tuân theo giới/khác biệt về giới (không tuân theo khuôn mẫu giới vốn có trong xã hội) không nhận thức được rằng sự phân biệt đối xử mà họ đang phải chịu đựng là một dạng bạo lực.
- **Trải nghiệm BLHĐTCSG:** Hơn một nửa (51.9%) số học sinh tham gia khảo sát cho biết là đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 6 tháng trước cuộc khảo sát. Học sinh LGBT (nhất là những em nam có biểu hiện ‘nữ tính’, bị hấp dẫn bởi người cùng giới hay các thanh thiếu niên chuyển giới/khác biệt về giới) có nguy cơ đặc biệt cao trở thành nạn nhân và có xu hướng phải chịu đựng mọi loại bạo lực – 71% HS LGBT trước khảo sát đã từng bị bạo lực thể chất; 72.2% bị bạo lực lời nói. Thêm vào đó, học sinh nam bị bạo lực nhiều hơn HS nữ ở tất cả các dạng (trừ việc là đối tượng của những chuyện bàn tán, ngồi lê đôi mách). Các vụ bạo lực thuộc tất cả các dạng của BLHĐTCSG xảy ra phổ biến hơn trong HS trung học cơ sở (THCS) so với HS THPT.
- **Các lý do dẫn đến BLHĐTCSG:** Các khuôn mẫu và định kiến (có tính tiêu cực đối với nữ tính, biểu hiện giới tính khác biệt và bị cho là ‘yếu ớt, ẻo lả’) được xem là những động cơ chính dẫn đến BLHĐTCSG. CMHS và các GV cũng đề cập đến sự tác động của các đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi vị thành niên, bởi hooc-môn và nhu cầu khẳng định cái tôi giữa bạn bè. Bị cô lập, cách biệt khỏi các nhóm xã hội do địa vị kinh tế, dân tộc, ngôn ngữ hay yếu tố vùng miền, địa phương (ví dụ như xuất thân từ vùng nông thôn) cũng được các GV, CBQL và CMHS nói đến, và sự giao thoa giữa các khác biệt này làm tăng thêm sự cô lập, tẩy chay.
- **Ảnh hưởng của BLHĐTCSG:** Các nạn nhân của BLHĐTCSG thường dễ bị sa sút trong học tập hơn và e ngại tham gia vào các hoạt động tập thể, và có những biểu hiện cho thấy những tác động tiêu cực đối với sức khỏe tâm lý như buồn chán, có ý nghĩ hoặc đã từng tự làm mình bị thương, hay tự tử. Các tác động tiêu cực này đều được nhận thấy ở HS bị bạo lực thuộc tất cả các dạng, nhưng biểu hiện rõ ràng hơn đối với các em LGBT. Những em là nạn nhân của bạo lực thường dễ bị cô lập, bị cản trở các cơ hội học tập, dẫn đến việc các em thường không đáp ứng được mong đợi của gia đình và nhà trường.
- **Phản ứng của học sinh khi bị BLHĐTCSG:** Khoảng một phần ba HS là nạn nhân của bạo lực nói rằng các em tìm kiếm sự hỗ trợ của người lớn; tuy nhiên, có một bộ phận các em cũng bày tỏ sự thiếu tin tưởng vào khả năng của người lớn có thể giúp giải quyết vấn đề. Các HS chứng kiến hành vi BLHĐTCSG thường có ba cách phản ứng chính (với tần suất khá tương đương nhau), đó là: báo cho cán bộ nhân viên nhà trường, cố gắng can ngăn, và không làm gì cả. Tần suất của cả ba loại phản ứng này khá giống nhau, mặc dù tỉ lệ HS LGBT chọn phản ứng “không làm gì cả” cao hơn so với tỉ lệ của các HS nam và nữ không LGBT. Sự hãi là một nguyên nhân chính quyết định việc chọn cách phản ứng ‘không làm gì’; những HS không làm gì khi chứng



kiến các hành vi BLHĐTCSG phần lớn nói rằng các em sợ bị vạ lây, sợ bị trả thù hoặc sẽ rơi vào nhóm bị bắt nạt giống các nạn nhân bị bạo lực.

- **Các biện pháp can thiệp, phòng ngừa đã thực hiện:** Có những sự khác biệt lớn giữa đánh giá của cán bộ nhân viên nhà trường và đánh giá của HS về các cơ chế phòng ngừa/ứng phó đối với BLHĐTCSG trong nhà trường, với 95.4% GV/CBQL và chỉ có 14.6% HS khẳng định là trường học của họ đã có các biện pháp xử lý. Một số trường học có những biện pháp cấu trúc cụ thể để phòng ngừa bạo lực xảy ra, trong đó có các hệ thống theo dõi qua camera và các phòng tư vấn tâm lý; tuy nhiên, những biện pháp này chưa phổ biến rộng rãi, dường như còn mới sơ khai, và hiệu quả cũng hạn chế. Sự hạn chế về các nguồn lực đã được nhận ra và hiệu quả của chúng cũng hạn chế do không có những kế hoạch đối phó, xử lý BLHĐTCSG một cách toàn diện.

## Thảo luận & Khuyến nghị

Các chuyên gia xây dựng chương trình giảng dạy và hoạch định chính sách cần tích cực xóa bỏ những lỗ hổng về nhận thức và kỹ năng liên quan đến BLHĐTCSG của tất cả các bên liên quan đến giáo dục, thông qua việc rà soát một cách triệt để các nguồn lực giáo dục và xây dựng chính sách với những hướng dẫn, quy định rõ ràng trong một số lĩnh vực. Nhà trường cần giải quyết vấn đề BLHĐTCSG một cách trực tiếp thông qua những phương pháp giáo dục có tính đổi mới và tham gia vào những chiến dịch có liên quan đến BLHĐTCSG và LGBT nhằm tạo ra những môi trường an toàn và thân thiện. Việc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ nhân viên, đưa ra các quy định và quy trình rõ ràng, cung cấp tư vấn tâm lý đặc biệt và có sự linh hoạt trong các quy định về đồng phục HS, liên kết với cộng đồng cũng được đề xuất. Có thể cần có những nghiên cứu tiếp theo để giải quyết một số hạn chế trong nghiên cứu này, trong đó có sự tham gia đại diện cho nhiều tỉnh thành hơn, nghiên cứu theo chiều dọc (longitudinal study), và tiến hành khảo sát, điều tra những biện pháp hữu hiệu để cải tạo các cá nhân gây bạo lực và tạo khả năng ứng phó cho các nhóm có nguy cơ cao bị tẩy chay, cô lập.









# 1 Lý do thực hiện nghiên cứu

**“Đối với trẻ em là nạn nhân của bạo lực, trường học có thể trở thành một thử thách chứ không phải là một cơ hội. Những triển vọng và tiềm năng mà giáo dục có thể đem lại và niềm háo hức của sự khám phá và học tập đang bị hủy hoại bởi sự đau đớn, tổn thương và sợ hãi. Trong một số trường hợp, kết quả học tập của trẻ em bị ảnh hưởng, sức khỏe và hạnh phúc của các em bị ảnh hưởng, và năng lực hoạt động của các em - với tư cách là những cá nhân tự tin, có khả năng phát triển các mối quan hệ cởi mở và đáng tin cậy với những người khác - bị tổn thương. Tác động tiêu cực của bạo lực học đường không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến các học sinh là nạn nhân mà còn lây lan sâu rộng hơn - trong nhà trường và ngoài xã hội. Nó ảnh hưởng tới cuộc sống của những người chứng kiến bạo lực và tạo nên một bầu không khí lo lắng và bất an, không phù hợp với việc học tập.”<sup>1</sup>**

**Marta Santos Pais**  
*Đại diện đặc biệt của  
Tổng Thư ký Liên Hợp  
Quốc (LHQ) về Bạo lực  
đối với Trẻ em*

## Những điểm chính

- Việt Nam đã ký cam kết với nhiều công ước quốc tế nhằm xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường.
- Việc đưa những cam kết này vào thực tiễn đòi hỏi trước tiên phải thừa nhận thực tế rằng các trường học có thể là nơi xảy ra bạo lực.
- Báo cáo này nằm trong nỗ lực lớn hơn của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam trong việc thừa nhận các vấn đề của thực trạng BLHĐTCSG, và đối phó với BLHĐTCSG trong các trường học ở Việt Nam.

### 1.1 Cam kết các với Chính sách Toàn cầu

Giáo dục là một quyền cơ bản của con người, đã được công nhận trong Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền năm 1948<sup>2</sup> và đã được quy định trong Công ước Quốc tế về Các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa và Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em (CRC).<sup>4</sup> Tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng sự giáo dục này diễn ra các môi trường học tập an toàn, an ninh và phi bạo lực đã được nhấn mạnh trong các công ước và các cơ quan của các điều ước này cũng như của các điều ước và công ước khác, bao gồm cả trong các Bình luận chung của CRC<sup>3</sup> và trong Công ước của UNESCO chống phân biệt đối xử trong giáo dục.<sup>5</sup>

Các văn kiện quốc tế khác cũng đồng thời kêu gọi có những biện pháp bảo vệ tất cả mọi người, nhất là phụ nữ và trẻ em gái, khỏi mọi hình thức bạo lực, như Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)<sup>6</sup>, Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD)<sup>7</sup> và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh. Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn các văn kiện này, cho thấy sự ủng hộ của Chính phủ đối với chính sách toàn cầu có liên quan trong lĩnh vực này.

Những nhà hoạt động trong lĩnh vực quyền giáo dục từ khắp nơi trên thế giới đã bày tỏ các nỗ lực chung và rộng khắp vào năm 2010 để thúc đẩy việc công nhận xu hướng tính dục như là một lĩnh vực nền tảng được bảo vệ trong luật pháp quốc tế về các quyền con người – và họ đã thành công<sup>9</sup>. Tiếp đó, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Ban Ki Moon đã gọi nạn bắt nạt do ghét sợ đồng tính ở các trường học trên toàn thế giới “là một sự xúc phạm đạo đức, một sự vi phạm nghiêm trọng các quyền con người và là một cuộc khủng hoảng y tế công cộng”,<sup>10</sup> nhấn mạnh những hậu quả phổ biến về thể chất và riêng tư đối với các HS đồng tính nữ, đồng tính nam và song tính (LGB) do sự phân biệt đối xử và bạo lực mà các em phải chịu trong các trường học trên khắp thế giới. Liên Hợp Quốc đã bắt đầu ưu tiên các vấn đề liên quan đến các quyền giáo dục của những người LGB; 200 Quốc gia Thành viên của Liên Hợp Quốc đã tổ chức sự kiện ‘Chấm dứt Bắt Nạt – Thúc đẩy bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới’ và

đã đưa ra chính sách ‘Được sinh ra có quyền tự do và bình đẳng’<sup>11,12</sup>

Hội nghị ‘Tham vấn quốc tế lần thứ nhất về nạn bắt nạt do chứng sợ đồng tính (sửa những chỗ tương tự) trong các cơ sở giáo dục’ của UNESCO được tổ chức tại Brazil với sự tham dự của các chính phủ và các nhà nghiên cứu đến từ tất cả các khu vực trên thế giới, trong đó có khu vực châu Á-Thái Bình Dương (và cụ thể là Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số / CCIHP của Việt Nam) - những người đã kêu gọi có những thay đổi trong chính sách và thực hành giáo dục.<sup>13,14</sup> Mạng lưới Toàn cầu chống bắt nạt người đồng tính và chuyển giới trong trường học (gọi tắt là ‘the Global Network’ – ‘Mạng lưới Toàn cầu’) đã được thành lập và họp 6 tháng một lần, nhằm thúc đẩy các mục tiêu chính sách.<sup>15</sup> Trong năm 2015, UNESCO Bằng Cốc đã đăng cai tổ chức lần đầu tiên ‘Tọa đàm Tham vấn châu Á-Thái Bình Dương về Nạn bắt nạt liên quan đến Nhà trường trên cơ sở Xu hướng Tính dục và Bản dạng/ Thể hiện giới’. Sự kiện mang ý nghĩa đột phá này có sự tham dự của các đại diện từ Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD-ĐT) Việt Nam; bên cạnh những đại diện của các chính phủ khác, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức giáo dục học thuật trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Các đại biểu của Việt Nam đã đóng góp quan điểm của họ vào việc phát triển những cam kết chung có tính đặc thù của khu vực để có những cải cách giáo dục liên quan đến xu hướng tính dục và bản dạng/ thể hiện giới được phác thảo trong bản báo cáo về sự kiện này.<sup>16</sup>

Sự quan tâm đến những vấn đề này còn thể hiện rõ nét hơn trong Các Mục tiêu Phát triển Bền vững, với việc các vấn đề có liên quan được đưa vào ba mục tiêu.<sup>17</sup> Trong Mục tiêu thứ 4 có một chỉ tiêu là ‘Xây dựng và cải tiến cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục thích hợp với trẻ em, người khuyết tật và nhạy cảm về giới, cung cấp các môi trường học tập an toàn, phi bạo lực, rộng mở và hiệu quả cho tất cả mọi người’. Mục tiêu thứ 16 bao gồm cả một chỉ tiêu là ‘Giảm đáng kể tất cả các hình thức bạo lực và tỷ lệ tử vong có liên quan ở tất cả mọi nơi’. Mục tiêu thứ 5 có nhiều chỉ tiêu khác nhau liên quan đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái ở những nơi công cộng cũng như những không gian sinh hoạt riêng.

## 1.2 Áp dụng vào thực tế ở Việt Nam

Mặc dù đã có những cam kết này, nhưng những nghiên cứu ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia cho thấy trường học và các cơ sở giáo dục khác ở Việt Nam chưa thực sự là những không gian luôn luôn an toàn và mang tính hòa nhập cho tất cả trẻ em và thanh thiếu niên. Trên thực tế, đối với nhiều người, trường học là nơi xảy ra các hành vi bạo lực thể chất, lời nói, tâm lý - xã hội và tình dục.<sup>18-21</sup> Tình trạng bạo lực này có vẻ như đang ngày càng gia tăng với những vụ việc được báo đến đường dây nóng của Cục Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em tăng gấp 13 lần trong mười năm qua. Trong nghiên cứu gần đây tại hai trường trung học cơ sở ở Hải Phòng, 56.8% học sinh được khảo sát đã nói rằng các em đã từng bị bắt nạt.<sup>22</sup> Hơn thế nữa, một cuộc điều tra tại chỗ do Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) tiến hành với 520 người đồng tính, song tính và chuyển giới có độ tuổi trung bình là 21 đã chỉ ra rằng khoảng 41% số họ phải chịu đựng sự phân biệt đối xử và bạo lực ở nhà trường phổ thông hoặc đại học.<sup>23</sup> Trên thực tế, cộng đồng LGBT ở Việt Nam có thể là đối tượng của bạo lực trên cơ sở giới dưới những hình thức khác nhau (Ví dụ như cô lập, phân biệt đối xử, hay bắt nạt). Loại bạo lực này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất, tinh thần và kết quả học tập của trẻ em và thanh thiếu niên.<sup>24-26</sup> Về lâu dài, những hành vi bạo lực như vậy có thể sẽ ảnh hưởng xấu đến khả năng có việc làm và sự phát triển kinh tế của đất nước.<sup>27</sup>

Tuy nhiên, mặc dù còn có những lỗ hổng dễ nhận thấy trong công tác nghiên cứu về BLHĐTCSG và việc thiếu tính toàn diện trong những chính sách cụ thể liên quan đến phòng chống BLHĐTCSG, những chính sách quốc gia hiện hành ở Việt Nam thực sự đã cung cấp nền tảng hỗ trợ và tạo cơ hội trong việc điều tra, nghiên cứu hướng tới phát triển và đóng góp các nỗ lực ngăn ngừa. *Khung Chính sách quốc gia về bình đẳng giới* giai đoạn 2011-2020 đã được thông qua với mục tiêu đề cao tầm quan trọng của bình đẳng giới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bao hàm cả những nỗ lực giáo dục hướng tới mục tiêu này. Hơn nữa, không giống nhiều quốc gia láng giềng của mình, Việt Nam giờ đây đã không còn cấm hôn nhân đồng giới<sup>28</sup> và gần đây đã thông qua một đạo luật có tính bước ngoặt công nhận quyền của người chuyển giới được, theo đó công nhận về mặt pháp lý đối với bản dạng giới khác với giới tính đã được xác định khi một người sinh ra.<sup>29</sup> *Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Bình đẳng Giới* cũng đã được xây dựng cho

giai đoạn từ 2011 đến 2015 và với việc Việt Nam đang phát triển các chiến lược mới nhằm đạt các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), trong đó đề xuất những vấn đề rõ ràng để đánh giá và cải thiện tình hình hiện nay xung quanh các vấn đề bình đẳng giới, bảo vệ sự an toàn và hòa nhập liên quan đến giới tính trong giáo dục.<sup>30</sup>

### 1.3 Xem xét các yếu tố tác động của bối cảnh

Thực tế cho thấy rằng hầu hết những dạng bạo lực học đường có nguồn gốc sâu xa là từ các mối quan hệ bất bình đẳng giới, các chuẩn mực xã hội về giới và những thái độ, hành động có tính phân biệt đối xử.<sup>31,32</sup> Chính phủ Việt Nam, trong đó có Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD-ĐT), đã thể hiện cam kết và quyết tâm trong việc giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới bằng cách thông qua Luật Bình đẳng Giới. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những chương trình toàn diện giải quyết vấn đề bạo lực dựa trên cơ sở giới trong các cơ sở giáo dục. Chỉ có một vài nghiên cứu và số lượng hạn chế các chương trình can thiệp ở qui mô nhỏ để cập đến vấn đề này.

Nghiên cứu này được thực hiện theo sự ủy thác của BGD-ĐT và với sự hỗ trợ của UNESCO, nhằm mục đích xây dựng những luận cứ dựa trên thực chứng của Việt Nam về đến bản chất, mức độ và tác động của các dạng bạo lực dựa trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG), bao gồm cả bạo lực dựa trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng/ thể hiện giới. Mục tiêu tổng thể của công trình này là thực hiện một nghiên cứu có thể cung cấp thông tin cho việc xây dựng và triển khai những hoạt động, sáng kiến trong tương lai nhằm giải quyết thực trạng BLHĐTCSG. Tại Việt Nam, căn cứ vào những yếu tố và điều kiện bối cảnh hiện tại để Việt Nam có thể thực thi cam kết của mình với các công ước quốc tế chống BLHĐTCSG, tạo nên môi trường học đường an toàn.

Bản báo cáo này gồm các phần chính: lý do thực hiện nghiên cứu, khung khái niệm, tổng quan tài liệu nghiên cứu liên quan đến BLHĐTCSG, phương pháp nghiên cứu, những phát hiện của nghiên cứu, những nhận xét liên quan và khuyến nghị xuất phát từ việc phân tích thực trạng. Phần tiếp theo đây sẽ xem xét khung khái niệm của nghiên cứu, bao gồm các định nghĩa và một số yếu tố cơ bản tác động, liên quan đến BLHĐTCSG.







## 2 Khung khái niệm

### BLHĐTCSG là gì?

**“Những gì chúng ta cần là hành vi được thay đổi. Chúng ta cần phải ngăn chặn những thái độ ngầm định, định kiến và sự phân biệt đối xử - những yếu tố dẫn đến các hình thức bạo lực cụ thể.”<sup>33</sup>**

*Cựu Cao ủy Nhân Quyền  
Liên Hợp Quốc (LHQ)  
Navi Pillay phát biểu về  
bạo lực trên cơ sở giới liên  
quan đến nhà trường.*

### Những điểm chính

- Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG) bắt nguồn từ ác định kiến, vai trò và các chuẩn mực trong xã hội về giới.
- BLHĐTCSG có thể bao gồm các loại hình như bạo lực bằng lời nói, bạo lực tâm lý, bạo lực thể chất và bạo lực tình dục.
- BLHĐTCSG có thể xảy ra tại nhiều không gian ở trong và xung quanh trường học, từ khu vệ sinh của nhà trường đến các địa chỉ ảo trên mạng.

### 2.1 Định nghĩa BLHĐTCSG

Bạo lực trong và xung quanh trường học là một hiện tượng toàn cầu, nhưng những nhà tâm lý xã hội học đương đại chỉ ra rằng khía cạnh giới phần lớn đã bị bỏ qua trong lịch sử.<sup>34</sup> Các quan điểm xã hội học và tội phạm học về bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG) thường hoặc đề cập qua loa về nó như là một điều không đáng để xem xét, hoặc tập trung một cách quá cụ thể vào các nhóm phạm tội dễ nhận thấy (như những băng nhóm thanh thiếu niên nam xuất thân từ các hoàn cảnh kinh tế - xã hội thấp).<sup>35</sup> Leach và Mitchell cho rằng các bên liên quan đến giáo dục cần phải có một cách tiếp cận toàn diện đối với định nghĩa và khái niệm hóa BLHĐTCSG, mở rộng phạm vi định nghĩa này từ chỗ chỉ thường được sử dụng xung quanh loại bạo lực thể chất giữa vợ chồng hay do băng nhóm gây ra, đến mức bao hàm các hình thức bạo lực khác như bạo lực tình dục. Jones và Hillier đã áp dụng khái niệm này theo cách thậm chí còn rộng hơn, bao gồm cả một loạt các trải nghiệm về các dạng bạo lực liên quan đến trường học như bạo lực thể chất, bằng lời nói, bạo lực về mặt xã hội, và bạo lực liên quan đến công nghệ cùng các hình thức bạo lực khác trên cơ sở giới tính, xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới của học sinh.<sup>25</sup> Smith và các cộng sự tiếp tục mở rộng định nghĩa này với việc đưa vào cả dạng bạo lực trên cơ sở những biểu hiện và khác biệt không theo khuôn mẫu giới thông thường của các em.<sup>36</sup>

Do đó, khái niệm BLHĐTCSG được sử dụng trong báo cáo này là một thuật có tính ngữ khái quát chung. Nó bao gồm những hành động và sự đe dọa xảy ra trong và xung quanh các khung cảnh giáo dục và có thể gây tổn hại đối với trẻ em dưới dạng thể chất, lời nói, tình dục, xã hội hay có liên quan đến công nghệ (qua Internet và các thiết bị di động). BLHĐTCSG có căn nguyên từ những định kiến giới, những chuẩn mực vốn có trong xã hội về vai trò (thể hiện) giới, cũng như các chuẩn mực về giới thường được gán cho hay được kỳ vọng ở trẻ em. Bất cứ một người học nào, không phân biệt xu hướng tính dục của họ, cho dù họ là nữ hay nam, người chuyển giới hay song tính, đều có thể bị ảnh hưởng.<sup>19</sup> Những cách thức mà nhà trường tác động đến BLHĐTCSG (cải thiện hay làm cho tình hình tồi tệ hơn) cũng đã được xem xét trong báo cáo này.

BLHĐTCSG còn được nhận thức như là một dạng bạo lực được thúc đẩy bởi những động cơ liên quan đến sự không cân bằng về sức mạnh và quyền lực chẳng hạn như phân biệt đối xử theo giới tính, chứng ghét sợ người đồng tính, chuyển giới, và các động cơ khác. BLHĐTCSG cũng được coi là có khả năng tạo ra những hệ lụy nghiêm trọng hơn bởi các hình thức khác như cô lập, tẩy chay, phân biệt đối xử, và cả bởi sự giao thoa, cộng hưởng của các dạng bạo lực



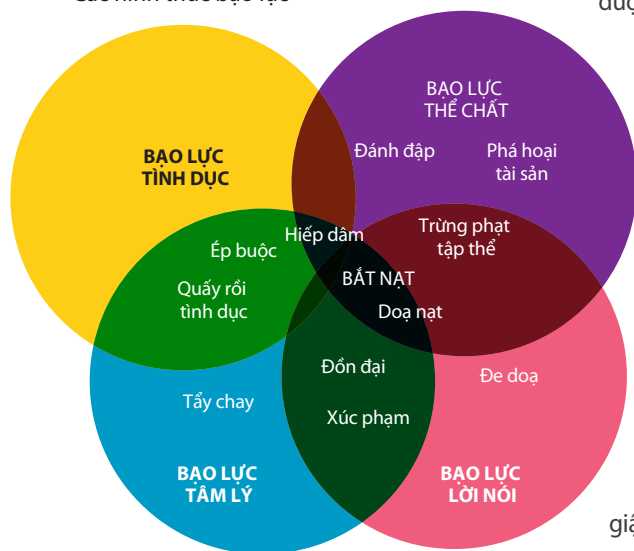
này. Nó có thể xảy ra trong trường học, hoặc trên đường đến trường và về nhà; có thể bị gây ra bởi bạn bè cùng học, bởi giáo viên và cán bộ nhân viên khác trong trường. Các công nghệ liên quan đến Internet và điện thoại di động cũng đã và đang mở rộng phạm vi của dạng bạo lực tâm lý xã hội thông qua sự bắt nạt trên không gian mạng.<sup>37</sup>

## 2.2 BLHĐTCSG bao gồm những gì?

Các hình thức BLHĐTCSG được nhận diện phức tạp và đa dạng, và bao gồm bạo lực lời nói, tâm lý – xã hội, thể chất và bạo lực tình dục (xem Biểu đồ 1).<sup>38</sup> Bạo lực tình dục thường

**Biểu đồ 1:**

Các hình thức bạo lực<sup>38</sup>



được nhận thức như là những đe dọa và hành vi đụng chạm, bình phẩm và hình ảnh có tính gạ gẫm và không được mong muốn, những hành vi dụ dỗ người khác quan hệ tình dục đổi lấy vật chất hoặc lợi ích nào đó và cả hành vi hiếp dâm. Bạo lực thể chất có thể xảy ra khi một HS bị đấm, đá, du đẩy, bị đánh bằng một vật gì đó, và trong một vài trường hợp cực kỳ nghiêm trọng thì bị bỏng do bị tạt axit. Nhục hình (trùng phạt thân thể) cũng là một dạng bạo lực thể chất, và cũng giống như bất kỳ hình phạt nào trong đó vũ lực được sử dụng một cách cố ý nhằm gây đau đớn hoặc cảm giác khó chịu, khổ sở. Hầu hết các hình phạt dạng này là “đánh đập”, tát, hoặc “phát vào mông” trẻ em bằng tay hoặc bằng một dụng cụ gì đó, nhưng cũng có thể bao gồm cả việc du lặc người hoặc quăng quật trẻ em, giật tóc hoặc bắt trẻ phải ở trong những vị trí hoặc tư thế không



thoải mái. Bạo lực lời nói có đặc trưng là dùng những lời lẽ châm chọc, giễu cợt, bần tán, nguyền rủa, dùng từ ngữ cay nghiệt, tung tin và lan truyền những tin đồn. Tẩy chay, cô lập về mặt xã hội, đe dọa và sỉ nhục là những hành vi điển hình của dạng bạo lực tâm lý xã hội.

Như Biểu đồ 1 cho thấy, các hình thức khác nhau của BLHĐTCSG có sự giao thoa, chồng chéo lên nhau. Ví dụ như nạn bắt nạt, xảy ra khi có sự mất cân bằng quyền lực giữa “kẻ bắt nạt” và “người bị bắt nạt” và có thể diễn ra thông qua tiếp xúc thể chất, các cuộc tấn công bằng lời nói, tẩy chay xã hội, và hành vi mang tính tâm lý. Học sinh bị bắt nạt khi các em liên tục và cố ý tiếp xúc với hành vi có hại và / hoặc hung hăng mà kết quả nhận được là sự chấn thương hay sự khó chịu.

Hơn nữa, BLHĐTCSG còn biểu hiện hàng ngày trong các hoạt động ở trường học, như định kiến giới trong sách giáo khoa, chương trình giảng dạy, cách thức giảng dạy của giáo viên. Điều này càng làm gia tăng những kỳ vọng giới cứng nhắc và cổ vũ cho những thái độ, cách ứng xử gây tổn thương và bất an cho người khác. Như vậy, vô hình chung BLHĐTCSG đã được thể hiện một cách chính thống trong nhà trường.<sup>39,40</sup>

## 2.3 BLHĐTCSG xảy ra ở đâu?

BLHĐTCSG có thể xảy ra ở bất kỳ nơi đâu trong và ngoài các cơ sở giáo dục (xem Biểu đồ 2); Tuy nhiên, có những nơi dường như nguy hiểm hơn đối với học sinh. Các khu vực đáng lo ngại đặc biệt trong khuôn viên trường học, nhất là đối với trẻ em gái, thường là các phòng vệ sinh, hành lang và phòng học, và ở một số trường thì cả khu nhà nghỉ của cán bộ giáo viên nữa. Nguy cơ xảy ra bạo lực tình dục, thể chất, lời nói và tâm lý xã hội khi đang đi đến trường và/ hoặc từ trường về cũng là một thực tế đối với nhiều trẻ em. Nguy cơ này tăng lên ở những nơi biệt lập và thiếu sự giám sát đầy đủ.<sup>41-43</sup>

BLHĐTCSG hiện diện trong những bối cảnh giáo dục khác nhau, nhưng nó không tồn tại riêng lẻ; về mặt bản chất, nó liên kết một cách hệ thống với các nguyên nhân gốc rễ ở tất cả các tầng bậc của xã hội.

Mặc dù các dữ liệu về bạo lực đối với trẻ em vẫn còn hạn chế, và thường bỏ qua việc tìm hiểu khía cạnh liên quan đến vai trò giới, nhưng dữ liệu bằng chứng về BLHĐTCSG trong khu vực châu Á – Thái bình dương có xu hướng tăng.<sup>21,44,45</sup> Những bằng chứng hiện hữu, được trình bày trong các phần tiếp theo của báo cáo này, cung cấp một góc nhìn sâu hơn vào các hình thức và động cơ phổ biến của BLHĐTCSG trong khu vực.

### Biểu đồ 2:

Các địa điểm thường xảy ra BLHĐTCSG<sup>96</sup>







# 3 Tổng quan tài liệu

## BLHĐTCSG ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương

**“Nghiên cứu từ nhiều quốc gia và khu vực đều đưa ra bằng chứng về mức độ cao của sự lạm dụng và bạo lực bằng lời nói, thể chất và quấy rối tình dục mà thanh thiếu niên đã trải qua trong trường học.”<sup>13</sup>**

UNESCO

*Tuyên bố Rio về Nạn bắt nạt do ghét sợ đồng tính và Giáo dục cho mọi người*

### Những điểm chính

- Mặc dù chưa có báo cáo đầy đủ về vấn đề này, các tài liệu nghiên cứu cho thấy hiện tượng BLHĐTCSG đang lan rộng toàn cầu và ở khu vực châu Á – Thái bình dương.
- Các nghiên cứu cho thấy BLHĐTCSG có thể có tác động lâu dài đến việc giáo dục cũng như sức khỏe thể chất, tinh thần của trẻ em.
- Sự cấp thiết cần có một nghiên cứu cấp quốc gia về mức độ, bản chất, những tác động và các biện pháp hỗ trợ xung quanh vấn đề BLHĐTCSG ở Việt Nam.

### 3.1 Mức độ của BLHĐTCSG ở châu Á – Thái bình dương

Ở cấp độ toàn cầu, bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG) đã được mô tả là xuất hiện ngày càng phổ biến. Các ước tính cho thấy là hàng năm có tới gần 246 triệu trẻ em gái và trẻ em trai bị BLHĐTCSG.<sup>46-47</sup>

Không có những nghiên cứu có tính hệ thống cho việc thu thập các dữ liệu về tất cả các loại hình BLHĐTCSG ở châu Á – Thái Bình Dương, mặc dù đã có một vài nghiên cứu có hệ thống về bạo lực với phát hiện về bạo lực xảy ra với phụ nữ và trẻ em gái ở mức độ phổ biến. Trong khi có sự biến thiên đáng kể, trong những nghiên cứu này, ước tính khoảng 15 – 71 % nữ giới ở độ tuổi 15 trở lên đã phải chịu đựng bạo lực giới (ví dụ như ở Thái Lan là 1/3 và ở Đông Á là 16%).<sup>48-51</sup>

Các trở ngại đối với việc báo cáo và thu thập dữ liệu về BLHĐTCSG ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng bao gồm cả những yếu tố như sự xấu hổ và định kiến,<sup>48-52</sup> các rào cản về tài chính,<sup>53</sup> sự cảm nhận là những kẻ gây bạo lực không bị trừng phạt, sự thiếu hiểu biết về những sự hỗ trợ có thể có hoặc không tin cậy vào chúng<sup>50</sup> cộng thêm những rào cản khác trong các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột hay trong các cộng đồng di cư, như ở Băng-la-dét và Đông Ti-mo.<sup>54,55</sup> Thêm vào đó, nhiều người không báo cáo hoặc tìm kiếm sự quan tâm, bảo vệ bởi vì họ chấp nhận bạo lực như là điều bình thường và không xem điều đó đáng phải có sự can thiệp.<sup>48</sup>

Năm 2014, một báo cáo tổng quan toàn diện của UNESCO đã nỗ lực tổng hợp các bằng chứng hiện có về BLHĐTCSG ở Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương.<sup>19</sup> Báo cáo phát hiện ra rằng BLHĐTCSG được nhận thấy phổ biến nhất dưới dạng các hành động và đe dọa trừng phạt thân thể, bạo lực và lạm dụng thể chất, bạo lực và lạm dụng tâm lý xã hội, bắt nạt bao gồm cả nạn bắt nạt qua mạng / thiết bị di động, cũng như bạo lực và xâm hại tình dục; nhưng BLHĐTCSG không chỉ dừng lại ở các hành vi đó. Công trình nghiên cứu này cũng nhìn nhận năm yếu tố cơ bản góp phần tác động đến sự gia tăng BLHĐTCSG ở Châu Á – Thái Bình Dương. Những yếu tố này bao gồm: sự bất bình đẳng giới và những kỳ vọng giới có tính cứng nhắc; các chuẩn mực mang tính xã hội, các truyền thống và sự chấp nhận bạo lực; việc chấp nhận các phương thức kỷ luật trong trường của CMHS, GV và HS; môi trường gia đình và nơi sinh sống thiếu an ninh hoặc thiếu an toàn; các cơ chế phòng ngừa hoặc an ninh còn yếu trong các cộng đồng.



**Biểu đồ 3:** Tuyên truyền về BLHĐTCSG ngày càng nhiều hơn ở châu Á – Thái Bình Dương<sup>47</sup>



Năm 2014, tổ chức Plan Quốc tế đã phối hợp với Trung tâm Quốc tế về Nghiên cứu Phụ nữ (ICRW) công bố một báo cáo nghiên cứu điều tra cơ bản đối với năm quốc gia ở Châu Á (Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Nê-pan, Pa-ki-xtan và Việt Nam, với một số thành phố được lựa chọn).<sup>56</sup> Nghiên cứu nhận thấy rằng BLHĐTCSG vừa xuất hiện một cách phổ biến vừa xảy ra ở mức độ cao trong tất cả năm nước. Trên toàn khu vực, bạo lực tinh thần, cảm xúc là hình thức bạo lực phổ biến nhất mà học sinh trải qua trong các trường học, tiếp đó là bạo lực thể chất và bạo lực tình dục. Các học sinh nhận xét rằng tất cả các hình thức bạo lực đều là những nhân tố khiến cho trường học của các em trở nên không an toàn.

Báo cáo nghiên cứu này cho thấy cả trẻ em gái lẫn trẻ em trai đều có thể là nạn nhân hoặc là người gây ra BLHĐTCSG; tuy nhiên, có những sự khác biệt giữa các trải nghiệm bạo lực và khả năng bị tổn thương bởi bạo lực của các em. Ở tất cả các địa bàn nghiên cứu đều có một tỉ lệ chênh lệch giữa số trẻ em nam nói là từng đối mặt với bạo lực thể chất trong trường học so với các bạn học nữ - một phát hiện cũng được đề cập trong các nghiên cứu quốc tế.<sup>1,39</sup> Bạo lực tình dục cũng được ghi nhận ở tất cả các nước; tuy nhiên, không có sự khác biệt đáng kể giữa mức độ phổ biến của các trải nghiệm của học sinh nam và học sinh nữ về bạo lực tình dục ở trong và xung quanh khuôn viên trường học.<sup>56</sup> Điều này đối lập với những dữ liệu toàn cầu nhận định rằng trải nghiệm của các em gái về bạo lực tình dục cao hơn đáng kể so với trải nghiệm của trẻ em trai.<sup>1,39</sup> Khuôn mẫu giới, các thái độ không công bằng về giới, khả năng dễ bị bạo lực và các cơ chế tiếp nhận, báo cáo vụ việc yếu kém đều được nêu ra như là những động cơ tiềm tàng của BLHĐTCSG, đặc biệt là giữa các bạn học cùng trang lứa.

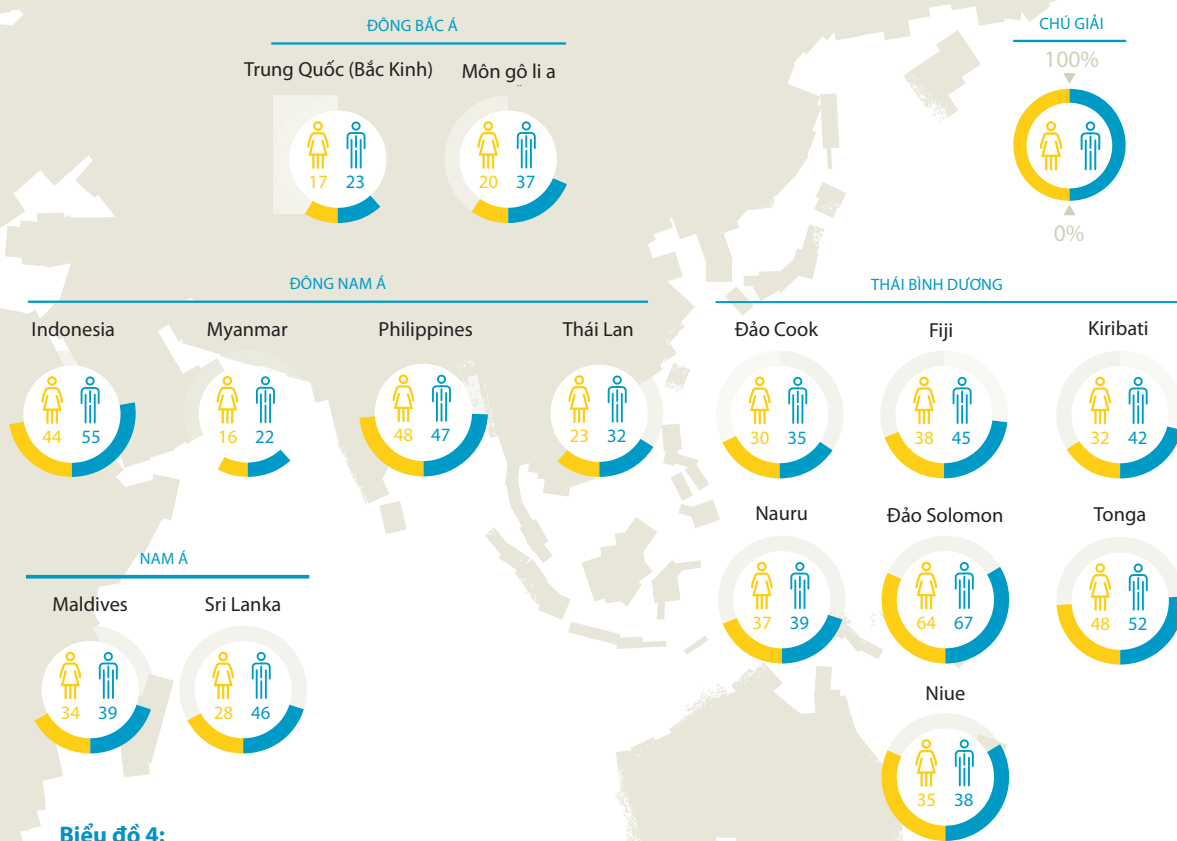
**Bạo lực tình dục** thường được che phủ trong màn bí mật và những vụ việc của dạng bạo lực này thường có xu hướng không được báo cáo đầy đủ. Tất cả các vấn đề xoay quanh sự kỳ thị, các chuẩn mực lạc hậu về nữ tính, sự trinh tiết và quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, cũng như nỗi lo sợ phải chịu những hậu quả nặng nề đều là những yếu tố hạn chế đối với việc xây dựng luận cứ thực chứng hiện nay.<sup>57</sup> Mặc dù có những hạn chế trong dữ liệu, các rà soát tổng quan và các nghiên cứu ở quy mô nhỏ đã góp phần cung cấp sự hiểu biết sâu sắc nhất định về những mối đe dọa và những trải nghiệm bạo lực tình dục mà các HS trong khu vực phải đối mặt. Nghiên cứu rộng hơn tập trung vào vấn đề bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái đã có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc xây dựng cơ sở thực chứng này.

Một nghiên cứu tổng quan của UNICEF (2014) cho thấy bạo lực tình dục khá phổ biến trong cuộc sống của nhiều trẻ em gái ở Châu Á – Thái Bình Dương.<sup>21</sup> Dữ liệu từ 40 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, trong đó có các nước ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cho thấy phụ nữ và trẻ em gái dễ bị bạo lực tình dục hơn là nam giới và trẻ em trai. Báo cáo tổng quan này cũng ghi nhận rằng 10% trẻ em gái vị thành niên ở độ tuổi 15-19 đã từng báo cáo về những vụ việc bị ép quan hệ tình dục, hoặc bị ép buộc tham gia những hành động tình dục khác trong năm trước đó.

**Trừng phạt thân thể** được ghi nhận là một trong những hình thức phổ biến nhất và được chấp nhận của BLHĐTCSG ở Châu Á-Thái Bình Dương. Theo ước tính, có hơn một nửa trẻ em trên toàn thế giới sống ở những nước mà các em không được pháp luật bảo vệ khỏi sự trừng phạt thân thể ở trường học. Nghiên cứu ở Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Hàn Quốc đã báo cáo về dạng bạo lực này như là hình thức kỉ luật phổ biến nhất và tồn tại với phạm vi rộng ở nhiều trường học.<sup>58-60</sup> Địa vị kinh tế xã hội và các khả năng dễ bị tổn thương khác cũng cho thấy có sự tương tác với mức độ phổ biến của trừng phạt thân thể.

Trừng phạt thân thể ở trường học xảy ra theo những cách thức có liên quan đến đặc điểm giới. Ở cấp độ khu vực và toàn cầu, các HS nam được ghi nhận là bị trừng phạt thân thể ở trường học thường xuyên hơn và nặng nề hơn so với các bạn HS nữ; các HS nữ thì dễ bị các hình thức kỉ luật bằng lời nói hơn.<sup>19,61</sup> Các GV nam được ghi nhận là dễ sử dụng các hình thức thể chất của trừng phạt thân thể, đặc biệt là với các HS nam, trong khi các GV nữ thường sử dụng các hình thức trừng phạt bằng lời nói hơn.<sup>14,18</sup> Nghiên cứu này cũng phát hiện rằng các hình thức trừng phạt thân thể được các GV nam áp dụng với HS nam có thể xuất phát từ những chuẩn mực và kỳ vọng về ‘nam tính’, ‘nữ tính’ - trong đó nam tính được xem là phải mạnh mẽ, năng nổ và có kỉ luật, trong khi nữ tính là thụ động, dễ xúc động và yếu đuối.<sup>18</sup> Sự chấp nhận trừng phạt thân thể cho thấy các trường học này thường bị bỏ qua và có thể không được báo cáo.<sup>62-64</sup>

**Bắt nạt** là một trong những hình thức phổ biến của BLHĐTCSG ở Châu Á-Thái Bình Dương, theo các minh chứng có được từ tài liệu. Các ước tính về tỉ lệ bắt nạt rất khác nhau, tùy thuộc vào phương pháp nghiên cứu – nhưng phương



**Biểu đồ 4:**

Tỷ lệ phần trăm học sinh ở châu Á – Thái Bình Dương bị bắt nạt một hoặc nhiều ngày trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện cuộc khảo sát toàn cầu về sức khỏe học đường (GSHS)<sup>67</sup>

pháp thường hay tập trung vào các hình thức bắt nạt thể chất và không coi trọng yếu tố vai trò/thể hiện giới.<sup>19,31,65,66</sup> Điều tra Toàn cầu về Sức khỏe Học sinh dựa vào Trường học (GSHS) là nghiên cứu có hệ thống được công nhận nhiều nhất về nạn bắt nạt ở khu vực. Nó nêu bật thực tế là bắt nạt xảy ra tương đối phổ biến ở nhiều quốc gia trong Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (xem Biểu đồ 4).<sup>67</sup>

Trong một nghiên cứu toàn cầu gần đây về bắt nạt qua mạng/thiết bị di động với 7.644 thanh thiếu niên ở độ tuổi từ 8 đến 17 ở 25 quốc gia (mỗi nước có khoảng 300 người trả lời câu hỏi khảo sát), các quốc gia có tỷ lệ bắt nạt qua mạng/thiết bị di động cao nhất nằm ở châu Á.<sup>68</sup> Cụ thể là, 70% người tham gia khảo sát từ Trung Quốc đã trải qua bạo lực qua mạng/thiết bị di động và 58% từ Xinh-ga-po – HS ở cả hai nước này bị bắt nạt qua mạng/thiết bị di động nhiều hơn là ở ngoài đời thực. Các tỷ lệ khác là 53% người tham gia từ Ấn Độ đã trải nghiệm bắt nạt qua mạng/thiết bị di động, 33% từ Ma-lai-xi-a, 26% từ Pa-ki-xtan và 17% từ Nhật Bản. Các nghiên cứu khác cho thấy quấy rối trên mạng (online) và trong đời thực (off-line) liên quan chặt chẽ với nhau, ở cả khía cạnh người gây bạo lực và nạn nhân bị bạo lực. Điều này ngụ ý rằng các chương trình phòng chống bạo lực và bắt nạt cần phải giải quyết cả hai vấn đề này như là những yếu tố gắn bó chặt chẽ với nhau.<sup>69,70</sup>

Thực tế cho thấy chưa có sự chú ý, quan tâm thỏa đáng đối với các hành vi bắt nạt, bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới (viết tắt là SOGIE – Sexual Orientation and Gender Identity/Expression) với tư cách là những hình thức bạo lực ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Một nghiên cứu tổng quan khu vực gần đây của UNESCO nhận thấy rằng đa số các học sinh LGBT nói rằng các em đã bị bắt nạt, bạo lực hay phân biệt đối xử.<sup>38</sup> Các tỷ lệ bạo lực, bắt nạt và phân biệt đối xử xảy ra nhiều hơn với học sinh LGBT so với các bạn học khác, và các hành vi này dường như cũng có tác động, gây hệ lụy sâu sắc hơn đối với các em LGBT. Trong nhiều trường hợp, những học sinh là nạn nhân của hành vi bạo lực và bắt nạt không tìm kiếm sự giúp đỡ, do các trường học chưa có những cơ chế hỗ trợ hay ứng phó đầy đủ để giải quyết các vấn đề này.

Trong nghiên cứu nói trên, các đối tượng gây bạo lực và phân biệt đối xử ở trường học trên cơ sở SOGIE chủ yếu là các học sinh cùng trường tuy nhiên, dữ liệu còn cho thấy giáo viên và cán bộ nhà trường cũng có những hành động như vậy. Sự phân biệt đối xử theo giới tính và vị thế thấp hơn của phụ nữ và trẻ em gái trong một số bối cảnh nhất định cũng cho thấy có mối liên hệ với chứng ghét sợ đồng tính và chuyển giới, khiến cho những phụ nữ và trẻ em gái đồng tính, song tính và chuyển giới rất dễ trở thành nạn nhân của bạo lực.<sup>71,72</sup> Phân biệt đối xử và cô lập, tẩy chay ở cấp độ thể chế cũng phổ biến, bao gồm cả việc thể hiện sai lệch về vai trò, khuôn mẫu giới trong sách giáo khoa và các chương trình giảng dạy cũng như thiếu những quy định và cơ sở vật chất có tính đáp ứng giới.

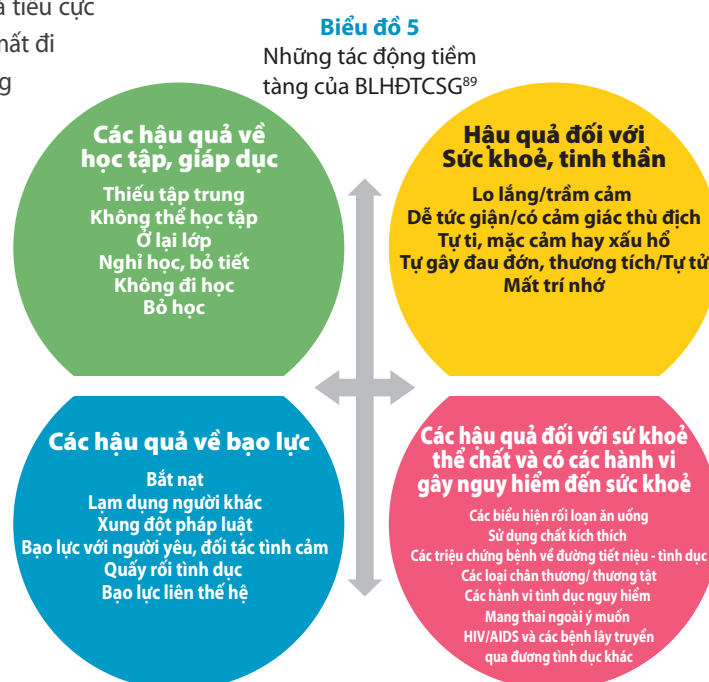
### 3.2 Ảnh hưởng của BLHĐTCSG

BLHĐTCSG có thể gây ra những hậu quả lâu dài, dai dẳng đối với trẻ em khi các em bước vào giai đoạn trưởng thành và còn tiếp tục để lại hệ lụy trong cuộc đời sau này của các em (xem Biểu đồ 5 dưới đây). Các bằng chứng cho thấy rằng khả năng dễ bị trở thành nạn nhân và thực sự trải qua BLHĐTCSG có thể tác động đến hạnh phúc, sự lành mạnh về tinh thần và thể chất, việc giáo dục và học tập cũng như tình trạng sức khỏe nói chung của trẻ em.<sup>19</sup> Điều này có thể bao gồm cả sự mặc cảm tự ti, trầm cảm, nguy cơ tự tử cao hơn, có hành vi tình dục và sử dụng chất kích thích có độ rủi ro cao, sức khỏe thể chất yếu kém và rối loạn căng thẳng sau sang chấn.<sup>73</sup> Ngoài ra, cũng có các dữ liệu cho thấy mối liên hệ giữa những trải nghiệm về bạo lực tình dục với các bệnh truyền nhiễm lây qua đường tình dục trong đó có HIV và các bệnh khác.<sup>49</sup>

Có những bằng chứng cho thấy rằng việc chứng kiến hoặc trải nghiệm bạo lực khi còn là một đứa trẻ có liên quan với sự chấp nhận bạo lực trong tương lai, với tư cách là nạn nhân hoặc là kẻ gây bạo lực, trong các mối quan hệ tương lai, bao gồm cả quá trình trở thành cha mẹ. Điều này được củng cố trong các nghiên cứu ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - những công trình này đã nhận thấy rằng các em trai bị bạo lực hoặc chứng kiến bạo lực thường dễ có khả năng sử dụng bạo lực trong các mối quan hệ của các em hơn.<sup>19, 57,74</sup>

Ở cấp quốc gia, BLHĐTCSG gây ra những thiệt hại thông qua các tác động tiêu cực với các cá nhân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và toàn thể xã hội. Các hậu quả tiêu cực không chỉ được tính bằng chi phí xã hội như việc mất đi các tiềm năng, mà nền kinh tế còn có thể bị tác động một cách tiêu cực, bởi khả năng thu nhập bị giảm đi và dịch vụ y tế cũng như chi phí cho các hoạt động chấp pháp cao hơn. Đầu tư vào việc bảo vệ trẻ em ở trường học có thể giảm bớt gánh nặng chi phí của chính phủ cho những hậu quả lâu dài của BLHĐTCSG, từ đó tác động một cách tích cực đến nền kinh tế và nguồn nhân lực của một đất nước.

Trong một nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động này, một số nước ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện đang đưa ra các chính sách và chương trình mới để kiểm soát BLHĐTCSG. Một vài quốc gia ở Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam, đang tiến hành các biện pháp có tính pháp lý nhằm tính đến việc khắc phục những điều còn thiếu công bằng liên quan đến vấn đề giới.<sup>49</sup> Ở Ô-xtrây-li-a, các luật và chính sách mới cấm phân biệt đối xử và bạo lực trong trường học trên cơ sở giới, thể hiện giới và xu hướng tính dục;<sup>75,76</sup> và các chương trình giáo dục sẽ được sử dụng để dạy trực tiếp về bạo lực trên cơ sở giới.<sup>77</sup> Ở Ấn Độ, nhiều chương trình phòng ngừa đã được thử nghiệm với các vận động viên và bộ phận học sinh





bình thường.<sup>78</sup> Việc thu thập thêm dữ liệu đã và đang được thực hiện ở một loạt các quốc gia trong đó có Ô-xtrây-li-a, Cam-pu-chia và Ấn Độ.<sup>38,49</sup> Phần tiếp theo xem xét các dữ liệu hiện có liên quan đến BLHĐTCSG ở Việt Nam.

### 3.3 Sự cần thiết phải có một nghiên cứu ở Việt Nam về BLHĐTCSG

Các nghiên cứu về bạo lực học đường của Việt Nam còn khá hạn chế. Các kết quả từ cuộc Tổng điều tra khảo sát Sức khỏe Học sinh trong trường học (GSHS) năm 2013 chỉ ra rằng cứ sáu HS ở độ tuổi từ 13-17 thì có khoảng một em báo cáo rằng bị bạo lực thể chất một hoặc hơn một lần trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm khảo sát, đồng thời tỉ lệ này phổ biến hơn ở HS nam (26%) so với HS nữ (10%).<sup>79</sup> Tuy nhiên, dữ liệu cũng cho thấy tỉ lệ trải nghiệm bắt nạt kéo dài một hoặc nhiều ngày trong vòng 30 ngày tính đến thời điểm khảo sát thì tương đương nhau giữa học sinh nam và HS nữ (lần lượt là 23% và 24%).<sup>80</sup> Các nghiên cứu khác ở quy mô nhỏ đã xác nhận rằng (i) bạo lực học đường là phổ biến; (ii) các hình thức bạo lực giữa HS bao gồm bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực xã hội và bắt nạt; và (iii) những HS có xu hướng tính dục và bản dạng/thể hiện giới đa dạng có xu hướng trở thành đối tượng của hành vi bạo lực.<sup>81-83</sup>

Nghiên cứu đầu tiên với khung khái niệm rõ ràng về BLHĐTCSG ở Việt Nam được thực hiện bởi Tổ chức Hòa Bình và Phát triển Tây Ban Nha ở Việt Nam Paz y Desarrollo (PyD).<sup>84</sup> Dự án đã tiến hành nghiên cứu trên 815 HS thuộc 20 trường THCS của thành phố Đà Nẵng. Nghiên cứu này đã tìm hiểu quan điểm giới của HS và phát hiện rằng một nửa số HS được hỏi đã trải qua bạo lực nhưng không báo cáo các vụ việc này, trong đó HS nữ hay báo cáo về bạo lực nhiều hơn HS nam. HS nam dễ bị bạo lực tình dục, tinh thần và thể chất hơn, trong đó có cả những hành vi bạo lực do GV gây ra.

Trong một nghiên cứu khác gần đây, Tổ chức Plan Quốc tế đã nghiên cứu BLHĐTCSG trên 3000 HS THCS và THPT của Hà Nội.<sup>56</sup> Nghiên cứu này cho thấy những mức độ tương tự nhau về các vụ bạo lực đối với cả HS THCS lẫn HS THPT. Bạo lực tâm lý là hình thức bạo lực phổ biến nhất. Các tác động của bạo lực bao gồm cả việc cảm thấy trầm cảm, buồn bã, sợ đến trường và khó tập trung. Các cơ chế báo cáo ở trường học dường như còn thiếu.

Việt Nam cũng đã có một số nghiên cứu về bạo lực với HS LGBT bao gồm: cuộc điều tra do Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) tiến hành với 520 thanh niên đồng tính, song tính và chuyển giới có độ tuổi trung bình là 21 trong đó 41% số người tham gia phải chịu đựng sự phân biệt đối xử và bạo lực ở nhà trường phổ thông hoặc đại học.<sup>23</sup> Nghiên cứu về 168 thanh niên đường phố là LGBT, được tổ chức thực hiện bởi tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) và Viện Nghiên cứu Y học và Xã hội đã nhận thấy rằng phân biệt đối xử (ở nhà và ở trường) đối với những thanh thiếu niên này có thể góp phần làm tăng nguy cơ các em bỏ nhà ra sống lang thang.<sup>85</sup> Các em có nguy cơ cao bị bạo lực ở nhà, ở trường, và trên đường phố. Chỉ có 15.9% thanh thiếu niên LGBT tham gia nghiên cứu này có học vấn trên trung học; 47.8% chỉ có trình độ trung học cơ sở; 27.6% chỉ có trình độ tiểu học và 8.7% không đến trường. Nhìn chung, 44% số em đã bỏ học muốn đi học lại. Nếu không có các biện pháp phòng ngừa, can thiệp để thay đổi cách đối xử của nhà trường với học sinh LGBT, những em này sẽ tiếp tục bị phân biệt đối xử và bạo lực khi quay lại trường học.

Tổng quan các công trình nghiên cứu gần đây về BLHĐTCSG ở Việt Nam cho phép nhận định rằng đã có một số nghiên cứu tập trung vào BLHĐTCSG ở quy mô tương đối lớn xét về số lượng đối tượng tham gia; đã có những nghiên cứu về cả HS THCS và THPT; và sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Tuy nhiên, các nghiên cứu này hoàn toàn không đại diện đầy đủ cho cả nước khi mà địa bàn nghiên cứu mới chỉ hạn chế ở phạm vi một thành phố (Hà Nội hay Đà Nẵng). Do đó, những phát hiện chính có được từ các nghiên cứu này chỉ phục vụ cho chương trình can thiệp tại chỗ ở quy mô nhỏ (ví dụ Hà Nội hay).

Các nghiên cứu này đã so sánh những khác biệt theo giới và tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi hướng tới chuẩn mực giới – một trong những nguyên nhân dẫn đến BLHĐTCSG. Tuy nhiên, những nghiên cứu này vẫn chưa đưa ra được các giải thích toàn diện về sự bất bình đẳng giới, các chuẩn mực và khuôn mẫu giới cho những sự khác biệt giới liên quan đến bạo lực học đường (BLHĐ). Đặc biệt là, không một công trình nào trong số các nghiên cứu theo trường học nói trên xem xét đến các học sinh đa dạng về giới hay tính dục trong đó có cả các học sinh LGBT.

Tóm lại, việc rà soát lại các tài liệu về nghiên cứu liên quan đến BLHĐTCSG cho thấy rằng vấn đề BLHĐTCSG đã và đang được nghiên cứu ở nhiều qui mô và qua nhiều góc độ khác nhau. Hầu hết các báo cáo nghiên cứu trong nước và quốc tế đều nhấn mạnh đến tần suất ngày càng tăng và các hệ lụy tiêu cực của BLHĐ hoặc BLHĐTCSG, cũng như tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc cần phải giải quyết mối lo ngại này một cách chính thức, sâu sắc và ở qui mô lớn hơn. Mặc dù Việt Nam đã có một vài nghiên cứu về BLHĐTCSG, hoạt động này mới chỉ diễn ra ở qui mô nhỏ. Hơn nữa, nghiên cứu về BLHĐTCSG với HS LGBT vẫn còn rất ít trên thế giới và có một khoảng trống về cộng đồng dân số này trong các dữ liệu hiện có ở Việt Nam.

### 3.4 Các mục tiêu của nghiên cứu

Việc rà soát các tài liệu đã cho thấy sự cần thiết phải có một nghiên cứu về BLHĐTCSG ở Việt Nam với **các mục tiêu nghiên cứu** sau:

- Thu thập thông tin về nhận thức và thái độ đối với BLHĐTCSG của HS, GV, CBQL nhà trường và CMHS;
- Thu thập bằng chứng về tính chất và phạm vi, mức độ của BLHĐTCSG, trong đó có bắt nạt do ghét sợ người đồng tính và người chuyển giới;
- Xác định những động cơ chính hoặc những nhân tố góp phần dẫn đến BLHĐTCSG, trong đó có bắt nạt do ghét sợ người đồng tính và người chuyển giới;
- Tìm hiểu các tác động của BLHĐTCSG, trong đó có việc bắt nạt xuất phát từ chứng ghét sợ người đồng tính và người chuyển giới;
- Nhận diện các biện pháp phòng chống và hỗ trợ hiện có của nhà trường, và xác định những hành động có hiệu quả hơn có thể góp phần phòng ngừa các hình thức BLHĐTCSG.

Rõ ràng là cần phải thực hiện một nghiên cứu phức hợp để đạt được những mục tiêu nghiên cứu này. Phần tiếp theo của báo cáo này sẽ phân thảo quan điểm về phương pháp luận và những phương pháp đã được áp dụng trong công trình nghiên cứu này.







# 4 Phương pháp nghiên cứu

**“Hình thức bạo lực đáng lo ngại nhất là nói xấu nhau trên Facebook, gửi tin nhắn qua điện thoại và kéo những người bên ngoài đến đánh hội đồng bạn cùng trường/lớp; vì thế, rất khó để điều tra.”**

*Phòng vấn sâu (PVS),  
giáo viên trung học  
cơ sở*

## Những điểm chính

- Một cuộc khảo sát đã được tiến hành để tìm hiểu bản chất và mức độ của BLHĐTCSG tại các trường thuộc ba khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam.
- Các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu đã được thực hiện đầy đủ, trong đó bao gồm việc người tham gia được bày tỏ sự đồng thuận tham gia vào các hoạt động nghiên cứu với thông tin liên quan được cung cấp đầy đủ, và họ được tôn trọng quyền riêng tư của mình. Cam kết và sự hỗ trợ của BGD-ĐT là nhân tố vô cùng quan trọng để thúc đẩy những người tham gia thoải mái thảo luận về những vấn đề nhạy cảm liên quan đến BLHĐTCSG. Các chuyên gia nghiên cứu quốc tế và quốc gia, các cán bộ làm việc ở các phòng ban, trường học và các tổ chức cộng đồng LGBT đã hỗ trợ dự án.
- Nghiên cứu đã áp dụng phương pháp luận khai mở (emancipatory) nhằm đạt được những mục tiêu về sự công bằng xã hội. Những phương pháp nghiên cứu hỗn hợp như khảo sát trực tiếp với bảng hỏi và khảo sát trực tuyến, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu đã được áp dụng để thu thập thông tin từ các nhóm đối tượng tham gia. Những người tham gia bao gồm học sinh nói chung, học sinh LGBT, cán bộ nhà trường (CBQL và GV) và CMHS.

## 4.1 Cách tiếp cận & Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát vấn đề bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường trong học sinh trung học (THCS, THPT) thuộc hệ giáo dục phổ thông. Nghiên cứu tập trung vào tất cả các hình thức bạo lực đã xảy ra trong các bối cảnh khác nhau liên quan đến trường học, bao gồm cả trong khuôn viên trường học, trên đường đến trường và từ trường về nhà, cũng như các khu vực khác. Nghiên cứu cũng chú ý đến loại bạo lực có thể xảy ra bắt nguồn từ việc HS coi ai đó là người bị hấp dẫn bởi người cùng giới hoặc chuyển giới (trong báo cáo này loại bạo lực như vậy được gọi là bạo lực liên quan đến “LGBT”, hay là bạo lực do chứng ghét sợ người đồng tính hoặc chuyển giới), bất kể họ có thực sự mang bản dạng giới như vậy hay không.

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng **phương pháp luận khai mở**<sup>66</sup> (emancipatory) để tiến hành nghiên cứu về, với và vì những nạn nhân của BLHĐTCSG. Nhóm nghiên cứu hướng tới các mục tiêu công bằng xã hội và truyền tải sự thay đổi trong phương pháp nghiên cứu khai mở tới các cơ quan, cơ sở giáo dục Việt Nam và cộng đồng (thay vì chỉ đơn giản là tạo ra tri thức chỉ thuần túy vì mục đích tự thân của tri thức). Nhóm tham vấn của nghiên cứu đã có sự trợ giúp đặc biệt hữu ích trong việc thảo luận những ý tưởng ban đầu về các mục tiêu có thể đạt được. Nghiên cứu đặc biệt hướng tới các chủ đề liên quan đến những thay đổi về thể chế cả ở phạm vi trong nước và quốc tế, đồng thời hình dung trước những nhu cầu về đào tạo và nguồn lực cần thiết cho trường học và các bên liên quan đến giáo dục. Để thu thập dữ liệu hữu ích cho những mục tiêu đó, nhóm nghiên cứu đã sử dụng cách tiếp cận và các phương pháp cụ thể để thu thập, phân tích thông tin, tư liệu thông qua:

- **Rà soát lại các nghiên cứu quốc tế và trong nước về BLHĐTCSG** để có một bức tranh toàn diện về quy mô, hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, tác động và các biện pháp phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trong trường học và trong cộng đồng.



- **Tham vấn các chuyên gia trong nước và quốc tế** thuộc nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau như tâm lý học, giáo dục học, quản lý giáo dục, xã hội học, đa dạng tính dục và đa dạng giới.<sup>87</sup>

**Các phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng** đã được sử dụng để đạt được các mục tiêu mong muốn. Johnson đã lập luận rằng một cách tiếp cận hỗn hợp các phương pháp trong đó kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng đặc biệt hữu ích để có được sự hiểu biết thấu đáo và củng cố nhận thức cả bề rộng lẫn bề sâu.<sup>88</sup> Hơn nữa, các dữ liệu định lượng được các nhà lý luận đưa ra nhiều lý lẽ bảo vệ để đem lại trọng lượng và sức thuyết phục cho những câu chuyện và ý kiến định tính, bằng cách nhấn mạnh các tần suất xảy ra vụ việc, sự nổi trội của các chủ đề, và/hoặc mức độ phổ biến của một số quan điểm.<sup>89</sup> Các câu hỏi dùng cho nghiên cứu đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam sau khi được thử nghiệm tại một trường học ở vùng ngoại ô Hà Nội trước khi được áp dụng cho cuộc điều tra chính thức. Các dữ liệu định lượng được thu thập từ các học sinh có độ tuổi từ 11-18 đang học các lớp 6-12 thuộc các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, bằng một cuộc khảo sát tự trả lời theo hình thức trả lời khảo sát trên giấy. Bộ công cụ khảo sát này cũng được sử dụng trong một cuộc khảo sát trực tuyến với các cá nhân tự nhận là học sinh LGBT. Dữ liệu định tính được thu thập từ học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh và cán bộ quản lý nhà trường thông qua các cuộc phỏng vấn sâu (PVS) và các cuộc thảo luận nhóm tập trung (TLN).

## 4.2 Các địa bàn nghiên cứu

Cuộc nghiên cứu đã được tiến hành tại 6 tỉnh thành đại diện cho ba miền của đất nước: miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Các tỉnh được chọn một cách ngẫu nhiên, với hai (02) tỉnh được chọn làm đại diện cho một miền. Mỗi tỉnh chọn ngẫu nhiên bốn trường từ một danh sách 10 trường công lập do Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD-ĐT) cung cấp, bao gồm hai trường trung học cơ sở và hai trường trung học phổ thông, trong đó ở mỗi cấp có một trường thuộc khu vực đô thị và một trường thuộc khu vực nông thôn. Tên của các tỉnh và trường cụ thể không được công khai để bảo vệ sự riêng tư và quyền bảo mật thông tin của những người tham gia.

## 4.3 Khung thời gian

Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 5 năm 2015. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thử nghiệm bộ công cụ trong tháng 1 năm 2015, các dữ liệu định lượng và định tính được thu thập từ đầu tháng 2 đến cuối tháng 3 năm 2015. Công tác làm sạch dữ liệu và phân tích các bộ dữ liệu định lượng và định tính được hoàn thành vào cuối năm 2015.

## 4.4 Vấn đề đạo đức nghiên cứu

*Quá trình đánh giá và cho phép tiến hành nghiên cứu liên quan đến con người*

Do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam không có Hội đồng xét duyệt đạo đức nghiên cứu nên nghiên cứu này đã không trải qua quá trình chính thức thẩm định về qui trình của một hội đồng đánh giá đạo đức nghiên cứu cụ thể như thông lệ quốc tế về các nghiên cứu liên quan đến con người. Tuy nhiên, bộ công cụ và các phương pháp được xây dựng dựa trên những công cụ và phương pháp đã được sử dụng trong một nghiên cứu tương tự của trường Đại học Mahidol tại Thái Lan – những công cụ và phương pháp này đã nhận được sự chấp thuận của Hội đồng đánh giá (IRB) thuộc trường đại học Mahidol. Đồng thời, nghiên cứu đã tuân thủ các bước chặt chẽ như: dịch, địa phương hóa ngôn ngữ và điều chỉnh nội dung của bộ công cụ, lấy kiến chuyên gia độc lập, chuyên gia của các đơn vị quản lý thuộc Bộ GD-ĐT về toàn bộ qui trình nghiên cứu, thử nghiệm bộ công cụ, sau đó được hiệu chỉnh và thông qua.

*Đồng thuận tham gia với thông tin được cung cấp đầy đủ (informed consent)*

Tất cả những người có thể tham gia vào nghiên cứu này đều được cung cấp một bản thông tin giải thích chi tiết về các hoạt động nghiên cứu cụ thể và đề nghị người tham gia (hoặc cha mẹ của họ trong trường hợp người đó dưới 18 tuổi) thể hiện bằng văn bản sự đồng thuận tham gia của họ vào nghiên cứu này. Những người tham gia cũng được thông báo rằng họ có quyền từ chối tham gia vào nghiên cứu này.

### *Tính bảo mật & quyền riêng tư*

Bảo mật những dữ liệu do người tham gia cung cấp là một khía cạnh quan trọng của nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện bảo mật những dữ liệu thu thập được tại mỗi trường bằng việc không tiết lộ dữ liệu này cho người khác trong trường để tránh việc có thể xác định người cung cấp dữ liệu là ai. Chỉ có các thành viên trong nhóm nghiên cứu, những người gỡ băng ghi âm, và những cán bộ liên quan đến nghiên cứu này tại UNESCO mới có quyền truy cập các dữ liệu thu thập được từ các cuộc PVS và TLN. Trong quá trình thực hiện các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, những người tham gia được phép lựa chọn giữa việc sử dụng tên thật hoặc tên bí danh của họ. Để đảm bảo không có sự rò rỉ thông tin cá nhân từ những người cùng tham gia thảo luận nhóm, các thành viên tham gia thảo luận cũng đã được nhắc nhở về trách nhiệm phải bảo mật thông tin của những người khác trong nhóm. Không có tên của cá nhân hoặc của trường học nào tham gia khảo sát hay bất kỳ thông tin có tính chất nhận diện nào được đưa vào báo cáo này nhằm giảm thiểu rủi ro những người tham gia có thể bị nhận diện.

Để đảm bảo quyền riêng tư của các học sinh tự nhận (hoặc đã công khai) là LGBT nhưng không nằm trong số học sinh đang học tại các trường được khảo sát, địa điểm tiến hành các cuộc PVS và TLN do các em LGBT này chủ động lựa chọn, sau đó thông báo cho nhóm nghiên cứu. Các địa điểm được chọn để tổ chức những hoạt động PVS, TLN này thường là nơi được xem là an toàn và quen thuộc với các em, ví dụ văn phòng của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ LGBT như ICS (Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới), Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), hoặc trong một số trường hợp là các quán cà phê theo đề nghị của người tham gia khảo sát.

## **4.5 Nghiên cứu định lượng**

### **4.5.1 Thiết kế nghiên cứu**

Để thu thập dữ liệu thực nghiệm về hiện trạng, mức độ phổ biến, quy mô, nguyên nhân/động cơ, và hậu quả của BLHĐTCSG cũng như các cách thức can thiệp hiện có, nhóm nghiên cứu đã sử dụng một bảng câu hỏi khảo sát. Việc khảo sát đã được tiến hành với những người tham gia thông qua hai phương thức: trực tiếp ngay tại địa bàn khảo sát trong các trường học và trực tuyến (đối với các học sinh LGBT đang trong độ tuổi học trung học cơ sở và trung học phổ thông). Những bộ câu hỏi riêng biệt đã được xây dựng cho các nhóm đối tượng khác nhau: học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường và cha mẹ học sinh.

Bảng câu hỏi đã được xây dựng và hoàn chỉnh thông qua:

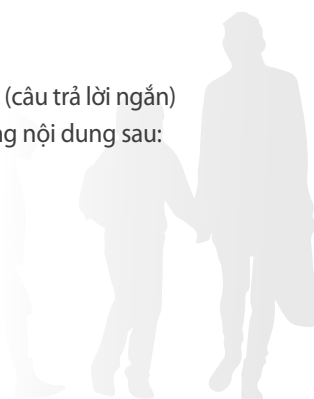
- Lấy ý kiến, đóng góp của các chuyên gia quốc tế và trong nước về cấu trúc và nội dung của bảng hỏi.
- Thử nghiệm các bảng hỏi với những người tham gia thí điểm từ tất cả các nhóm đối tượng nghiên cứu để xác định mức độ phù hợp và tính khả thi.
- Hoàn chỉnh các bảng hỏi dựa trên kiến thức chuyên môn sâu của các chuyên gia và các quá trình thử nghiệm.

### **4.5.2 Các công cụ thu thập dữ liệu**

#### *Bảng hỏi trực tiếp*

Tất cả ba bảng hỏi bao gồm chủ yếu là câu hỏi đóng (nhiều lựa chọn) kết hợp với một số câu hỏi mở (câu trả lời ngắn) để bổ sung / làm rõ thêm thông tin. Cụ thể là, bảng câu hỏi chính dành cho học sinh bao gồm những nội dung sau:

- Thông tin cá nhân;
- Nhận thức và thái độ về giới, bạo lực và các vấn đề liên quan;
- Trải nghiệm về việc bị bắt nạt;
- Trải nghiệm về chứng kiến bạo lực;
- Trải nghiệm về gây ra các hành vi bạo lực;
- Những hậu quả /tác động của BLHĐTCSG; và



- Các chương trình hiện có nhằm ngăn ngừa và đối phó với BLHĐTCSG trong các trường và hiệu quả của các chương trình đó.

Các bảng câu hỏi dành cho giáo viên và cha mẹ học sinh được cấu trúc dựa theo những nội dung cơ bản của bảng hỏi dành cho học sinh, song có ít câu hỏi hơn đối với từng đề tài (nội dung), và có các câu hỏi bổ sung về nhân thân/đời sống, hoạt động chuyên môn của những người tham gia này.

#### *Khảo sát trực tuyến*

Để hỗ trợ thêm cho công tác thu thập dữ liệu trực tiếp tại địa bàn, phương thức thu thập dữ liệu trực tuyến (online) cũng được sử dụng đồng thời cho những học sinh tự nhận là LGBT ở độ tuổi học các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông nhằm đảm bảo sự hiện diện đầy đủ của họ trong mẫu khảo sát này. Bảng câu hỏi dành cho học sinh đã được chuyển đổi sang dạng thức trực tuyến (sử dụng ứng dụng khảo sát trực tuyến miễn phí trên Google Docs) và việc tuyển chọn người tham gia đã được khởi động bởi các tổ chức của cộng đồng LGBT thông qua các trang/diễn đàn mạng và thông qua các thành viên của mạng lưới. Những tiện ích của khảo sát trực tuyến bao gồm cả việc giảm chi phí và tăng sự thoải mái, an toàn của những người tham gia về các đề tài nhạy cảm liên quan đến chủ đề bạo lực và LGBT khi các em không bị giáo viên, cán bộ nhà trường chi phối.

#### *Mẫu thu thập dữ liệu*

Mẫu để thu thập dữ liệu định lượng bao gồm học sinh, giáo viên/cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh trong sáu tỉnh thành đại diện cho ba miền - Bắc, Trung và Nam của Việt Nam. Các học sinh và CMHS đã được lựa chọn ngẫu nhiên với sự hỗ trợ điều phối của Vụ Công tác Học sinh - Sinh viên. Tiếp đó, danh sách được lựa chọn được gửi đến từng trường học cùng với các biểu mẫu Giấy xác nhận đồng ý tham gia để mời những người này tham gia vào chương trình nghiên cứu này.

Tất cả các học sinh có tên trong danh sách đã được tạo cơ hội để đọc và tìm hiểu về chương trình nghiên cứu này và tự nguyện ký tên vào Giấy xác nhận đồng ý tham gia trước khi nhóm nghiên cứu đến trường để thực hiện thu thập dữ liệu. Đối với các giáo viên và cán bộ quản lý, họ được mời tham gia trả lời bảng hỏi vào những thời điểm có thể ảnh hưởng hoặc xáo trộn ít nhất đến công tác giảng dạy đã được lên kế hoạch. Tổng cộng có 3.698 người tham gia vào các cuộc khảo sát (Bảng phân loại đầy đủ các đặc điểm cá nhân của những người tham gia được trình bày trong phần Kết Quả/Các phát hiện của bản báo cáo này).

### **4.5.3 Quá trình thu thập dữ liệu**

Sau khi nhận được sự đồng ý tham gia vào cuộc nghiên cứu của nhà trường, một kế hoạch triển khai công việc cụ thể cho hoạt động thu thập dữ liệu tại từng trường đã được thống nhất giữa nhóm nghiên cứu và các cán bộ nhà trường, với sự hỗ trợ của các Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD-ĐT) và các Phòng Giáo dục và Đào tạo (PGD-ĐT) địa phương làm đầu mối liên lạc. Mỗi nhóm nghiên cứu tác nghiệp tại từng trường tham gia chương trình nghiên cứu đều gồm có 4 cán bộ nghiên cứu, 2 cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và 1 cán bộ đầu mối liên lạc đến từ các cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

Trong mỗi tỉnh, nhóm nghiên cứu trực tiếp tiến hành khảo sát tại chỗ ở 2 trường học (1 THCS, 1 THPT), trong khi Sở GD-ĐT và Phòng GD-ĐT địa phương thu xếp việc khảo sát đối với 2 trường còn lại. Những cộng tác viên này đều được nhóm nghiên cứu hướng dẫn đầy đủ về qui trình, cách thức tổ chức các cuộc khảo sát.

Các trường tham gia khảo sát đã hỗ trợ nhóm nghiên cứu chuẩn bị địa điểm thu thập dữ liệu, và liên lạc với các học sinh và cha mẹ học sinh. Do việc lấy chữ ký của HS và CMHS vào các mẫu Giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu là một quy trình mới đối với các trường tham gia và một số cán bộ trường chưa hiểu rõ mục đích của quy trình này, nên những giải thích qua điện thoại của nhóm nghiên cứu cho cán bộ nhà trường đã giúp họ hiểu rõ và hoàn thành công việc này để đảm bảo là những người tham gia khảo sát không bị ép buộc phải tham gia. Trong thời gian thu thập dữ liệu, các trường nơi khảo sát được tiến hành đã không can thiệp vào các hoạt động do các nhóm nghiên cứu dẫn dắt thực hiện.

Việc trả lời các bảng hỏi dành cho các nhóm tham gia khác nhau đã diễn ra trong những phòng khác nhau của mỗi trường tham gia khảo sát. Những không gian này thường là hội trường, thư viện, phòng máy tính hoặc các phòng học. Nhà trường sắp đặt bàn ghế theo cách thức tránh được việc trao đổi và đảm bảo tính riêng tư trong quá trình thực

hiện khảo sát. Bất kỳ thắc mắc hay yêu cầu được làm rõ nội dung hỏi nào do những người trả lời bảng hỏi nêu lên đều được các thành viên nhóm nghiên cứu giải đáp trực tiếp. Sau khi hoàn thành các cuộc khảo sát, các thành viên nhóm nghiên cứu và cán bộ hỗ trợ kỹ thuật đã kiểm tra từng bảng (phiếu) hỏi đã được trả lời đầy đủ để đảm bảo rằng tất cả các câu hỏi đã được trả lời theo đúng quy cách.

Thời lượng trung bình dành cho việc điền các trả lời vào bảng hỏi là từ 45-70 phút đối với học sinh); 40-60 phút (đối với giáo viên/cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh. Học sinh cấp trung học cơ sở và cha mẹ học sinh ở khu vực nông thôn thường mất nhiều thời gian hơn để hoàn thành trả lời bảng hỏi so với học sinh và cha mẹ học sinh ở khu vực thành thị.

#### 4.5.4 Phân tích dữ liệu

Dữ liệu từ các cuộc khảo sát tại trường dành cho học sinh, giáo viên/cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh được làm sạch, nhập vào phần mềm SPSS (một chương trình máy tính phục vụ công tác thống kê) và được xử lý. Các dữ liệu từ cuộc khảo sát trực tuyến được xử lý riêng vì những người tham gia trả lời mặc dù vẫn thuộc các tỉnh thành tham gia khảo sát, nhưng trên thực tế họ sinh sống và học tập ở nhiều địa bàn khác nhau..

Có một số câu hỏi / mục học sinh được phép bỏ qua/không trả lời do đó là các câu được thiết kế riêng trong phiếu hỏi để phù hợp với một số câu trả lời đặc thù (bỏ qua hệ thống - system missing). Do một số chủ đề được đề cập trong bảng hỏi có tính nhạy cảm /xa lạ đối với một số học sinh, một tỷ lệ nhỏ học sinh đã bỏ qua một vài câu hỏi hoặc mục (bỏ qua ngẫu nhiên – random missing). Trong quá trình xử lý dữ liệu thu thập được, hai loại thông tin bị thiếu này đã được nhận diện và xử lý phù hợp để đảm bảo bộ dữ liệu cuối cùng là sạch, đầy đủ và đáng tin cậy.

## 4.6 Nghiên cứu định tính

### 4.6.1 Thiết kế

Nhóm nghiên cứu đã thu thập dữ liệu định tính để có nhận thức về tình hình (BLHĐTCSG) trong các trường học ở Việt Nam một cách phù hợp với bối cảnh cụ thể của đất nước và đặc biệt là hiểu biết thấu đáo hơn: tính phức tạp của những nguyên nhân, động cơ và các tác động của BLHĐTCSG; các biện pháp, chính sách và các hoạt động nhằm ngăn ngừa hoặc giải quyết vấn đề này; và có thêm những thông tin, dữ liệu cho các khuyến nghị. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua các phương pháp sau đây:

1. Phỏng vấn sâu bán cấu trúc (PVS).
2. Thảo luận nhóm tập trung (TLN).

#### Chọn mẫu

Dữ liệu định tính đã được thu thập từ 12 trong số 24 trường tham gia, hay nói cách khác là từ hai trường (một trường trung học cơ sở và một trường trung học phổ thông) thuộc mỗi tỉnh thành tham gia khảo sát. Thông tin định tính cũng được thu thập bên ngoài mẫu nghiên cứu tại trường – từ các thanh thiếu niên LGBT.

#### Bảng 1: Tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu (PVS)

85 cuộc phỏng vấn sâu đã được thực hiện với thành phần cụ thể như sau:

| Người tham gia                | PVS       |
|-------------------------------|-----------|
| Học sinh                      | 36        |
| Giáo viên                     | 12        |
| Cán bộ quản lý                | 12        |
| Học sinh LGBT trong cộng đồng | 25        |
| <b>Tổng</b>                   | <b>85</b> |





**Bảng 2:** Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm (TLN)

Tổng cộng tất cả có 48 cuộc TLN đã được tổ chức với khoảng 280 người (4-6 người/nhóm):

| Người tham gia                | TLN                   |
|-------------------------------|-----------------------|
| Học sinh                      | 12 nhóm               |
| Giáo viên                     | 12 nhóm               |
| Học sinh LGBT trong cộng đồng | 12 nhóm               |
| Cha mẹ học sinh               | 12 nhóm               |
| <b>Tổng</b>                   | <b>48 (280 người)</b> |

Việc lựa chọn người tham gia các TLN và PVS để lấy mẫu trường học được hoàn thành thông qua sự điều phối và giới thiệu của các cán bộ đầu mối của trường. Ngoài hai trường mà dữ liệu định tính không được thu thập (ở mỗi tỉnh/thành tham gia); ở mỗi trường còn lại, các thành viên nhóm nghiên cứu đã tổ chức:

- 3 cuộc PVS và một cuộc TLN với học sinh;
- 2 cuộc PVS với giáo viên và cán bộ quản lý;
- 1 TLN với giáo viên; và
- 1 TLN với cha mẹ học sinh.

Việc lựa chọn và mời các học sinh LGBT nằm ngoài mẫu trường học đã được thực hiện thông qua các mạng lưới, cộng đồng và các tổ chức LGBT hoạt động trên khắp đất nước. Những mạng lưới này bao gồm cả những tổ chức như ICS (Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam) và iSEE.<sup>90</sup>

#### 4.6.2 Các công cụ và quá trình tiến hành thu thập dữ liệu

Mỗi cuộc PVS/TLN đều được 2 nghiên cứu viên thực hiện: một người điều khiển chính và một khác ghi chép, ghi âm và hỗ trợ kỹ thuật (ví dụ như hỗ trợ việc ghi âm và tư liệu hóa, và đảm bảo một không gian yên tĩnh không bị gián đoạn bởi các yếu tố bên ngoài). Tất cả các cuộc PVS/TLN đều bắt đầu bằng việc làm quen, chào hỏi và tạo nên một không khí thân mật và cởi mở trong vài phút đầu tiên giữa các thành viên nhóm nghiên cứu và những người tham gia. Các nghiên cứu viên chỉ chính thức bắt đầu cuộc PVS/TLN sau khi những người tham gia đã cảm thấy thoải mái, hiểu rõ và nhất trí với các vấn đề thuộc về thủ tục (tức là đã ký vào Giấy xác nhận đồng ý tham gia khảo sát và đồng ý với việc sử dụng máy ghi âm).

Thực hiện theo thiết kế của các bản Hướng dẫn tiến hành TLN, các nghiên cứu viên chọn một trong hai cách thức để bắt đầu cuộc thảo luận. Một cách là dẫn dắt người tham gia đi thẳng vào vấn đề cần tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi. Cách còn lại là sử dụng một số phương tiện hỗ trợ như thẻ màu, giấy ghi chú có keo dính hoặc tranh vẽ để giúp những người tham gia dễ dàng tiếp cận những vấn đề đang được tìm hiểu. Do hạn chế về thời gian, trong hầu hết các cuộc thảo luận nhóm, cách thức đầu tiên đã được sử dụng.

Theo đề nghị của nhóm nghiên cứu, các địa điểm dành cho các cuộc PVS / TLN với các học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh đều được bố trí ở những nơi yên tĩnh, có không gian riêng để tạo ra một không gian thoải mái. Những địa điểm này thường là những nơi như thư viện, phòng máy tính và phòng tham vấn học đường. Thông thường mất khoảng 60-75 phút để hoàn thành các hoạt động này.

Tương tự, đối với các em HS tự nhận mình là LGBT, các em đã đề xuất với nhóm nghiên cứu về thời gian và địa điểm để thực hiện các cuộc PVS và TLN; thường là các quán cà phê hoặc văn phòng của các tổ chức LGBT. Thông thường mất khoảng 60-80 phút để hoàn thành mỗi cuộc PVS / TLN này.

#### 4.6.3 Phân tích dữ liệu

Nội dung ghi âm từ mỗi một cuộc PVS / TLN đều được gõ bang sang dạng văn bản viết và được đọc kỹ nhiều lượt bởi nhiều thành viên khác nhau trong nhóm nghiên cứu. Mỗi một thành viên nhóm nghiên cứu

khi đọc bản gốc bằng đều đánh dấu dữ liệu căn cứ vào các mục tiêu của nghiên cứu (ví dụ như các đề tài chính đã được đặt ra) cũng như dựa vào những chủ đề chung và những phản ứng/trả lời có được trong quá trình thu thập dữ liệu (những đề tài/vấn đề mới nổi lên). Các thảo luận trong nhóm nghiên cứu sau đó được tiến hành để rà soát, xem xét lại những chủ đề đã nêu và những chủ đề đang nổi lên này, và sau đó sắp xếp chúng vào một bảng, để chúng có thể được đọc và hiểu trong sự liên hệ với các phát hiện định lượng.

## 4.7 Những hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này còn tồn tại một số hạn chế đặc thù, như:

- *Tính khái quát hóa của dữ liệu:* Do các dữ liệu được thu thập từ 6 tỉnh thành nên tính khái quát hóa của dữ liệu bị hạn chế. Dữ liệu thu được, không đại diện cho qui mô toàn quốc. Tuy nhiên, mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng việc lựa chọn mẫu tiêu biểu trong phạm vi tỉnh (tham gia chương trình nghiên cứu) và các địa phương đại diện cho cả hai khu vực thành thị và nông thôn.
- *Sự không thoải mái với các thảo luận về giới và bạo lực:* Nghiên cứu này quan tâm đến việc tìm hiểu, khảo sát tỉ mỉ những vấn đề được coi là ‘nhạy cảm’ (như bạo lực và các vấn đề liên quan đến tính dục) ở trong xã hội Việt Nam nói chung và ở môi trường học đường nói riêng. Mặc dù các công cụ đã được thiết kế một cách cẩn trọng và được thử nghiệm trước khi áp dụng, nhưng vẫn không thể loại trừ khả năng người tham gia không thật sự thoải mái với những câu hỏi đưa ra và điều này có thể đã ảnh hưởng đến câu trả lời của họ. Thêm vào đó, một số trường học e ngại rằng các dữ liệu này có khả năng ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường. Sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi của Bộ GD-ĐT đã có vai trò hết sức quan trọng đối với việc đảm bảo sự tham gia tích cực của các trường cũng như trong quá trình liên lạc, trao đổi về tầm quan trọng của những dữ liệu có giá trị, đáng tin cậy để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch hành động hoặc chương trình can thiệp sau này.
- *Chất lượng của các công cụ nghiên cứu:* Những hạn chế về thời gian và nguồn lực đã dẫn đến việc triển khai đồng thời việc thu thập dữ liệu của cả hai phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Do vậy, không thể cải tiến các công cụ dùng cho phương pháp khảo sát này dựa trên những dữ liệu thu thập được tại thực địa thông qua phương pháp khảo sát kia. Tuy nhiên, hạn chế này đã phần nào được khắc phục bằng cách áp dụng thí điểm tất cả các phương pháp và các bộ công cụ cho tất cả các nhóm đối tượng của khảo sát trước khi triển khai toàn bộ nghiên cứu khảo sát này. Những hạn chế khác đã được nhận thấy ở khảo sát trực tuyến, bao gồm cả những thách thức với việc trả lời những câu hỏi của người tham gia trong ‘thời gian thực’ và các vấn đề kỹ thuật liên quan đến việc bỏ, không trả lời một số câu hỏi. Các nghiên cứu tương tự trong tương lai, nếu có sử dụng các công cụ trực tuyến, thì cần phải tính đến cách thức giải quyết những hạn chế như vậy.
- *Cách phân loại trong phân tích dữ liệu:* Có một vài hạn chế trong việc phân loại đối với nghiên cứu này. Do tính chất phức tạp trong nhận thức của người trẻ tuổi về sự đa dạng giới và đa dạng tính dục, nên nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế do tính đa dạng giới và xu hướng tính dục ở những người trẻ tuổi là vấn đề không dễ hiểu. Đôi khi, việc nhìn nhận hoặc cho rằng người khác thuộc nhóm LGBT hay không phụ thuộc vào cảm nhận và cách nhìn nhận riêng của mỗi người. Do vậy, chỉ còn lại cách là so sánh các nhóm học sinh LGBT bằng hình thức gộp chung các em lại (không phân tách nam hay nữ). Cách làm này nghe có vẻ chưa hợp lý vì xét về mặt thống kê thì nên phân tách nam và nữ LGBT sẽ tốt hơn.
- *Phạm vi của nghiên cứu:* Vì đây là một nghiên cứu cắt ngang (cross-sectional study), chúng tôi có thể nhận ra các mối liên quan nhưng không thể thiết lập được những mối quan hệ nhân quả (ví dụ như trải nghiệm bị bắt nạt là nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng rượu bia). Thêm vào đó, số lượng người trả lời khảo sát trực tuyến nhỏ (N=241) đã hạn chế khả năng kiểm định thống kê có thể áp dụng được một cách đáng tin cậy cho mẫu này. Tương tự như vậy, đối với việc thu thập dữ liệu định tính nằm ngoài mẫu trường học, nhóm nghiên cứu đã có những mạng lưới tuyển chọn hạn chế việc thu hút sự tham gia của các học sinh LGBT. Các tổ chức cộng đồng có vai trò hết sức quan trọng trong việc mở rộng quy mô của các mạng lưới này cũng như trong việc hướng dẫn nhóm nghiên cứu để đảm bảo rằng những người tham gia khảo sát cảm thấy thoải mái trao đổi những vấn đề này với các nghiên cứu viên.



# 5 Các phát hiện của nghiên cứu

**Các hành vi bạo lực mà em chứng kiến, trải qua là vì khác biệt về giới (...) Bởi vì ghen tị trong chuyện tình cảm, người yêu của một bạn gái đánh nhau với người yêu của một bạn gái khác. Một lần khác là có một chị chỉ là cãi nhau với một chị khác, chị bị chửi, chị gọi người quen biết, em không biết là anh hay là người yêu nhưng mà anh đó ra đánh nhau (với chị bạn kia)."**

TLN, học sinh, LGBT, miền Bắc

## Những điểm chính

- Các bằng chứng từ 3.698 người tham gia khảo sát, 365 cuộc TLN và những người tham gia các cuộc PVS (bao gồm học sinh nói chung, học sinh tự nhận là LGBT, CBQL/GV và CMHS), cho thấy những lỗ hổng rất rõ trong nhận thức và hiểu biết của tất cả các nhóm liên quan đến giáo dục về BLHĐTCSG.
- Những khuôn mẫu và định kiến giới đối với việc không tuân theo khuôn mẫu giới, nữ tính và bị cho là 'ẻo lả' là những động cơ thúc đẩy BLHĐTCSG. Học sinh LGBT có nguy cơ đặc biệt cao về trải nghiệm bạo lực - 71% HS thuộc cộng đồng LGBT từng bị lạm dụng thể chất; 72.2% bị bạo lực lời nói.
- Nghiên cứu chỉ rõ sự tồn tại của những hậu quả tiêu cực đối với việc học tập và sức khỏe thể chất, tinh thần của các học sinh là nạn nhân của BLHĐTCSG, và cần phải có những hướng dẫn mới để vượt qua văn hóa phi hành động và nỗi sợ hãi vây quanh BLHĐTCSG, từ đó làm cho trường học trở thành những không gian an toàn hơn và thân thiện hơn.

## 5.1 Đặc điểm của người tham gia nghiên cứu

Có 3.698 người tham gia phần nghiên cứu định lượng của chương trình nghiên cứu này, cùng với 365 người tham gia vào nghiên cứu định tính. Những đặc điểm cơ bản của những người tham gia được chia theo các nhóm Học sinh, Học sinh LGBT, Giáo viên/Cán bộ quản lý nhà trường, và Cha mẹ học sinh.

### 5.1.1 Học sinh

Tổng cộng có 2.636 học sinh đã tham gia cuộc khảo sát. 12 nhóm học sinh đã đóng góp cho các cuộc TLN và 36 học sinh trả lời PVS. Học sinh tham gia khảo sát thuộc nhiều đặc điểm cá nhân khác nhau. Hơn một nửa (1.329) em là học sinh trung học cơ sở, và số còn lại (1.307) là học sinh trung học phổ thông. Các học sinh tham gia gồm có 1.170 học sinh nam và 1.466 học sinh nữ. Các em ở trong độ tuổi từ 11 đến 18, với độ tuổi trung bình là 15,1 (chỉ có bảy học sinh ở trong độ tuổi từ 19 đến 20). Các em thường trú ở nhiều địa phương khác nhau; ở mỗi miền Bắc, Trung, và Nam của Việt Nam chiếm khoảng 1/3 số người tham gia. Khoảng một nửa các em đến từ các khu vực thành thị và một nửa từ khu vực nông thôn. Tổng cộng có 90% em sống với cả cha và mẹ, chưa đến 7% chỉ sống với mẹ, không đến 2% các em sống với cha, và một số ít sống với những người khác nuôi dưỡng, chăm sóc các em hoặc sống một mình. Hơn ba phần tư các em trong nhóm này không theo tôn giáo nào. Một bộ phận lớn trong nhóm (hơn 80% học sinh nữ và hơn 70% học sinh nam) được xếp loại học lực trong học kỳ ngay trước cuộc khảo sát là 'khá' hoặc 'giỏi'. Đại đa số (khoảng 97% học sinh nữ và 93% học sinh nam) được xếp loại hạnh kiểm trong học kỳ ngay trước cuộc khảo sát là 'khá' hoặc 'tốt'. Tổng cộng có chưa đầy một phần năm cha hoặc mẹ HS đã học hết cao đẳng/ đại học hoặc cao hơn (dưới một phần mười cha mẹ học sinh không đi học). Các học sinh nam nói là có sử dụng internet ít hơn đôi chút (70% có truy cập) so với học sinh nữ (76,2% có truy cập). Dưới một phần mười học sinh không có điện thoại di động.



## Học sinh LGBT trong khảo sát nhà trường

Để có được các dữ liệu về tính dục và bản dạng giới, nhóm nghiên cứu đã phải nhận diện những thuật ngữ có thể được mà học sinh có thể hiểu được trong công cụ khảo sát và là những từ ngữ thích hợp về mặt văn hóa trong một bối cảnh nhà trường ở Việt Nam. Các học sinh đã không bị yêu cầu phải tự nhận trong bảng hỏi dành cho khảo sát tại trường là đồng tính nữ, hay đồng tính nam, hay song tính hoặc là người chuyển giới trong các bảng câu hỏi khảo sát tại trường. Thay vào đó, các em được hỏi về những cảm giác hấp dẫn về giới tính và về sự lựa chọn giới tính của người yêu cũng như mức độ phù hợp với vai trò giới trên một thang đo những mong đợi liên quan đến nam tính và nữ tính. Những học sinh trả lời rằng các em có cảm giác hấp dẫn, có tình cảm với những người cùng giới tính, thuộc cả hai giới - nam và nữ hoặc là các em không biết, hay tự cảm nhận là không theo chuẩn mực về giới (“ít nam tính hơn các bạn nam nói chung” hay “ít nữ tính hơn các bạn nữ nói chung”) thì trong nghiên cứu này được xếp loại là “LGBT” (N=755, hay chiếm 28.6% mẫu). Trong khi một người nào đó với thể hiện không theo chuẩn mực về giới có thể là người chuyển giới mà cũng có thể là không, họ vẫn được bao gồm trong nghiên cứu như là người LGBT. Để phục vụ cho mục đích của phân tích trong báo cáo này, tất cả các học sinh khác được nhận diện là nam (N=905, 34.3%) và nữ (N=976, 37.0%). Trong những trường hợp sự khác biệt về giới tính trong nhóm học sinh LGBT là có ý nghĩa về mặt thống kê, thì việc phân loại theo “LGBT nam” và “LGBT nữ” vẫn được sử dụng.

### 5.1.2 Sự tham gia của học sinh LGBT

Có 241 học sinh tự nhận là LGBT đã tham gia vào cuộc khảo sát trực tuyến; 12 nhóm học sinh tự nhận là LGBT đã đóng góp cho các cuộc TLN, và 25 học sinh LGBT đã trả lời các cuộc PVS bên ngoài trường học (tại các địa điểm của cộng đồng LGBT). Nhìn chung, có ít sự khác biệt về đặc điểm chung của nhóm học sinh trong trường và các học sinh LGBT trả lời khảo sát trực tuyến. Cũng không có những khác biệt đáng kể theo các con số thống kê về địa phương của các em (37.5% miền Bắc, 29.8% miền Trung, 32.7% miền Nam) hay từ vùng nông thôn hay thành thị (52.3% thành phố, 47.7% nông thôn); tôn giáo (79.2% không theo tôn giáo nào); hoàn cảnh sống (87.8% sống với cha mẹ mình); học lực (38.8% giỏi, 37.9% khá, 17.6% trung bình, 5.1% yếu, 7% kém) hay hạnh kiểm ở trường (76.8% tốt, 17.5% khá, 3.9% trung bình, 1.7% yếu). Tuy nhiên, học sinh LGBT trong mẫu này nhiều hơn một chút ở cấp trung học phổ thông (54.3%), và tỉ lệ các em có cha mẹ đã học hết cao đẳng/đại học hoặc bậc cao hơn cũng nhiều hơn (hơn 1/5 học sinh LGBT trả lời như vậy), so với nhóm học sinh trong khảo sát nhà trường.

### 5.1.3 Giáo viên và Cán bộ quản lý/Lãnh đạo nhà trường

Những cán bộ nhân viên nhà trường tham gia vào nghiên cứu gồm có 606 giáo viên và các bộ quản lý/lãnh đạo nhà trường đã hoàn thành việc tham gia cuộc khảo sát, 12 nhóm giáo viên đã đóng góp cho các cuộc TLN và 24 cán bộ nhân viên đã tham gia vào các cuộc PVS. Những cán bộ nhân viên trả lời khảo sát chủ yếu là nữ (75.2%), và hầu hết đều đã lập gia đình (87.4%). Đại đa số đã được đào tạo ở cấp cao đẳng trở lên (82.8% có bằng đại học, 10.2% có bằng thạc sĩ hoặc cao hơn). Họ đại diện cho cán bộ nhân viên nhà trường với nhiều mức độ khác nhau về thâm niên công tác (6.3% có kinh nghiệm làm việc dưới 3 năm, 10.1% từ 3-5 năm, 16.9% từ 6-9 năm, 23% từ 10-14 năm, 19.2% từ 15-20 năm, 24.5% hơn 20 năm). Phần lớn những người tham gia thuộc nhóm này không theo tôn giáo nào (88.9%). Đại đa số sở hữu hoặc có sử dụng thiết bị công nghệ thông tin tại gia đình, bao gồm có điện thoại di động (98.7%), máy tính (97.8%), ti vi (96.3%), internet (92.7%).

### 5.1.4 Cha mẹ học sinh

Tổng cộng có 215 cha mẹ học sinh đã trả lời khảo sát, và 12 nhóm cha mẹ học sinh đã tham gia các cuộc TLN. Các cha mẹ học sinh tham gia khảo sát đại diện cho nhiều lứa tuổi khác nhau; độ tuổi trung bình của nhóm này là 43,4 năm và số trung vị là 44. Hầu hết các cha mẹ học sinh tham gia khảo sát là phụ nữ (68.8% nữ, 31.2% nam), và tuyệt đại đa số đã kết hôn (99.5%). So với nhóm cán bộ nhân viên nhà trường, nhóm này đa dạng hơn về trình độ giáo dục và có ít người đã học hết cao đẳng trở lên (9.4% đã học hết tiểu học hoặc lớp thấp hơn, 30% trung học cơ sở, 31.9% trung học phổ thông, 3.3% trung cấp/nghe, 25.4% có bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học hoặc cao hơn). Tuyệt đại đa số cha mẹ học sinh tham gia trả lời đã có ở nhà điện thoại di động (98.6%) và ti vi (98.1%). Tuy nhiên, so với nhóm cán bộ nhân viên nhà trường, nhóm này có ít người hơn sở hữu hoặc sử dụng máy tính (76.6%) hay internet (61%) ở nhà.

## 5.2 Nhận thức và thái độ đối với BLHĐTCSG

### 5.2.1 Nhận thức về BLHĐTCSG

Nhìn chung có sự nhận thức hạn chế của tất cả các nhóm liên quan (học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường và cha mẹ học sinh) về bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường (BLHĐTCSG).

**Hầu hết những người tham gia khảo sát cho rằng BLHĐTCSG là nói đến hành vi bạo lực về thể chất.** Cụ thể là, BLHĐTCSG thường được hình dung là những hành động gây thương tích. Trong các cuộc TLN và PVS với nhiều bên liên quan đến giáo dục, nó đặc biệt được mô tả trong bối cảnh ‘đánh nhau’ giữa kẻ mạnh và người yếu, trong một bối cảnh rộng lớn hơn liên quan đến tính hung hăng hiếu chiến và lễ thói tôn ti trật tự (trên bắt nạt dưới) trong quan hệ xã hội của lớp trẻ; mà không nghĩ đến tính năng động đặc trưng theo giới hay có những xem xét về các định kiến xã hội). Ví như, những người tham gia từ nhiều nhóm khác nhau định nghĩa BLHĐTCSG tương tự như là ‘có hành động liên quan đến sử dụng tay, chân gây ra thương tích’ (TLN, GV, THPT, miền Nam) hoặc ‘đánh nhau (...) đầu tiên và trước hết, là liên quan đến đánh nhau bằng thể chất’ (TLN, CMHS, THCS, miền Nam). Khi những cá nhân này cũng đưa vào những định nghĩa của họ về BLHĐTCSG các khái niệm về bắt nạt / trêu chọc cùng với bạo lực thể chất, họ thường xem điều này là một yếu tố thứ yếu trong so sánh – với việc đưa ra những nhận xét như “(hình thức) phổ biến là đánh nhau, đánh nhau khá là to ả ả... Còn các dạng khác như là trêu chọc đơn thuần thì không tính.” (PVS, học sinh LGBT, miền Bắc) và ‘bạo lực là trường hợp đánh theo hội đồng; một nhóm bạn bắt nạt một bạn rất hiền; một nhóm bạn bắt bạn này đi mua đồ’ (PVS, giáo viên nữ, THCS, miền Nam).

**Một số người tham gia khảo sát cho rằng BLHĐTCSG chủ yếu là các hành vi bạo lực sử dụng lời nói,** bao gồm việc nói xấu sau lưng người khác và những lời lẽ xúc phạm. Ví dụ như một học sinh đã mô tả BLHĐTCSG là ‘bạo lực về hành động hay về tinh thần trong đó người ta có thể dùng lời nói xấu bôi nhọ danh dự tinh thần người nào đó, làm người đó tổn thương, buồn phiền’ (TLN, học sinh, THCS, miền Nam) hoặc là sự ‘không tôn trọng lẫn nhau, gây phiền phức cho những người khác’ (TLN, CMHS, THCS, miền Nam). Khi những người này cũng đưa các khái niệm về bạo lực lời nói cùng với bạo lực thể chất vào trong những định nghĩa của họ về BLHĐTCSG, họ thường xem điều này là một yếu tố thứ yếu trong phép so sánh và liệt kê ra nhiều ví dụ hơn về lạm dụng lời nói – định nghĩa BLHĐTCSG như là ‘đánh nhau, chửi nhau, lăng nhục, nói tục, nói xấu nhau, ngăn không cho chơi với nhau’ (PVS, học sinh nữ, THPT, miền Bắc) và ‘những hành động như đánh nhau, bạo lực tinh thần, trêu chọc nhau, chửi tên bố mẹ của nhau’ (TLN, giáo viên, THCS, miền Nam). Một số người tham gia đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc không được bỏ qua bạo lực lời nói:

TLN, CMHS, THCS,  
miền Bắc

*‘Trêu chọc nhau, miệt thị nhau thì đấy gọi là dạng tinh thần, chứ không phải chỉ có đánh nhau, gây thương tích cho người khác mới gọi là bạo lực’*

**Những người tham gia khảo sát đều không thể nêu đủ năm dạng bạo lực đặc trưng, và không một người tham gia nào nêu cụ thể về yếu tố giới đã ảnh hưởng như thế nào đến việc trở thành nạn nhân hoặc người gây ra bạo lực.** Một số người tham gia có thể nêu được vài dạng bạo lực. Ví dụ như em học sinh này đã đề cập đến bạo lực lời nói, thể chất và bạo lực tình dục khi chia sẻ rằng ‘bạo lực là chửi nhau, đánh nhau, nói tên phụ huynh của nhau, bạn nam giật tóc bạn gái, đánh nhau hội đồng, sờ ngực nhau (TLN, học sinh, THPT, miền Trung). Một học sinh khác cũng nói đến bạo lực liên quan đến công nghệ (được thực hiện thông qua Internet, điện thoại di động và các thiết bị tương tự) khi định nghĩa bạo lực là ‘đánh nhau, khủng bố tinh thần, bạo lực liên quan đến mạng xã hội, trêu ghẹo trên mạng’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Bắc). Cán bộ quản lý nhà trường này cũng nhắc đến hình thức bạo lực tâm lý xã hội, nói rằng ‘theo tôi thì bạo lực là trường hợp đánh bạn, chia nhóm, chọc ghẹo, kì thị bạn’ (PVS, cán bộ quản lý, THCS, miền Nam) cũng như một cha mẹ học sinh cho rằng ‘bạo lực... có thể là những hành vi xâm phạm lẫn nhau có thể là đánh đấm, sờ mó. Bên cạnh đó, bạo lực là những hành vi dẫn đến cô lập nhau’ (TLN, CMHS, THCS, miền Nam).

Một giáo viên đưa ra một nhận thức phức hợp hơn về BLHĐTCSG; ‘đánh nhau, chọc ghẹo, lên mạng xã hội nói xấu nhau, tung clip lên trang web, cời áo, sờ mó bạn nào đó... tất cả những hành vi này đều được gọi là bạo lực’ (PVS, GV, THPT, miền Nam).



**Những nhóm tham gia khảo sát khác nhau có những nhận thức và mối quan tâm rộng lớn hơn về các loại hình cụ thể của BLHĐTCSG.**

Cha mẹ học sinh và giáo viên đều có nhận thức và quan tâm tương đối nhiều hơn đến dạng bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin so với các nhóm khác, mặc dù dạng BLHĐTCSG này nhìn chung đã không được bất kỳ nhóm nào nhắc đến nhiều. Nhiều cha mẹ học sinh và giáo viên đã nói rằng dạng bạo lực khiến họ lo lắng nhất là bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin, cho rằng loại bạo lực này rất khó kiểm soát và giám sát. Một giáo viên (PVS, THCS, GV, miền Nam) đã nói ‘dạng bạo lực cần lo lắng nhất là lên facebook (mạng xã hội) nói xấu nhau’, và lo ngại rằng học sinh ‘đang nhắn tin qua điện thoại; kết hợp

với bên ngoài để đánh (bạn học) nên rất khó điều tra’. Cha mẹ học sinh thì nhận xét rằng bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin dẫn đến bạo lực thể chất thông qua những xúc phạm và hiểu nhầm nhau trên mạng; ‘Con nhà em có một anh bạn học lớp 9, cùng chơi facebook. Anh ấy nghĩ là con em xúc phạm người yêu của anh ấy nên anh ấy đã tát con em giữa sân trường.’ (TLN, CMHS, THCS, miền Bắc). Một số cha mẹ học sinh cho rằng công nghệ là một môi trường để các hành vi BLHĐTCSG xảy ra và mong muốn thấy các biện pháp mạnh mẽ được áp dụng; ‘(học sinh) chủ yếu là kết nối bạn bè trên facebook, đánh nhau cũng chỉ trên facebook. Nếu không có mạng Internet (...) thì không thể xảy ra xô xát, đánh nhau’ (TLN, CMHS, THCS, miền Bắc).

So với các giáo viên hay cha mẹ học sinh, học sinh phần lớn hay dễ có liên hệ BLHĐTCSG với xâm hại tình dục, quấy rối và bạo lực đối với người yêu hơn. Ví dụ như một số học sinh đã định nghĩa BLHĐTCSG là ‘hành vi quấy rối, xâm hại tình dục’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Bắc) hoặc là ‘nói xấu bạn cùng giới hoặc bạn nam đánh bạn nữ’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Bắc). Có một vài trường hợp các học sinh cũng nhắc đến các bạn học sinh LGBT khi nói về BLHĐTCSG, cho rằng BLHĐTCSG có liên quan đến việc bắt nạt do chúng ghét sợ người đồng tính hay ác cảm với người chuyển giới, hoặc sự trêu chọc các học sinh có những thể hiện không theo đúng với khuôn mẫu giới. ‘Trường cũng có bạn bị trêu như vậy... một bạn trai ẻo lả, hơi yếu đuối, nhỏ nhỏ bị các bạn khác đẩy xuống đất’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Nam). Một học sinh nam ở cấp THPT nhớ lại việc một anh học sinh nam Lớp 11 mà em nói rằng ‘nhìn giống con gái, tướng đi giống gái, với lại toàn chơi với con gái không’. Em đã mô tả việc anh học sinh ấy đã bị các học sinh nam khác trêu chọc như thế nào, cụ thể là ‘bị kêu là pê đê, rồi ái nam ái nữ’ (PVS, học sinh nam, THPT, miền Trung).

Các học sinh LGBT tham gia nghiên cứu này cho thấy sự cảm nhận về những hệ lụy tiêu cực lâu dài của dạng bạo lực thông qua lời nói mạnh hơn so với các nhóm đối tượng khác, và cũng bày tỏ sự lo sợ nhiều hơn về bạo lực lời nói so với các loại bạo lực khác, do tác động mà nó gây ra đối với sức khỏe tinh thần và thể chất của các em. Một số em LGBT đã chia sẻ ý kiến này, như được nhận thấy trong các câu trích sau: ‘Em sợ nhất là bắt nạt tâm lý bởi vì nó làm em bị suy sụp tinh thần’ (PVS, đồng tính nữ, miền Bắc); ‘Sợ nhất là bạo lực bị tổn hại tinh thần bởi tinh thần của e dễ xúc động, nhạy cảm, bản thân em mất kiểm soát thì sẽ không biết mình sẽ làm gì’ (PVS, LGBT nam, miền Bắc); và ‘Em sợ bạo lực tinh thần hơn. Đánh xong thì thôi, nhưng bạo lực tinh thần ngấm dần vào, theo đuổi mình trong mọi hoạt động’ (PVS, chuyển giới nam, miền Bắc). Sự đe dọa về tâm lý của dạng bạo lực lời nói đối với học sinh LGBT một phần thể hiện dưới hình thức bày tỏ những niềm tin, thái độ có tính phân biệt đối xử và không đúng về mặt khoa học về bản dạng giới của các em này.

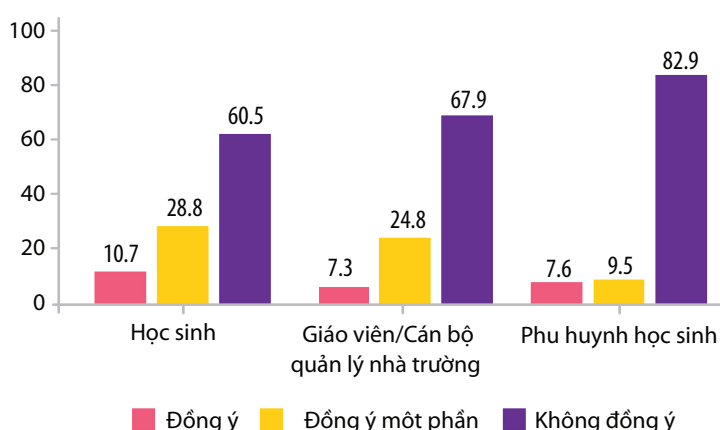
**Một số người tham gia khảo sát đặc biệt không nhận thức được những khía cạnh cụ thể của BLHĐTCSG.** Đặc biệt, cha mẹ học sinh thường không nhận thức được đầy đủ về trách nhiệm của trường học trong việc trợ giúp, ứng phó với BLHĐTCSG ngoài khuôn viên trường học; họ cho rằng nhà trường chỉ có trách nhiệm với các trường hợp bạo lực xảy ra trong khuôn viên trường, chứ không phải là với những trường hợp bạo lực xảy ra ngoài khu vực nhà trường. Một vài phụ huynh thậm chí còn cho rằng các trường hợp bạo lực xảy ra bên ngoài trường học không phải là BLHĐTCSG. Một phụ huynh khẳng định rằng nếu bạo lực xảy ra ngoài giờ quản lý của nhà trường hoặc cán bộ nhà trường không biết về điều đó thì 'ra khỏi cổng trường không còn là trách nhiệm của trường. Không phải là nhà trường không quan tâm nhưng mà nhà trường thực sự là không biết cái việc đó' (TLN, CMHS THPT, miền Nam). Bên cạnh đó, một vài HS LGBT không cho rằng sự kỳ thị, phân biệt đối xử mà các em trải qua là một hình thức của bạo lực: 'Em chưa bao giờ trải qua bạo lực giới, chỉ có bị kỳ thị thôi' (PVS, đồng tính nam, miền Trung).

## 5.2.2 Thái độ đối với BLHĐTCSG

Để tìm hiểu các thái độ đối với BLHĐTCSG, tất cả HS, GV/CBQL và CMHS đều được hỏi ý kiến của họ đối với một loạt câu nhận định về BLHĐTCSG trong công cụ khảo sát. Biểu đồ 6 cho thấy phần lớn những người tham gia khảo sát không nhất trí với câu nhận định rằng 'Thỉnh thoảng học sinh đánh nhau là chuyện bình thường'. Cụ thể là, CMHS không đồng tình với tỉ lệ cao nhất (82.9%), tiếp theo đó là cán bộ nhân viên nhà trường (67.9%) và học sinh (60.5%). Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là hơn một phần ba số HS và GV/CBQL đồng ý một phần hoặc hoàn toàn đồng ý với quan điểm này – ngụ ý rằng một vài hành động đánh nhau dường như được xem là điều bình thường trong trải nghiệm học đường của họ.

**Biểu đồ 6**

Mức độ đồng tình với ý kiến 'Thỉnh thoảng học sinh đánh nhau là chuyện bình thường' (N-Học sinh=2,636; N-Giáo viên và Cán bộ quản lý nhà trường = 606; N-Cha mẹ học sinh = 215)

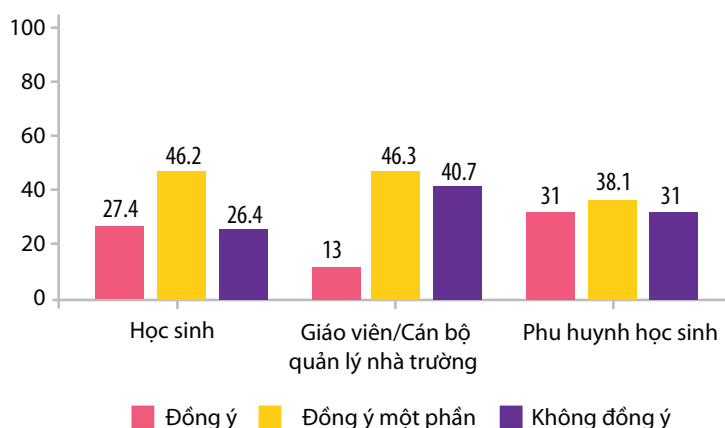


Kết quả khảo sát cũng cho thấy có một mức độ đồng tình khá cao với các biện pháp kỉ luật cứng rắn của GV, cán bộ nhà trường nhằm duy trì trật tự lớp học, như được minh họa trong Biểu đồ 7. Đối với nhận định 'Đôi khi GV cũng phải đánh, mắng học sinh để duy trì kỷ luật', HS là những người đồng ý hoặc đồng ý một phần với tỉ lệ cao nhất (73.6%), tiếp theo là CMHS (69.1%) và CBQL (59.3%). Một vài cha mẹ học sinh giải thích bằng quan niệm "thương cho roi, cho vọt". Có cha mẹ học sinh khẳng định rằng 'Em đồng ý nếu con em hư, thầy tùy ý đánh con em, nhưng thầy đánh với một cách yêu thương mà con em cảm nhận được cái đó là thầy thương con, mà thầy phải răn con.' (TLN, CMHS, THPT, miền Nam) và 'nếu việc thầy cô đánh mắng các cháu mà giúp các cháu tốt hơn thì cũng chẳng sao. GV có thể phát vào mông, chân tay nhưng nhẹ nhẹ thôi' (TLN, CMHS, THPT, miền Trung). Nhìn chung, giáo viên thể hiện mức độ không đồng tình cao nhất với nhận định này (40.7%), hàm ý rằng họ có thể có nhận thức rõ hơn về trách nhiệm nghề nghiệp của mình đối với việc bảo vệ quyền trẻ em. Như một giáo viên giải thích, 'luật pháp liên quan đến trẻ em làm cho giáo viên không có cách nào để xử lí HS; không được đánh HS, không được mắng chửi; nó hạn chế uy tín của GV với HS' (TLN, GV, THCS, miền Nam).



**Biểu đồ 7**

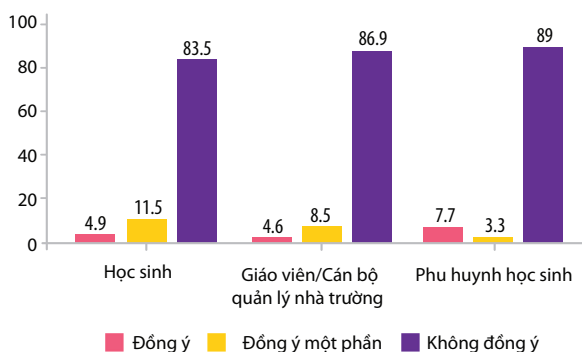
Mức độ đồng tình với quan niệm ‘Đôi khi GV cũng phải đánh, mắng học sinh để duy trì kỷ luật’ (N-Học sinh=2.636; N-Giáo viên và Cán bộ quản lý = 606; N-Cha mẹ học sinh = 215)



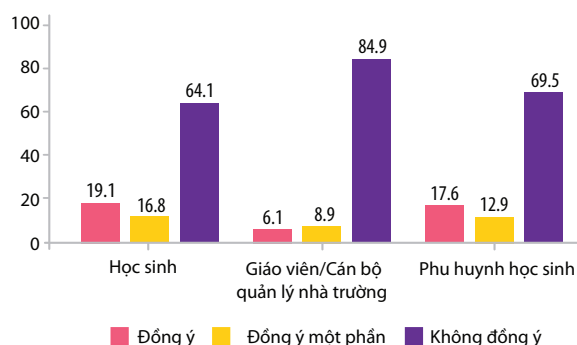
Đa số những người được hỏi có cùng quan điểm rằng gọi ai đó với biệt hiệu, từ ngữ có tính xúc phạm hay kỳ thị là điều không hay, như được thấy trong Biểu đồ 8. Đối với nhận định ‘gọi một ai đó bằng ‘thằng béo’, ‘pê đê’, ‘nhà quê’... là không mang tính xúc phạm’, cha mẹ học sinh có tỉ lệ không đồng tình cao nhất (89%), tiếp theo là GV, cán bộ nhà trường (86.9%) và học sinh (83.5%). Tỉ lệ nhất trí thấp hơn đối với ý kiến rằng trêu chọc, bắt nạt các học sinh không theo chuẩn mực giới thông qua lời nói hay các dạng bạo lực khác là điều chấp nhận được (Biểu đồ 9). Đa số người tham gia khảo sát không đồng tình với nhận định ‘trêu chọc các bạn trai ôn ẻn hoặc là các bạn gái ít nữ tính chỉ là trò đùa vô hại’, trong đó GV, cán bộ nhân viên nhà trường thể hiện tỉ lệ không đồng tình cao nhất (84.9%), tiếp đó là cha mẹ học sinh (69.5%), và học sinh (64.1%). Giáo viên có thể nhận thức rõ hơn về luật pháp trong lĩnh vực này vì họ có nền tảng hiểu biết tốt hơn - điều có thể đã tác động tích cực đến cách suy nghĩ và cư xử không mang tính kì thị; tuy nhiên, điều này không nhất thiết nghĩa là các thông điệp và lối hành xử tích cực đang được truyền tải đúng mức trong các lớp học của họ.

**Biểu đồ 8**

Đồng tình với ý kiến rằng ‘Gọi một ai đó bằng ‘thằng béo’, ‘pê đê’, ‘nhà quê’... là không mang tính xúc phạm’ (N-Học sinh=2,636; N-Giáo viên và Cán bộ quản lý nhà trường = 606; N-Cha mẹ học sinh = 215)

**Biểu đồ 9**

Đồng ý với ý kiến rằng ‘trêu chọc các bạn trai ôn ẻn hoặc là các bạn gái ít nữ tính chỉ là trò đùa vô hại’ (N-Học sinh=2,636; N-Giáo viên và Cán bộ quản lý nhà trường = 606; N-Cha mẹ học sinh = 215)



## 5.3 Trải nghiệm của học sinh với BLHĐTCSG

Phần này trình bày những trải nghiệm của học sinh tham gia khảo sát về những dạng khác nhau của BLHĐTCSG (thể chất, lời nói, tâm lý xã hội, tình dục hay liên quan đến công nghệ), cho thấy những phát hiện quan trọng nhất của nghiên cứu.

### 5.3.1 Học sinh LGBT có nguy cơ bị bạo lực cao

Những học sinh tự coi là LGBT (bao gồm cả các học sinh không theo chuẩn mực giới) có nguy cơ dễ phải trải qua các hình thức BLHĐTCSG hơn (một cách đáng kể) so với các bạn học khác, như được thấy trong Bảng 3. Trong nghiên cứu, 71% học sinh LGBT đã trải qua bạo lực thể chất, 72.2% bạo lực lời nói, 65.2% bạo lực tâm lý xã hội, 26% bạo lực tình dục và 20% bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin. Một học sinh đồng tính nam đã chia sẻ một ví dụ.

PVS, học sinh  
đồng tính nam,  
miền Trung.

*“Em bị nhốt vào phòng và bị đánh sau khi công khai xu hướng đồng tính của mình, vì các bạn khác cho rằng những người như con làm ô uế nhà trường.”*



**Bảng 3::** Trải nghiệm của HS LGBT với bạo lực so với các HS khác (không phải LGBT)

|                                                                                                                           | Nam        |              | Nữ         |              | LGBT       |              | p-value        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|----------------|
|                                                                                                                           | N          | %            | N          | %            | N          | %            |                |
| <b>Bạo lực thể chất</b>                                                                                                   | <b>578</b> | <b>64.7%</b> | <b>495</b> | <b>51.1%</b> | <b>530</b> | <b>71.0%</b> | <b>.000***</b> |
| Ai đó tát, xô đẩy, đánh, đá, chèn ép hoặc giật tóc em.                                                                    | 427        | 47.4%        | 342        | 35.3%        | 362        | 48.1%        | .000***        |
| Ai đó dùng vũ khí đe dọa em [ ví dụ kéo, dao hoặc súng]                                                                   | 76         | 8.4%         | 31         | 3.2%         | 80         | 10.6%        | .000***        |
| Ai đó khoá, nhốt em trong lớp học, nhà vệ sinh hoặc một phòng nào đó                                                      | 430        | 47.8%        | 345        | 35.4%        | 430        | 57.1%        | .000***        |
| Ai đó lấy trộm, giấu hoặc phá huỷ đồ đạc của em [ ví dụ giấy dép, sách, điện thoại, tiền]                                 | 113        | 12.5%        | 72         | 7.4%         | 135        | 17.9%        | .000***        |
| <b>Bạo lực lời nói</b>                                                                                                    | <b>491</b> | <b>54.5%</b> | <b>507</b> | <b>51.9%</b> | <b>540</b> | <b>72.2%</b> | <b>.000***</b> |
| Ai đó cướp, trấn lột tiền của em                                                                                          | 359        | 39.8%        | 337        | 34.7%        | 358        | 47.5%        | .000***        |
| Ai đó nói chuyện thô tục, coi thường em, về gia đình em, hoặc chế nhạo, nhại, bắt trước hành vi của em.                   | 71         | 7.9%         | 42         | 4.3%         | 90         | 11.9%        | .000***        |
| Ai đó dọa nạt em                                                                                                          | 316        | 35.0%        | 224        | 23.0%        | 276        | 36.7%        | .000***        |
| Ai đó bình luận hoặc kể chuyện nhằm lăng nhục hoặc xúc phạm/chế giễu em                                                   | 280        | 31.0%        | 227        | 23.3%        | 321        | 42.7%        | .000***        |
| <b>Bạo lực xã hội</b>                                                                                                     | <b>492</b> | <b>54.7%</b> | <b>439</b> | <b>45.4%</b> | <b>488</b> | <b>65.2%</b> | <b>.000***</b> |
| Ai đó bàn luận, nói xấu hay tung tin đồn xấu về em                                                                        | 305        | 33.8%        | 335        | 34.3%        | 388        | 51.8%        | .000***        |
| Ai đó tẩy chay, cô lập em, không cho chơi cùng hoặc tham gia cùng trong các hoạt động, xúi dục mọi người tẩy chay em.     | 137        | 15.2%        | 169        | 17.3%        | 213        | 28.2%        | .000***        |
| Ai đó nhìn em một cách khó chịu, không thiện cảm hoặc có ý coi thường                                                     | 367        | 40.6%        | 403        | 41.3%        | 427        | 56.6%        | .000***        |
| <b>Bạo lực tình dục</b>                                                                                                   | <b>199</b> | <b>22.0%</b> | <b>103</b> | <b>10.6%</b> | <b>195</b> | <b>26.0%</b> | <b>.000***</b> |
| Ai đó kéo, cởi, giặt váy/áo/quần em                                                                                       | 133        | 14.7%        | 74         | 7.6%         | 134        | 17.8%        | .000***        |
| Ai đó sờ mó, đụng chạm vào bộ phận nhạy cảm trên cơ thể em mà em không đồng ý                                             | 113        | 12.5%        | 44         | 4.5%         | 126        | 16.7%        | .000***        |
| Em bị ép quan hệ tình dục                                                                                                 | 8          | .9%          | 4          | .4%          | 35         | 4.6%         | .000***        |
| <b>Bạo lực qua mạng/ thiết bị di động</b>                                                                                 | <b>119</b> | <b>13.2%</b> | <b>70</b>  | <b>7.2%</b>  | <b>151</b> | <b>20.0%</b> | <b>.000***</b> |
| Em bị hăm dọa, dâm dục, làm lộ các bí mật riêng tư, hoặc bị dựng chuyện về mình trên internet hoặc qua điện thoại di động | 48         | 5.3%         | 30         | 3.1%         | 67         | 8.9%         | .000***        |
| Ai đó phát tán các hình ảnh hoặc video clip của em nhằm làm tổn hại danh dự cá nhân                                       | 50         | 5.5%         | 21         | 2.2%         | 54         | 7.2%         | .000***        |
| Ai đó gửi tin nhắn hoặc thư điện tử yêu cầu quan hệ tình dục với em mà em không hề mong muốn.                             | 10         | 1.1%         | 14         | 1.4%         | 39         | 5.2%         | .000***        |
| Ai đó giả vờ là em trên mạng internet và tung thông tin riêng tư về em lên mạng                                           | 58         | 6.4%         | 19         | 1.9%         | 74         | 9.8%         | .000***        |

Ghi chú. \*  $p < 0.05$ , \*\*  $p < 0.01$ , \*\*\*  $p < 0.001$

### 5.3.2 Học sinh nam dễ bị bạo lực với tỉ lệ cao hơn

So với học sinh nữ, học sinh nam chịu bạo lực thể chất nhiều hơn (64.7% so với 51.1%), bạo lực tâm lý xã hội (54.7% so với 45.4%) và bạo lực tình dục (22.0% so với 10.6%). Các học sinh đã thảo luận về sự khác biệt trong cách thức học sinh nam và học sinh nữ bị bạo lực – theo đó HS cho rằng các em nam dễ bị bạo lực thể chất gây ra bởi người cùng giới hơn. Một học sinh phản ánh ở trường, các bạn nam đánh nhau nhiều hơn các bạn nữ. Có bạn xích mích nhau trong đời sống, đánh nhau, xé quần xé áo’ (TLN, học sinh LGBT, miền Bắc). Một em khác bình luận ‘các bạn nữ thường chỉ là cãi nhau thôi ạ, còn đánh nhau thì ít. Hạ nhục nhau thì nam nữ đều có cả, nhưng ở nữ thì phổ biến hơn nam một chút’. Một phần ba số học sinh tham gia khảo sát cũng đưa ra những nhận xét tương đồng với cảm nhận này về sự khác biệt giữa trải nghiệm bạo lực của nam và nữ; ‘nếu nữ đánh nhau thì hay xé quần áo của nhau, đến mức như đứt cúc áo; con trai thì hay kéo đàn, ăn xô (đánh hôi) cái thằng nào hay nói xấu, dùng gậy, ống tuýp đánh nhau’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Bắc). Cũng có những trao đổi về việc học sinh nam bị quấy rối tình dục, đặc biệt là các hành vi quấy rối tình dục đối với học sinh nam thường không được xem xét một cách nghiêm túc ở các lớp thấp hơn. ‘Lớp có bạn gái bóp chim các bạn trai (bị từ lớp 6 đến lớp 9), cô giáo đã nói nhưng bạn ấy không bỏ được.’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Nam). ‘Em từng bị bạn đung vào bộ phận kín, trong lớp cũng hay đùa nhau như vậy’ (PVS- học sinh nam THCS, miền Nam).

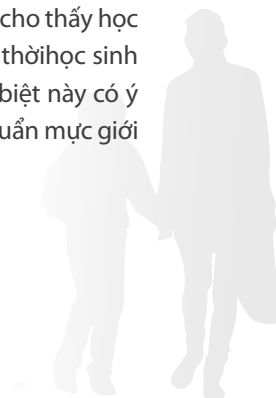
### 5.3.3 BLHĐTCSG đôi khi do cán bộ nhân viên nhà trường gây ra

Thông qua các cuộc TLN và PVS, học sinh bày tỏ rằng một số em đã trải qua những tình huống mà người gây BLHĐTCSG là cán bộ nhân viên nhà trường. Một số học sinh đã kể lại những sự việc mà các em cảm thấy xấu hổ, ví dụ như việc một giáo viên mắng một em học sinh và các bạn em trước mặt cả lớp là “dốt như bò, như trâu” (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Trung) hay một giáo viên nam đã ‘dùng tay nhéo tai chúng em do làm bài tập không được’ (TLN, học sinh nam, THCS, miền Trung). Cũng có một vài trường hợp phân biệt đối xử đối với những học sinh không theo chuẩn mực giới thông thường, như một học sinh nữ đã nhớ lại và chia sẻ việc thầy giáo toán của em đã nêu em lên trước cả lớp và giễu cợt về hình dáng giống con trai của em. Học sinh này chia sẻ, ‘Em cảm giác mình không được tôn trọng. (Thầy giáo) bảo mình không phải là con trai, viết lên bảng lấy ví dụ linh tinh, em cảm thấy mình bị xúc phạm cực kì’ (PVS, học sinh nữ LBT, miền Bắc). Một học sinh không tuân theo giới khác đã bị một nhân viên lao công nói trong nhà vệ sinh nữ ‘Bọn mày là đồ không bình thường, đừng có vào đây nữa’ (PVS, học sinh nữ, LGBT, miền Bắc).

Một vài cha mẹ trao đổi về sự thất vọng của họ đối với những giáo viên la mắng, nhục mạ hoặc đánh học sinh; ví dụ như một phụ huynh nói rằng, ‘Thầy cô mà không dịu dàng thì vô hình làm tăng bạo lực (...) Thầy cô là người phải làm gương cho học sinh’ (TLN, CMHS, THPT, miền Bắc). Những ví dụ này minh chứng cho những phát hiện được thể hiện trong Biểu đồ 7.

### 5.3.4 Các dạng BLHĐTCSG trong sáu tháng trước khảo sát

Trong khảo sát tại trường, 51.9% học sinh cho biết là đã từng trải qua ít nhất một loại hành vi bạo lực trong 6 tháng gần nhất, trong khi 48.1% học sinh cho rằng các em chưa từng trải qua bạo lực trong trường học. Để hiểu rõ mức độ các nhóm học sinh đã từng bị bạo lực trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm tiến hành khảo sát, một so sánh đã được thực hiện giữa nhóm HS nam, nữ nói chung và các em học sinh LGBT. So sánh này cho thấy học sinh nam có xu hướng phải trải qua tất cả các dạng bạo lực nhiều hơn so với học sinh nữ, đồng thời học sinh LGBT trải qua BLHĐTCSG trong sáu tháng trước khảo sát với tần suất cao nhất (Bảng 4). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (trị số  $p=0.000$ ), trong đó các em đồng tính nam, song tính, HS nam không theo chuẩn mực giới và các em chuyển giới từ nam sang nữ đặc biệt bị BLHĐTCSG nhiều hơn.





**Bảng 4:** Các dạng bạo lực xảy ra với HS LGBT và các nhóm học sinh khác (không LGBT) trong 6 tháng trước khi khảo sát

| Đã từng bị bạo lực<br>trong 6 tháng trước<br>khảo sát | LGBT |       |     |       | Không LGBT |       |     |       | Trị số P |
|-------------------------------------------------------|------|-------|-----|-------|------------|-------|-----|-------|----------|
|                                                       | Nam  |       | Nữ  |       | Nam        |       | Nữ  |       |          |
|                                                       | N    | %     | N   | %     | N          | %     | N   | %     |          |
| Bạo lực thể chất                                      | 147  | 56.5% | 176 | 36.3% | 365        | 41.0% | 266 | 27.7% | .000***  |
| Bạo lực lời nói                                       | 126  | 48.6% | 161 | 33.3% | 282        | 31.7% | 236 | 24.6% | .000***  |
| Bạo lực xã hội                                        | 132  | 50.8% | 187 | 38.9% | 293        | 33.0% | 288 | 30.1% | .000***  |
| Bạo lực tình dục                                      | 90   | 34.6% | 49  | 10.2% | 114        | 12.8% | 50  | 5.2%  | .000***  |
| Bạo lực qua mạng/<br>thiết bị di động                 | 53   | 20.4% | 39  | 8.1%  | 65         | 7.3%  | 37  | 3.8%  | .000***  |

Ghi chú. \* $p < 0.05$ , \*\* $p < 0.01$ , \*\*\* $p < 0.001$



Học sinh đề cập đến nhiều loại của **bạo lực thể chất** như đấm, tát, đá, ném đồ vật vào người hoặc sử dụng vật gì đó trên người nạn nhân, cùng nhiều trải nghiệm khác. Một học sinh nam nhận xét rằng ‘bạo lực thân thể thường xảy ra với nam hơn vì các bạn nam ít nói và thường thích giải quyết bằng bạo lực tay chân’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Bắc). Bạo lực thể chất không thường xuyên xảy ra trong khuôn viên trường; ‘nó (các học sinh) đề đầu nhau đánh (và) thường kéo nhau ra ngoài trường đánh nhau’ (TLN, giáo viên, THPT, miền Trung).

Các học sinh nói rằng **bạo lực lời nói** thường xảy ra dưới hình thức chửi rủa và chọc ghẹo, và sử dụng những biệt danh có tính xúc phạm. Rất nhiều từ ngữ xấu, xúc phạm được sử dụng theo cách gọi của học sinh – ‘Vi em đen nên các bạn gọi là “bắp nướng”’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Nam) và ‘Các bạn kêu con là “pê đề”’. Vì các bạn nói tương đi con giống con gái’ (PVS, học sinh nam THCS, miền Nam). Giáo viên và cha mẹ học sinh đôi khi cho thấy họ tin rằng những trường hợp như thế khá phổ biến ở trường học – ví dụ, một hiệu trưởng nói rằng ‘Bạo lực mà dùng lời nói cũng hay xảy ra trong trường học’ (PVS, CBQL, miền Nam). Mặc dù như thế, một số giáo viên lại cho rằng đây chỉ là một kiểu “nói tục” giữa học sinh với nhau chứ chưa phải là một dạng bạo lực. Một phụ huynh học sinh thì nhận xét, ‘Đứa con gái này nói xấu đứa kia’ (TLN, cha mẹ học sinh, THPT, miền Nam). Một vài người lớn đã có một

cách tiếp cận quá đơn giản đối với loại hình bạo lực này.

**Bạo lực Tâm lý xã hội** được coi là tồn tại dưới các hình thức tẩy chay, cô lập và bị bỏ rơi. Những học sinh tham gia các TLN và PVS thừa nhận rằng các hình thức bạo lực này đều đã xảy ra ở trường học. Tuy nhiên, cả nhóm cha mẹ học sinh lẫn nhóm giáo viên đều không đề cập một cách rõ ràng đến dạng bạo lực này. Một học sinh nữ kể lại là có một bạn học không giỏi lắm nhưng ‘hay tính ‘bay bay’ đó, có một vài hành vi nói không vừa lòng người ta nên bị tẩy chay. Một nhóm tẩy chay bạn đó’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Nam). Một học sinh khác giải thích rằng trong số những học sinh hay bị cô lập như vậy có cả những em ‘hiền quá; hoặc các bạn học lực trung bình, hoặc những bạn con trai mà ẻo lả như con gái’ (PVS, học sinh LGBT, miền Trung). Một học sinh giải thích việc em bị loại ra khỏi nhóm nhảy mà em từng dẫn dắt như thế nào, sau khi ‘có người bảo trên Facebook rằng không thể chấp nhận một trường nhóm mà lại ‘biến thái’ (PVS, học sinh chuyển giới từ nam sang nữ, miền Trung).

Các hành vi **bạo lực tình dục** ít được báo cáo hơn so với các hành vi bạo lực khác trong trường học. Hầu hết các trường hợp thuộc dạng bạo lực này liên quan đến việc bị nhìn trộm ở nhà vệ sinh hoặc bị tụt quần để nhìn bộ phận sinh dục. Cũng có một vài trường hợp những kẻ gây bạo lực chụp ảnh lén rồi tung lên mạng Internet. Người gây ra bạo lực thường là học sinh nam. Một vài học sinh kể lại chi tiết các tình huống bạo lực tình dục được thực hiện bởi các bạn nam khác các em quen nhưng các em cảm thấy không thể ngăn chặn những hành vi đó, ví dụ như: ‘Có lần con thấy các bạn nam nhảy lên tường nhà vệ sinh nữ để nhòm, con thấy thì cũng bỏ đi thôi’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Trung); ‘Ở khối lớp cùng tuổi, (có đứa) bị tung ảnh đối trọi lên, nó vô chụp lén, là bạn nam chụp lén bạn nữ’ (PVS, học sinh nam, THPT, miền Trung); ‘Hồi con học lớp 7, các bạn (con trai trong lớp) cởi áo và tụt quần con ra, rồi các bạn đứng cười quá trời’ (PVS, học sinh nam THPT, miền Nam). Nhiều học sinh dường như thiếu các kĩ năng ứng phó cần thiết với các hành vi của bạn học, và cần có những nỗ lực để dạy học sinh rộng rãi hơn về các ứng xử đúng mực, tôn trọng người khác.

**Bạo lực liên quan đến công nghệ (qua internet/thiết bị di động)** ít được báo cáo hơn, nhưng được nhận định là có xu hướng xảy ra nhiều hơn do việc sử dụng các thiết bị di động và Internet ngày càng phổ biến. Các học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh tham gia khảo sát đều khẳng định rằng dạng bạo lực này đã xảy ra trong trường, dưới các hình thức như nói xấu nhau, lan truyền tin đồn và có những bình phẩm tiêu cực trên các trang mạng xã hội (như Facebook). Một học sinh bày tỏ ‘các bạn lòi chuyện chế giễu về gia cảnh (những điều tiêu cực), mạo danh trên Facebook để tung tin đồn xấu’ (TLN, học sinh, THPT, miền Bắc). Một vài xung đột bắt đầu từ trên Facebook và sau đó dẫn đến bạo lực ngoài đời thật:

PVS, học sinh nam, THCS, miền Nam

*“Một bạn chung lớp với em và đám kia là lớp 7 xích mích trên facebook. Lúc đầu hện ra nói chuyện, sau hện ra chửi, đánh nhau, nguyên cả đám đánh một bạn đó.”*

Một phụ huynh kể lại chuyện bạn của con trai cô do hiểu lầm một bình luận của em trên Facebook nên đã tát em ngay giữa sân trường (TLN, cha mẹ học sinh, THCS, miền Bắc). Thông tin sai lệch và nhục danh trên mạng có thể dẫn đến sự hiểu lầm và bắt nạt, nhưng không một người tham gia khảo sát nào đề cập đến những khả năng tích cực của mạng internet trong việc giải quyết BLHĐTCSG. Mặc dù có những hạn chế và mặt trái, công nghệ thông tin vẫn là một lĩnh vực mạnh mẽ và năng động, vì vậy những thói quen tích cực hơn xung quanh việc sử dụng nó cần được khám phá và chuyển tải tới HS.

## 5.4 Đánh giá về sự an toàn của nhà trường liên quan đến BLHĐTCSG

### 5.4.1 Đánh giá của học sinh về mức độ an toàn của trường học

Khoảng ba phần tư số học sinh đánh giá là trường của các em là nơi an toàn, với các tỉ lệ đánh giá của các học sinh nữ, học sinh nam nói chung cao hơn tỉ lệ đánh giá của các em LGBT (lần lượt là 78.1%, 75.6% và 72.7%; xem Bảng 5). Sự tương quan này có ý nghĩa quan trọng về mặt thống kê. Kết quả này tương đồng với dữ liệu liên

quan đến trải nghiệm của các học sinh về BLHĐTCSG – trong đó học sinh LGBT có nguy cơ bị bạo lực với tỉ lệ cao nhất ở tất cả các dạng, và học sinh nam nhìn chung có nguy cơ bị bạo lực nhiều hơn so với học sinh nữ. Mức độ đánh giá khá cao về sự an toàn nói chung của trường học dường như mâu thuẫn với những thông tin về trải nghiệm bạo lực của học sinh trong các dữ liệu định lượng và định tính, và phần nào tạo nên sự khó giải thích về điều này. Một học sinh nữ bình luận rằng ‘Về vụ bạo lực xảy ra ở trường em thì tuần nào cũng có (...). Trường chưa được an toàn lắm’ (PVS, học sinh nữ, THPT, miền Bắc).

**Bảng 5:** Đánh giá của học sinh về mức độ an toàn ở trường của các em

|                                  | Nam |       | Nữ  |       | LGBT |       | Giá trị P |
|----------------------------------|-----|-------|-----|-------|------|-------|-----------|
|                                  | N   | %     | N   | %     | N    | %     |           |
| Mức độ an toàn của nhà trường    | 663 | 75.6% | 742 | 78.1% | 536  | 72.7% | 0.038*    |
| Lo lắng về bạo lực gây ra bởi HS | 234 | 26.7% | 303 | 31.9% | 244  | 33.1% | 0.011*    |
| Lo lắng về bạo lực gây ra bởi GV | 99  | 11.4% | 108 | 11.4% | 121  | 16.5% | 0.000     |

Ghi chú. \* $p < 0.05$ , \*\* $p < 0.01$ , \*\*\* $p < 0.001$

#### 5.4.2 Đánh giá của giáo viên về mức độ an toàn trường học

Nghiên cứu cũng xem xét cảm nhận của giáo viên về mức độ an toàn đối với học sinh trong trường học của họ. Kết quả cho thấy là chỉ có 10.5% giáo viên tin rằng trường của họ không an toàn với học sinh. Đây là một đánh giá về an toàn trường học tích cực hơn nhiều so với đánh giá của học sinh (24.3% học sinh cho rằng các trường học của các em không an toàn và rất không an toàn). Các giáo viên nam có xu hướng đánh giá trường học của họ không an toàn với học sinh cao hơn giáo viên nữ (14.2% giáo viên nam cho rằng trường học của họ không an toàn đối với học sinh, trong khi chỉ 9.2% giáo viên nữ nhận định như vậy). Chỉ có 7.3% giáo viên cho rằng trường học của họ không an toàn đối với giáo viên, và 3.2% đánh giá là rất không an toàn. Một lần nữa, giáo viên nam có xu hướng đánh giá trường học không an toàn với tỉ lệ cao hơn giáo viên nữ. Chưa thể khẳng định được sự khác biệt này là do mức độ trải nghiệm về BLHĐTCSG cao hơn hay do các yếu tố khác.

**Bảng 6:** Đánh giá của giáo viên về mức độ an toàn ở trường của các em

|                   | Nam                                                     |       | Nữ  |       | Tổng cộng |       | Giá trị P |
|-------------------|---------------------------------------------------------|-------|-----|-------|-----------|-------|-----------|
|                   | N                                                       | %     | N   | %     | N         | %     |           |
|                   | Mức độ an toàn của trường học đối với học sinh (N=602)  |       |     |       |           |       |           |
| Rất không an toàn | 9                                                       | 6.1%  | 10  | 2.2%  | 19        | 3.2%  | 0.004**   |
| Không an toàn     | 12                                                      | 8.1%  | 32  | 7.0%  | 44        | 7.3%  |           |
| Tương đối an toàn | 60                                                      | 40.5% | 249 | 54.8% | 309       | 51.3% |           |
| An toàn           | 57                                                      | 38.5% | 150 | 33.0% | 207       | 34.4% |           |
| Rất an toàn       | 10                                                      | 6.8%  | 13  | 2.9%  | 23        | 3.8%  |           |
|                   | Mức độ an toàn của trường học đối với giáo viên (N=597) |       |     |       |           |       |           |
| Rất không an toàn | 5                                                       | 3.4%  | 10  | 2.2%  | 15        | 2.5%  | 0.037*    |
| Không an toàn     | 10                                                      | 6.9%  | 21  | 4.6%  | 31        | 5.2%  |           |
| Tương đối an toàn | 35                                                      | 24.1% | 168 | 37.2% | 203       | 34.0% |           |
| An toàn           | 67                                                      | 46.2% | 193 | 42.7% | 260       | 43.6% |           |
| Rất an toàn       | 28                                                      | 19.3% | 60  | 13.3% | 88        | 14.7% |           |

Ghi chú. \* $p < 0.05$ , \*\* $p < 0.01$ , \*\*\* $p < 0.001$

#### 5.4.3 Các địa điểm không an toàn trong trường học

Trong khuôn viên trường học có những nơi học sinh cho rằng không an toàn nhất, đặc biệt là khu vực nhà vệ sinh hoặc những chỗ xa văn phòng của ban giám hiệu và giáo viên, hoặc những địa điểm không có thiết bị giám sát. Theo nhiều học sinh, những nơi không an toàn nhất trong trường là khu vực nhà vệ sinh nam và hội trường.



Một học sinh giải thích ‘Hội trường ít lớp học, khi nào có tiết mới có người học và thầy cô ít tới chỗ đó.’ Đó là nơi có cặp đôi hò hẹn, nắm tay, hôn’ (TLN, học sinh THPT, miền Nam). Một học sinh đưa ra ý kiến khác ‘Ở trường khu vực nhà vệ sinh là không an toàn nhất... Vì chỗ đó khuất, các bạn thường ra chỗ đó để đánh nhau (...) vì thầy cô ít lên đó’ (TLN, học sinh, THPT, miền Nam). Các học sinh cũng nói rằng các khu vực phía sau trường học là những nơi bạo lực thường hay xảy ra. Một học sinh kể lại ‘Thường đánh nhau ở khu sau trường, không có camera. Đánh nhanh lẹ, có bạn coi chừng, trông thấy thầy giáo tới là giải tán liền’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Nam). Các khu vực không an toàn khác bao gồm cả những nơi có quá đông học sinh tụ tập, như căng tin (PVS, học sinh nữ, THPT, miền Bắc)..

#### 5.4.4 Các địa điểm không an toàn ngoài phạm vi khuôn viên trường học

Những người tham gia thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cho thấy BLHĐTCSG còn xảy ra ở cả những địa điểm ngoài phạm vi khuôn viên trường học, trong đó có những nơi như khu vực xung quanh cổng trường, sau trường, các địa điểm công cộng khác ở địa phương, trên đường đi học hay từ trường về nhà. Một số giáo viên nói: ‘Các em không đánh trong trường mà thường hẹn nhau ở ngoài nhà trường (quán nước xung quanh trường) hoặc đưa đến các chỗ xa hơn, vắng vẻ’ (TLN, giáo viên, THCS, miền Nam) và ‘Mâu thuẫn chuyện học tập nên học sinh thường kéo nhau ra ngoài trường đánh nhau’ (TLN, giáo viên THPT, miền Trung). Một hiệu trưởng thừa nhận ‘Các vụ việc đều xảy ra bên ngoài nhà trường nên nhà trường khó quản lí’ (PVS, cán bộ quản lý, THCS, miền Trung). Một vài tình huống bạo lực có nguyên nhân sâu xa là do những xích mích phát sinh trước đó trong trường học, nhưng sau đó những học sinh gây bạo lực “giải quyết” ở ngoài trường để tránh rắc rối với cán bộ quản lý nhà trường hoặc giáo viên.

Cũng có một số trường hợp BLHĐTCSG xảy ra bên ngoài phạm vi nhà trường giữa những học sinh không học cùng trường, và với những người được gọi đến để giúp “giải quyết mâu thuẫn”. Một học sinh giải thích ‘Ở trường em thì tuần nào cũng có. Ngay vừa rồi có bạn ngoài trường đánh bạn trong trường’ (PVS, học sinh nữ, THPT, miền Bắc); một học sinh khác kể lại ‘Có lần có người bị nói xấu trên mạng, rồi bị người khác thuê băng đảng chặn đường để uýnh (đánh)’ (TLN, học sinh, THPT, miền Trung). Các em nữ bị ép buộc phải có quan hệ yêu đương (với một bạn học) thông qua sự đe dọa của người ngoài trường - một phụ huynh kể ‘Có trường hợp một em nữ bị cậu bạn cùng lớp gọi ra gặp hai đứa đầu gấu ngoài trường để hứa phải làm người yêu của thằng đó, nếu không sẽ bị đánh’ (TLN, cha mẹ học sinh, miền Trung).





## 5.5 Những động cơ dẫn đến BLHĐTCSG

### 5.5.1 Khẳng định sức mạnh đàn ông là một động cơ gây ra BLHĐTCSG

Học sinh nam thích tỏ vẻ tự tin, mạnh mẽ, muốn khẳng định sức mạnh đàn ông, thể hiện mình là người “chính phục, bảo vệ” bạn nữ. Đôi khi đánh nhau là một biện pháp để thể hiện bản dạng giới nam tính. Một học sinh giải thích về một ví dụ trong đó ‘Một bạn nam trêu chọc bạn gái của bạn nam khác, nên đã bị bạn nam đó đánh’ (để bảo vệ bạn gái của mình) (TLN, học sinh THCS, miền Trung). Một học sinh khác bình luận rằng ‘các vụ việc muốn thể hiện nam tính và đánh nhau đều liên quan đến con gái hết’ (TLN, học sinh LGBT, miền Bắc). Một giáo viên đồng ý với nhận xét này; ‘Nguyên nhân là HS thích khẳng định mình. Nam thì thích khẳng định mình hơn, đôi khi là để bảo vệ bạn gái’ (TLN, giáo viên, THCS, miền Trung). Một số cha mẹ học sinh cũng có những quan điểm tương tự, ví dụ như một phụ huynh bình luận ‘Con trai thì là chứng tỏ, chứng tỏ ta đây là người lớn này, còn thêm một cái nữa là bây giờ là tranh giành bạn gái.’ (TLN, cha mẹ học sinh, THPT, miền Nam). Ngược lại, sự yếu đuối (hay bị liên tưởng đến tính con gái hoặc đồng tính) thường bị tấn công: một học sinh nói rằng ‘Ai hiền hiền, ngổ ngổ thì hay bị bắt nạt’ (TLN, học sinh THPT, miền Bắc). Một giáo viên đưa ra lời giải thích ‘Nói chung là các em bạo dạn thì đi bắt nạt bạn khác, thể hiện cái tôi quá lớn, các em bị bắt nạt thì không dám bứt phá để có thể phản ứng lại hay trực tiếp trao đổi với giáo viên’ (PVS, giáo viên THPT, miền Bắc).



### 5.5.2 Hạ thấp giá trị của nữ tính là một động cơ của BLHĐTCSG

Các dữ liệu định lượng cho thấy khá rõ rằng những học sinh không thể hiện ‘nam tính’ của mình theo khuôn mẫu giới, mà ngược lại tỏ ra diêm dúa, lẻo loẹt, ẻo lả hoặc dịu dàng, thường bị gán cho các biệt danh khiếm nhã và bị tẩy chay, cô lập. Một học sinh nói rằng ‘Có bạn nữ trông nam tính nhưng bạn ý lại được nhiều người quý còn nam mà trông nữ tính thì nhiều người không thích’ (PVS, học sinh nam, THPT, miền Bắc). Một học sinh khác tán thành với nhận xét này ‘Thường thì gay (đồng tính nam) và trans (chuyển giới) bị bạo lực nhiều hơn. Nữ đồng tính thường là người mạnh mẽ, khó mà bị bắt nạt được’ (TLN, học sinh đồng tính nữ, miền Trung).

Các giáo viên nhất trí với ý kiến này; một giáo viên nói rằng ‘Một số cháu thì tại vì là nam nhưng lại có những cử chỉ dịu dàng, nên bị các bạn trêu’ (TLN, giáo viên THPT, miền Bắc), một giáo viên khác phản ánh ‘Phần đông các em trai ẻo lả hoặc lời nói nhỏ nhẹ bị nói là pê đê và bị cô lập’ (TLN, giáo viên THCS, miền Nam). Cha mẹ học sinh cũng chứng kiến hiện tượng này – ‘Tôi thấy các cháu lại gọi bạn (nam) là thím, là mẹ; tôi có hỏi con là tại sao lại gọi bạn thế, con bảo vì các bạn đấy cứ thích biểu cảm con gái như thế’ (TLN, cha mẹ học sinh, miền Bắc). Đường như có một sự hạ thấp gián tiếp giá trị của phụ nữ và tính nữ thông qua sự khinh thị đối với biểu hiện của tính nữ được thể hiện ở nam giới; một xu hướng nhận thức rằng tính nữ là điều không nên được kỳ vọng mà cần phải bị trừng phạt. Cũng có một khả năng lớn hơn nữa về sự tán dương chất nam tính ở bất kỳ ai dù nam hay nữ (khi so sánh với nữ tính) – với việc các giáo viên đã trao đổi về việc các học sinh nữ có biểu hiện nam tính thường được coi là thủ lĩnh ở trong và ngoài phạm vi lớp như thế nào.

### 5.5.3 Không theo chuẩn mực giới - một động cơ dẫn đến BLHĐTCSG

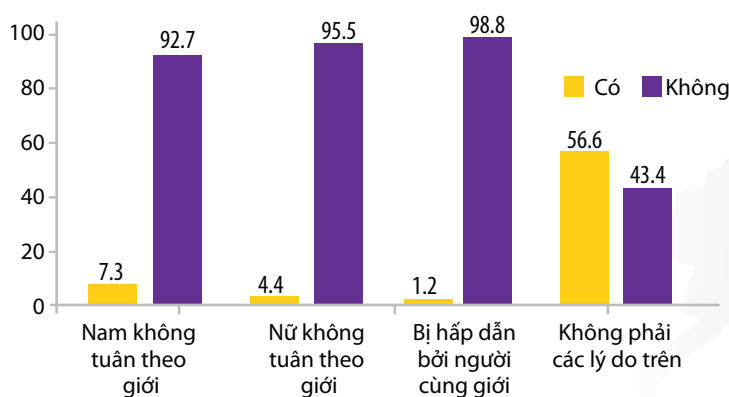
Khi được hỏi là những yếu tố nào thúc đẩy các em gây bạo lực, 12.9% học sinh đã từng gây bạo lực cho biết lí do là các nạn nhân thể hiện sự khác biệt, không theo khuôn mẫu giới (vẫn tồn tại trong xã hội) về nam tính, nữ tính, hay về xu hướng tính dục (xem Biểu đồ 10 bên dưới). Điều quan trọng cần lưu ý là những động cơ mà HS nói ra có thể không phải luôn luôn là những động cơ ‘thật sự’ của các em, vì những điều đó có thể khó nói hoặc khiến các em xấu hổ nếu thừa nhận; dữ liệu về các động cơ vẫn quan trọng và cần được xem xét. Học sinh thừa nhận rằng các em thường hay gây bạo lực với một bạn nam nhưng trông ẻo lả như con gái (7.3%) hơn là với một bạn gái có những biểu hiện nam tính (4.4%), hoặc với ai đó có tình cảm với người đồng giới (1.2%). Trái lại, các dữ liệu định tính (và dữ liệu về những người hay bị bạo lực nhất) đều hàm ý rằng bạo lực trên cơ sở giới diễn ra phổ biến hơn rất nhiều so với mức độ mà những người gây bạo lực thừa nhận.

Học sinh giải thích rằng: ‘(Nhiều bạn LGBT như chúng em) bị bắt nạt bởi vì ‘gái cũng không phải, trai cũng không’ (TLN, LGBT, miền Nam) và ‘Nam giống nữ bị trêu nhiều hơn vì nam yếu đuối như con gái’ (TLN, học sinh, THCS, miền Trung). Học sinh cũng gây bạo lực xã hội (phân biệt đối xử, cô lập) với những bạn trang phục không theo ‘chuẩn mực’ về nam tính, nữ tính. Ví dụ như một học sinh đã nhận xét về một bạn học bị tẩy chay rằng ‘Bạn nam ấy sành điệu, tai đeo khuyên, đeo nhẫn, đeo vòng, cách ăn nói giống con gái, hay chơi với nữ. Các bạn trong lớp không chơi với’ (TLN, học sinh nam THPT, miền Bắc).

**Biểu đồ 10**

Lý lẽ của những học sinh khi gây ra bạo lực đối với các bạn khác  
(N = 659)

Ghi chú: Không theo chuẩn mực giới ở đây có nghĩa là: ‘Một em trai cư xử như con gái’; hay ‘Một em gái cư xử giống con trai’



Một phụ huynh cho rằng các học sinh nam ở trường của con mình đôi khi bị nhân viên nhà trường nói rằng các em trông ẻo là như con gái, hay thậm chí còn nói ‘về nhà bảo mẹ mua cho mấy cái váy mà mặc. Hoặc là thấy bạn nào da trắng, giống như vẽ thư sinh thì cũng hay bị trêu chọc như vậy’ (TLN, cha mẹ học sinh, THPT, miền Bắc). Một học sinh chuyển giới kể lại giai đoạn kinh khủng khi em bị bắt nạt do những biểu hiện không theo khuôn mẫu giới: ‘Vì họ thấy mình ẻo là nên họ chọc mình là pê đê, kéo quần áo để khám. Lúc đó cảm thấy buồn, và tức, muốn làm gì thì cũng không được, cảm thấy bị xúc phạm’ (PVS, học sinh chuyển giới, miền Nam).

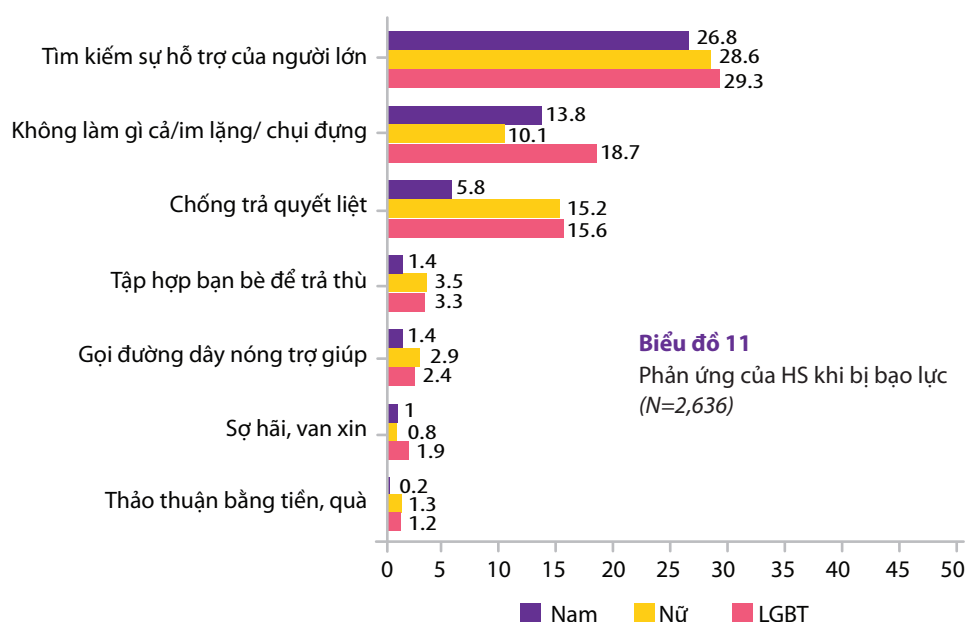
#### 5.5.4 Sự giao thoa giữa các động cơ

Toàn bộ các thông tin định tính và định lượng cho thấy rằng những lí do, động cơ phổ biến nhất dẫn đến BLHĐTCSG có sự giao thoa nhất định, làm cho các định kiến/ chuẩn mực giới càng trở nên sâu sắc hơn. đồng thời với việc các giá trị về tính nữ thường bị coi nhẹ (đặc biệt là khi những đặc tính đó được thể hiện trên cơ thể của nam giới hoặc người chuyển giới) và niềm tin rằng những đặc tính điển hình của nam giới (nam tính) có thể được khẳng định thông qua việc thể hiện sức mạnh đối với những người bị cho là yếu ớt. Thêm vào đó, một số giáo viên và cha mẹ học sinh cho rằng bạo lực giữa các học sinh cũng được thúc đẩy bởi những đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi vị thành niên, bởi hooc-môn và nhu cầu khẳng định cái tôi của mình giữa bạn bè. Các giáo viên, cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh cũng chỉ rõ rằng một số học sinh xuất thân từ các hộ gia đình nghèo, các dân tộc thiểu số, từ vùng nông thôn ra thành phố học, hoặc có giọng nói khác biệt và sử dụng ngôn ngữ địa phương gốc của mình cũng thường là những đối tượng bị trêu chọc, bắt nạt. Những sự giao thoa giữa các yếu tố giới tính, xu hướng tính dục và các nhân tố kinh tế xã hội khác như vậy có thể kết hợp, cộng hưởng với nhau, dẫn đến sự tẩy chay, cô lập ở mức độ cao hơn nữa. Một học sinh bày tỏ: ‘các bạn không thích người di cư, và bạn còn nói con là pê đê như mày thì làm được gì. Khi thấy con học khá, các bạn lại kỳ thị cao hơn’ (TLN, học sinh LGBT, miền Trung).

### 5.6 Phản ứng đối với BLHĐTCSG

#### 5.6.1 Phản ứng của các học sinh là nạn nhân của bạo lực

Những học sinh là nạn nhân của BLHĐTCSG có xu hướng báo cáo nhiều nhất rằng phản ứng của các em với bạo lực là tìm kiếm sự hỗ trợ của người lớn (xem Biểu đồ 11), trong khi cách phản ứng phổ biến thứ hai của các em, đặc biệt là với học sinh LGBT, là ‘không làm gì/ im lặng/ chịu đựng’. Các cách phản ứng ít phổ biến hơn bao gồm việc gọi bạn đến trả thù, gọi đường dây nóng trợ giúp, van xin và cuối cùng là tìm cách thỏa hiệp với những kẻ gây bạo lực bằng cách mua sự an toàn, yên ổn bằng tiền hoặc quà.





Thông tin thu thập được từ các cuộc PVS và TLN với học sinh cho thấy mức độ tìm kiếm trợ giúp (của những HS bị bạo lực) hạn chế hơn, với nhiều ví dụ giải thích cho lý do tại sao giải pháp ‘im lặng chịu đựng’ thường được coi là lựa chọn khả thi. Nhiều học sinh nói rằng các em cảm thấy nếu mình báo cáo về BLHĐTCSG với người khác, kẻ tấn công có thể trả thù các em, do vậy thay vì tìm những người quanh mình hỗ trợ hoặc tự mình chống trả, phương thức này dường như là cách tự vệ tốt nhất của các em. Một em nam giải thích ‘Khi bị bắt nạt thì chỉ im lặng chịu đựng, quá sức chịu đựng thì mới nói lại’ (PVS, học sinh nam THPT, miền Trung). Một học sinh khác chia sẻ:

TLN, học sinh nam, THPT, miền Bắc

*‘Đôi khi (các nạn nhân) gọi hội (để bảo vệ chúng em); nếu không có hội thì phải im lặng và chịu đựng; thường thì những bạn bị đánh ít đánh lại, các bạn cũng không dám báo với giáo viên.’*

Các cuộc phỏng vấn và thảo luận cũng cho thấy rằng hành động báo cáo vụ việc với giáo viên có thể bị các học sinh khác cho là ‘mách lẻo’ và dẫn đến bị trừng phạt tiếp. ‘Khi bị đánh, bạn bị đánh thường là chịu đựng. Nếu mách có khi còn bị đánh thêm, đã có trường hợp mách và bị đánh mãi’ (TLN, học sinh THPT, miền Bắc).

### 5.6.2 Việc tìm kiếm sự hỗ trợ của học sinh bị bạo lực

Để hiểu rõ hơn về việc những học sinh là nạn nhân của BLHĐTCSG đã tìm kiếm sự hỗ trợ của ai, trong bảng hỏi khảo sát có một câu hỏi với danh sách những người quan trọng trong cuộc sống của các em – những người mà các em có thể tìm đến để trông cậy khi bị bạo lực. Trong những lựa chọn được nêu ra, những học sinh là nạn nhân của BLHĐTCSG có xu hướng chọn nhiều nhất là tìm kiếm sự trợ giúp từ các GV, cán bộ nhà trường (17.7%; trong đó giáo viên/ cán bộ quản lý – 14.8%, hiệu trưởng – 2.9%), tiếp đến là cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình (16.9%). Chỉ có hơn một phần mười số người trả lời đã tìm kiếm sự trợ giúp từ bạn bè.

Dữ liệu thu thập được từ các cuộc TLN và PVS đưa ra một vài lý do tại sao việc báo cáo về bạo lực trong thực tế lại khá ít ỏi. Một số học sinh chia sẻ rằng các em sợ bị trả thù nếu đi nói với một giáo viên hoặc phụ huynh, hoặc các em không tin tưởng vào khả năng giải quyết vấn đề của thầy cô giáo và cha mẹ. Một học sinh lý giải ‘Các bạn (bị đánh) không báo thầy cô đâu vì sợ bị trả thù’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Bắc). Một giáo viên thì nhận xét ‘thường các em lớp tám, lớp chín không báo giáo viên mà tự giải quyết’ (TLN, giáo viên THCS, miền Nam). Hơn thế, một phụ huynh đã nhận xét rằng ‘với học sinh bị hành hung thì thường không dám mách bố mẹ; chỉ đến lúc đau gãy hời mới nói ra’ (TLN, cha mẹ học sinh THPT, miền Nam). Một số cán bộ quản lý thừa nhận rằng học sinh ngại là báo cáo về BLHĐTCSG có thể sẽ làm cho tình hình của các em tồi tệ hơn:

PVS, CBQL, THCS, miền Bắc

*“Trên thực tế, có nhiều nguyên nhân khiến học sinh không báo cáo giáo viên hay lãnh đạo trường (như là) sự ích kỷ trong xã hội, tức là ‘nếu không ai động đến ta thì ta cũng không động đến ai’. Hơn nữa, có lẽ tốt hơn là không báo cáo vì việc đó có thể khiến ta bị liên đới, chẳng biết mình báo có giải quyết được gì không người báo cáo lại bị đánh/trả thù.”*

### 5.6.3 Phản ứng của học sinh chứng kiến bạo lực

Để hiểu rõ về hành động và xu hướng ứng phó của những học sinh chứng kiến BLHĐTCSG, những em trả lời từng chứng kiến các hành vi bạo lực đã được hỏi tiếp là các em đã làm gì khi chứng kiến điều đó. Bảng 7 cho thấy tỉ lệ cao nhất là gọi giáo viên/ nhân viên trong trường mình (hơn một phần năm HS đã làm như vậy), tiếp đến là lựa chọn ‘cố gắng can ngăn hành vi bạo lực’ (dưới một phần năm HS chọn), hoặc ‘không làm gì’ – một lựa chọn ít phổ biến hơn một chút, nhưng lại được học sinh LGBT chọn nhiều hơn.



**Bảng 7:** Các phản ứng của HS khi chứng kiến hành vi bạo lực

|                                                             | Nam |       | Nữ  |       | LGBT |       | Trị số p |
|-------------------------------------------------------------|-----|-------|-----|-------|------|-------|----------|
|                                                             | N   | %     | N   | %     | N    | %     |          |
| <b>Phản ứng của các học sinh chứng kiến hành vi bạo lực</b> |     |       |     |       |      |       |          |
| Không làm gì                                                | 161 | 17.9% | 161 | 16.6% | 156  | 20.7% | 0.086    |
| Cố gắng can ngăn                                            | 184 | 20.5% | 177 | 18.2% | 147  | 19.5% | Not sig  |
| Khuyến khích người gây bạo lực                              | 18  | 2.0%  | 7   | 0.7%  | 19   | 2.5%  | 0.010*   |
| Hỗ trợ nạn nhân                                             | 105 | 11.7% | 95  | 9.8%  | 112  | 14.8% | 0.005**  |
| Gọi giáo viên/ cán bộ trong trường                          | 204 | 22.7% | 217 | 22.3% | 173  | 22.9% | Not sig  |
| Kể chuyện với cha mẹ / gia đình                             | 78  | 8.7%  | 129 | 13.3% | 106  | 14.1% | 0.001*** |
| Kể chuyện với bạn bè                                        | 75  | 8.3%  | 103 | 10.6% | 109  | 14.5% | 0.000*** |
| Gọi đường dây nóng trợ giúp                                 | 21  | 2.3%  | 32  | 3.3%  | 35   | 4.6%  | 0.035*   |

Ghi chú. \* $p < 0.05$ , \*\* $p < 0.01$ , \*\*\* $p < 0.001$

Theo các dữ liệu từ thảo luận nhóm và phỏng vấn, hành động can ngăn hành vi bạo lực là ít phổ biến ở các em chứng kiến bạo lực. Giáo viên / cán bộ quản lý đã nhìn thấy học sinh chứng kiến bạo lực hầu như không làm gì và chỉ có rất ít em can thiệp: ‘Tôi thấy đa số các em đều đứng xem, ít em bảo vệ (nạn nhân) hay là can thiệp để hòa giải’ (PVS, giáo viên THCS, miền Bắc); một giáo viên khác kể lại: ‘Đa số đứng xem và chọc tiếp. Chỉ có một vài bạn nói không nên trêu chọc các bạn ấy (LGBT) như vậy’ (TLN, giáo viên THPT, miền Trung).

Một số giáo viên bày tỏ sự lo lắng về thái độ thờ ơ, bàng quan của những học sinh chứng kiến hành vi bạo lực. Như một giáo viên chia sẻ, ‘học sinh bây giờ đa phần có xu hướng nếu không ảnh hưởng đến mình thì thôi mặc kệ... Tôi cũng thấy đúng là hiện giờ tình trạng rất nhiều học sinh thờ ơ, vô cảm (với bạn của mình) là đáng báo động’ (PVS, CBQL, THCS, miền Bắc). Một số cha mẹ học sinh tỏ ra thông cảm hơn với các học sinh chứng kiến chỉ đứng nhìn mà không làm gì, bởi họ nhìn nhận những nguy hiểm có thể sẽ đến với học sinh nếu các em can thiệp hay báo cáo những tình huống như thế:

TLN, CMHS, THCS, miền Bắc

*“Thì chúng nó còn nhỏ chỉ dám đứng nhìn thôi chứ nếu can thiệp vào theo kiểu không quen biết, thì nó còn đánh cả mình, vì khi nó tụ tập để đánh nhau thì nó rủ rất là đông bạn đến. Chỉ dám đứng nhìn thôi chứ làm người chứng kiến thì làm sao được ạ.”*

Những phát hiện từ PVS và TLN với học sinh cho thấy lựa chọn ‘không làm gì’ trên thực tế được xem như phương án phổ biến hơn cả ở những học sinh chứng kiến hành vi bạo lực. Một học sinh thừa nhận ‘không ai can thiệp vì sợ bị vạ lây, bị trả thù... Nếu một bạn bị bắt nạt mà mình nhảy vào can ngăn thì mình cũng sẽ bị rơi vào nhóm bị bắt nạt’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Bắc). Một học sinh khác chia sẻ, ‘Em chỉ đứng xem thôi, không dám can vì sợ bị đánh’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Bắc). Một số em nói về mối nguy hiểm của việc can thiệp: ‘Mọi người cũng có qua nhìn nhưng không ai dám can (khi chứng kiến bạn bị một hội đánh). Mãi sau tụi em vô can thì bị đánh luôn’ (TLN, học sinh THCS, miền Nam).

Việc cổ vũ, hoặc hòa vào cùng ‘đánh hôi’ với những người gây ra bạo lực có lẽ đã không được báo cáo đầy đủ trong khảo sát định lượng, căn cứ vào tần suất và mức độ xảy ra các hành vi bạo lực tập thể, theo hội/nhóm đã được học sinh trao đổi trong các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm. Một học sinh nam nhớ lại sự việc diễn ra khi em bị đánh: ‘các bạn khác trong lớp còn cổ vũ ‘đánh mạnh lên’. Cũng không ai mách cô cả’ (PVS, học sinh nam THCS, miền Bắc). Những phản ứng cổ vũ, khuyến khích cho các hành vi bạo lực như thế đôi khi phụ thuộc vào tình cảm cá nhân của những người chứng kiến với các nạn nhân, hoặc là vào mức độ nghiêm trọng của bạo lực trong việc nó gây ra tổn thương đến thân thể hay tinh thần: một học sinh nữ nói rằng ‘Nếu những ai ghét bạn bị đánh thì sẽ cổ vũ (cho việc đánh bạn đó)’ (PVS, học sinh nữ THCS, miền Bắc); một học sinh khác bình luận ‘Nếu là bạo lực thân thể thì phần lớn mọi người bỏ đi, không quan tâm, nếu là bạo lực tinh thần thì mọi người hòa vào

theo' (PVS, học sinh nữ THCS, miền Bắc).

Các em LGBT và HS có sự khác biệt giới cũng xác nhận trong các cuộc TLN và PVS rằng khi các em bị trêu chọc và/hoặc bị bắt nạt, rất ít các bạn dám bảo vệ, can thiệp vào hoặc ngăn chặn vụ việc, đặc biệt là đối với bạo lực thể chất. Một học sinh chia sẻ, 'nếu quen biết thì mới vào can, nếu không thì các bạn chỉ chứng kiến thôi' (PVS, học sinh đồng tính nam, miền Bắc) trong khi một em khác chia sẻ, 'nhóm thân thiết với mình sẵn sàng chia sẻ về mặt tinh thần, nhưng không can thiệp khi bị bạo lực về thể chất' (TLN, LGBT, miền Bắc). Giải thích về một vụ đã xảy ra, một học sinh nói rằng 'không có ai can ngăn gì cả, mọi người chỉ tưởng đấy là trêu đùa bình thường thôi, nên không tham gia gì' (TLN, LGBT, miền Trung). Một học sinh khác đã từng bị ném phần vào người và liên tục bị đổ bột phấn lên đầu mà không có ai lên tiếng bảo vệ em hoặc bênh vực em:

PVS, học sinh  
song tính nữ,  
miền Bắc

*'Chỉ cùng lắm là có mấy bạn nữ thương hại thì cho khăn lau thôi ạ. Chẳng ai dám đứng lên. Mà cái trò đấy là diễn ra hàng ngày rồi ạ. Các trò như đá thúng đựng nia, giẫm cạp, bảo đi ra khỏi chỗ, nó như cuộc sống hàng ngày mà em phải chấp nhận vậy.'*

Sự thờ ơ, vô cảm đối với hành vi bắt nạt các em LGBT còn bắt nguồn từ tâm lý e sợ cũng sẽ bị coi là LGBT nếu đứng ra bảo vệ những bạn này. Ví dụ một học sinh nam nói rằng khi em bị trêu chọc hoặc bắt nạt, nếu có bạn nào đó can thiệp, người gây bạo lực rất có thể sẽ nói với bạn ấy rằng 'Hay mày cũng là pê đê?' Em học sinh này bày tỏ: 'Các bạn ấy sợ cũng bị trêu nên là không can thiệp ạ' (PVS, học sinh nam đồng tính, miền Bắc). Không chỉ thờ ơ đứng xem, người chứng kiến bạo lực thỉnh thoảng còn cổ vũ hoặc hòa vào 'đánh hôi'. Một học sinh giải thích rằng điều này có thể nhằm tránh bị trả thù: 'một số bạn còn cổ vũ thêm, không can ngăn, vì sợ bị trả thù' (PVS, học sinh nữ THCS, miền Trung). Kiểu hành động này có thể có một hiệu ứng cộng hưởng, tạo ra tâm lý đám đông; 'nếu một người nào mà trêu thì tất cả cùng hòa vào trêu' (TLN, LGBT, miền Bắc).

Tóm lại, khi bản thân học sinh trải qua các tình huống bị BLHĐTCSG, các em (trên lý thuyết) phần nào coi trọng việc tìm kiếm trợ giúp từ người lớn và coi giáo viên/ cán bộ nhà trường, cha mẹ là những chỗ dựa quan trọng có thể trông cậy. Tuy nhiên, một bộ phận học sinh cũng bày tỏ sự thiếu tin tưởng đối với khả năng của người lớn giải quyết vấn đề của mình. Vì thế, các em tỏ ra tin cậy ở bạn bè mình nhiều hơn – đặc biệt đối với các học sinh LGBT; ngay cả khi những người bạn này cuối cùng cũng không trợ giúp gì được trong tình thế khó khăn. Tất cả học sinh là nạn nhân đều muốn có sự trợ giúp của những người khác, nhưng ít người chủ động, tích cực và kiên trì trợ giúp nạn nhân bị bạo lực trong một bầu không khí sợ hãi và nhiều bất trắc. Đối với những học sinh chứng kiến hành vi bạo lực, bên cạnh một số nỗ lực báo cáo vụ việc với giáo viên hoặc can ngăn, có những học sinh lựa chọn cách chỉ đứng xem hay làm ngơ trước những hành vi tấn công vì sợ bị trả thù hoặc bị dính líu về phương diện xã hội do việc bị coi là đồng minh của bạn nào đó có biểu hiện khác biệt về giới hoặc là người LGBT. Đôi khi, việc cùng tham gia vào hành vi gây bạo lực thậm chí còn được xem là một biện pháp đảm bảo 'an toàn'. Kiểu suy nghĩ sai lệch này cần bị phê phán và loại trừ. Lối hành xử như vậy dường như bắt nguồn từ những yếu tố như sự thờ ơ, vô cảm của khá nhiều người đối với BLHĐTCSG, từ những cách thức ứng phó và mức độ hỗ trợ không rõ ràng, dứt khoát của nhà trường nhằm xử lý và ngăn ngừa BLHĐTCSG, từ tâm lý e ngại không 'khớp đúng' với các chuẩn mực về giới và xu hướng tính dục, cũng như việc thiếu sự chỉ dẫn, bồi dưỡng trực tiếp, cởi mở về những biện pháp mạnh mẽ, hiệu quả hơn để tự bảo vệ bản thân và những người khác.



© Blend Images / Shutterstock.com

## 5.7 Hậu quả của BLHĐTCSG

### 5.7.1 Sức khỏe thể chất, tinh thần và kết quả học tập của học sinh là nạn nhân bạo lực

Bảng 8 cho thấy sự liên quan rõ rệt giữa việc trải qua bạo lực và những hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe thể chất, tinh thần và việc học tập. Mỗi liên hệ này thể hiện rõ ràng nhất ở những nạn nhân là LGBT và có sự khác biệt về giới, và sự khác biệt giữa các nhóm học sinh có ý nghĩa thống kê đối với việc có ý định tự tử, tự làm mình bị thương hay tự tử, và sử dụng bia rượu.

**Bảng 8:** Hậu quả đối với sức khỏe tinh thần, thể chất và học tập của HS là nạn nhân của BLHĐTCSG

|                                                                     | Nạn nhân |       |      |       |          | Không phải nạn nhân |       |      |       |          |
|---------------------------------------------------------------------|----------|-------|------|-------|----------|---------------------|-------|------|-------|----------|
|                                                                     | Nam/Nữ   |       | LGBT |       | Trị số P | Nam/Nữ              |       | LGBT |       | Trị số P |
|                                                                     | N        | %     | N    | %     |          | N                   | %     | N    | %     |          |
| Từng nghĩ tới tự tử hoặc làm mình bị thương trước 12 tháng khảo sát | 172      | 13.6% | 149  | 24.9% | 0.000*** | 39                  | 6.9%  | 23   | 18%   | 0.000*** |
| Cố ý làm mình bị thương hay tự tử (trong 12 tháng trước khảo sát)   | 88       | 7%    | 89   | 14.9% | 0.000*** | 17                  | 3%    | 11   | 8.6%  | 0.007*** |
| Bỏ học                                                              | 474      | 26.1% | 225  | 31.1% | 0.052    | 119                 | 21.3% | 33   | 26%   | Not sig  |
| Sử dụng chất có cồn                                                 | 233      | 18.4% | 155  | 25.8% | 0.000*** | 69                  | 12.1% | 27   | 21.3% | 0.007*** |
| Kết quả học tập cuối cùng dưới trung bình                           | 50       | 3.9%  | 37   | 6.1%  | 0.025*   | 19                  | 3.3%  | 5    | 3.9%  | Not sig  |

Ghi chú. \* $p < 0.05$ , \*\* $p < 0.01$ , \*\*\* $p < 0.001$

Nạn nhân của BLHĐTCSG thường báo cáo rằng các em đã trải qua những rối loạn tâm lý và xã hội, trong đó có cả trạng thái lo lắng, trầm cảm và thậm chí có ý định tự tử. Một học sinh nói rằng khi em là nạn nhân của bạo lực lời nói, em ‘trở nên buồn, chán và tức giận’ (PVS, học sinh nam, THCS, miền Nam); một em khác nói ‘(Những khi bị trêu chọc như thế) em đã muốn tự tử’ (PVS, nam chuyển giới, miền Bắc); có học sinh ngay cả khi còn rất nhỏ tuổi đã có những suy nghĩ như ‘các bạn ghét, xa lánh. Con đã từng nghĩ đến chuyện tự tử hồi lớp 9’ (PVS, học sinh nam, THPT, miền Nam). Các em cũng cho rằng một số bạn từ chỗ là nạn nhân đã có xu hướng trở thành người gây bạo lực. Một em bình luận:

PVS, học sinh nam,  
THPT, miền Bắc

*‘Em nghĩ những bạn hay đi bắt nạt người khác có khi cũng từng bị bắt nạt trước đây hoặc có hoàn cảnh không may mắn, nên muốn chứng tỏ bản thân mình thôi’*

Bảng 8 cũng cho thấy rằng, 14.9% học sinh LGBT và không tuân theo giới và 7% học sinh nam và nữ nói chung là nạn nhân của bạo lực đã từng tự gây thương tích hoặc tự tử trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Một học sinh bình luận: ‘Hồi đầu lớp 9, con đã nghĩ đến cái chết, con sợ quá. Con chỉ muốn kết thúc thôi chứ không biết làm gì nữa’ (PVS, học sinh nữ, THCS, miền Nam). Một học sinh nữ khác nhớ lại, ‘hồi đó (lần mà em đã tự cắt tay mình) là em cảm thấy bức xúc’ (PVS, học sinh nữ song tính, miền Bắc). Một nữ học sinh thứ ba cho biết việc em tự gây thương tích cho mình đã bị hiểu nhầm và bị chế giễu ở trường; ‘hồi học lớp chín, em từng rạch tay mình và vụ đó bị đưa lên toàn trường luôn (...) họ soi mói chuyện em làm và đưa lên trang Facebook của trường’ (TLN, đồng tính nữ, miền Nam). Một em nam nhớ lại: ‘Em không nghĩ đến tự tử vì cuộc sống là ba mẹ cho. Chỉ có lần từng đâm tay vào tường chảy máu’ (PVS, đồng tính nam, miền Trung).

Tóm lại, các dữ liệu định lượng và định tính đều cho thấy BLHĐTCSG có những tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và thể chất cũng như việc học tập của học sinh; đôi khi còn dẫn đến những hành vi tiêu cực của chính nạn nhân với người khác.

### 5.7.2 Đánh giá của GV, cán bộ nhà trường về các tác động của BLHĐTCSG đối với học sinh

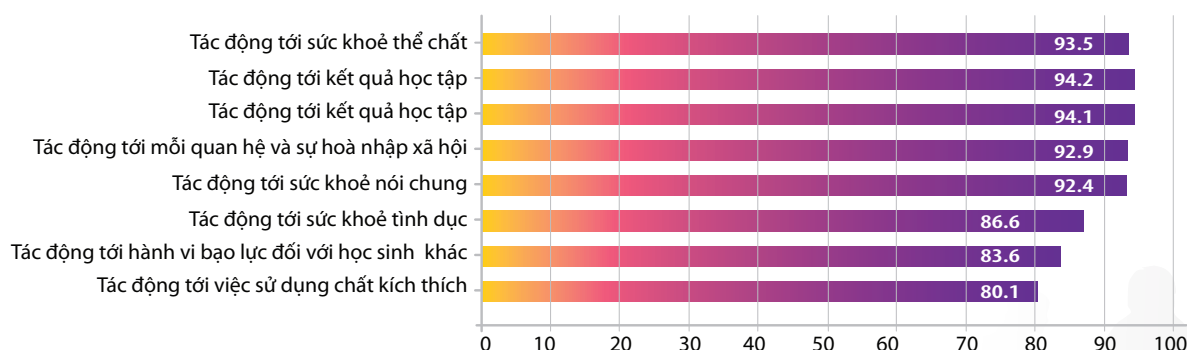
Biểu đồ 12 cho thấy là cán bộ nhân viên nhà trường nhìn chung đều có nhận biết ở mức độ cao về những tác động tiêu cực có thể có của BLHĐTCSG đối với học sinh. Một vài giáo viên cho biết rằng bạo lực gây cho học sinh bị thương tật hoặc đau đớn về thể chất và đôi khi điều đó kéo dài trong một thời gian dài; một giáo viên giải thích ‘như cái em trong sự việc mình kể vừa rồi đây là bị đập vào mạng sườn, hai ngày sau là có hiện tượng đau cũng ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe chứ’ (PVS, giáo viên THPT, miền Bắc). Trong các TLN và PVS, giáo viên có vẻ cảm nhận khá rõ về những hậu quả liên quan đến sức khỏe tâm lý, và nhận thức được BLHĐTCSG đã khiến cho học sinh cảm thấy lo lắng, căng thẳng, dễ nổi nóng, sợ sệt, xa lánh và có cảm giác bất an như thế nào. Một giáo viên chia sẻ trường hợp về một học sinh nam trong lớp học của cô khi các em học sinh khác ‘còn sáng tác luôn cả một bài hát (chế nhạo) về bạn ý nữa, cho nên là bạn ý rất là ức chế và tức lắm. Em này thưa với cô rất nhiều lần và cứ hơi một tí các bạn ý lại hát cái bài đấy lên làm cho em đó rất là buồn’ (TLN, giáo viên THCS, miền Bắc). Một giáo viên khác bình luận về một trường hợp trong đó những áp lực và sự căng thẳng đã tích tụ đến mức em học sinh nạn nhân của bạo lực trở nên ‘ít giao tiếp ra bên ngoài’ và không tham gia vào các hoạt động của lớp nữa. Một giáo viên khác chia sẻ rằng ‘việc bị bắt nạt làm cho học sinh nhút nhát, không tham gia các hoạt động; học yếu. Bị các bạn trêu chọc, cô lập khiến bạn đó không dám tham gia những hoạt động trong lớp’ (TLN, giáo viên THCS, miền Trung). Một giáo viên khác nhận xét ‘các em bị bạo lực học sút đi rất nhiều và trong lớp mất tập trung (...) các em ý có thể là không muốn đi học, không muốn đến lớp, không muốn tiếp xúc với các bạn’ (PVS, giáo viên THCS, miền Bắc).

Một số giáo viên đã trực tiếp chứng kiến sự sa sút có liên quan đến việc bị bắt nạt, bị gây bạo lực của học sinh theo thời gian. Trong một số trường hợp, học sinh đã phải rời khỏi trường và bỏ học luôn, do ảnh hưởng nặng nề của việc bị bắt nạt đối với sức khỏe thể chất, tinh thần của các em. Một giáo viên chia sẻ:

PVS, giáo viên,  
THCS, miền  
Nam

*‘Gần đây tôi mới xử lý trường hợp một em lớp sáu mà nó quyết định nghỉ học, ba mẹ đánh rồi nói thế nào cũng không chịu đi. Sau đó mới điều tra ra là có một em bị lưu ban ba năm, cũng đang học lớp sáu, nó bắt nạt em này và bắt phải cho nó mỗi ngày một số tiền để ăn.’*

**Biểu đồ 12:** Tác động của bạo lực học đường trên cơ sở giới đối với học sinh



Các học sinh trở nên chai lì do liên tục bị bắt nạt, do các em đã rất quen với việc luôn phải thủ thế như là một hình thức tự vệ. Điều này đặc biệt đúng đối với những em biểu hiện rõ rệt là LGBT hay chuyển giới, hoặc có sự khác biệt về giới - những em này ‘bị trêu chọc nhiều đấy, nhưng rồi cũng quen dần’ (TLN, GV, THPT, miền Trung). Một số giáo viên bình luận rằng ‘những em nam mà giống nữ thì khó tiếp xúc hơn, cứ trơ trơ, không quan tâm’ (PVS, CBQL, THPT, miền Nam), khi các em trở nên hết sức khép kín, không giao tiếp. Một giáo viên khác chỉ rõ



rằng đôi lúc để tự vệ, chính các học sinh này lại trở thành những kẻ bắt nạt với việc bắt đầu tấn công người khác; và nhắc đến một học sinh “từng bị bạn khác đánh nhưng không biết làm sao mà (sau này) em đó lại kết hợp được lại với những em đã đánh mình và đi bắt nạt lại những bạn khác” (TLN, giáo viên, THCS, miền Nam).

Như vậy, các cộng đồng liên quan đến trường học cũng chịu những tác động tiêu cực như rất nhiều nạn nhân của BLHĐTCSG; trong đó có những học sinh chứng kiến hành vi bạo lực sau đó cảm thấy sợ hãi hơn và thậm chí có thể bị chính các nạn nhân bắt nạt, và có cả cha mẹ học sinh và giáo viên – những người đã phải chứng kiến sự suy sụp và cắt đứt giao tiếp của các em trong cuộc sống của các em này. BLHĐTCSG dẫn đến những vấn đề liên quan đến bối cảnh và các loại văn hóa có ảnh hưởng đến mọi người trong trường học, và BLHĐTCSG không chỉ là vấn đề của các nạn nhân; mà việc chấm dứt nó là lợi ích của toàn thể cộng đồng liên quan đến trường học.

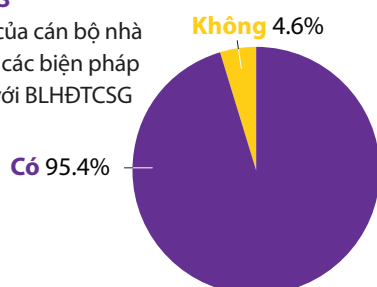
## 5.8 Các chương trình phòng ngừa và can thiệp

### 5.8.1 Sự khác biệt trong đánh giá về biện pháp phòng ngừa và ứng phó của nhà trường

Các dữ liệu định lượng và định tính cho thấy có sự khác biệt rất lớn giữa các đánh giá của GV, cán bộ nhà trường và của học sinh về các cơ chế phòng ngừa/ứng phó với BLHĐTCSG trong nhà trường, với 95.4% giáo viên/cán bộ quản lý nhà trường và 14.6% học sinh khẳng định là trường đã có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó (xem các Biểu đồ 13 và 14).

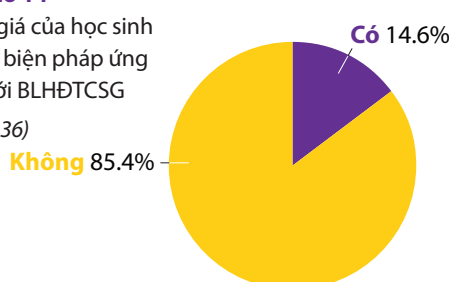
**Biểu đồ 13**

Đánh giá của cán bộ nhà trường về các biện pháp ứng phó với BLHĐTCSG (N=606)



**Biểu đồ 14**

Đánh giá của học sinh về các biện pháp ứng phó với BLHĐTCSG (N=2,636)



Nhìn chung, các cán bộ quản lý và giáo viên chia sẻ rằng họ cảm thấy nhà trường đã có những chương trình tốt để giáo dục, phòng ngừa bạo lực. Một cán bộ quản lý nói, ‘tôi thấy việc làm tốt là giáo dục tư cách học sinh. Tốt nhất là tôi đã phối hợp được giám thị, bảo vệ, dân quân tự vệ (trong công tác này)’ (PVS, CBQL, miền Nam). Qua ý kiến của các cán bộ quản lý cũng cho thấy nhà trường cũng đã điều phối một số hoạt động chuyên đề hàng năm về công tác quản lý cho giáo viên chủ nhiệm lớp. Một giáo viên kể lại một loạt những chương trình đa dạng, tiêu biểu đã được tiến hành ở trường của mình:

TLN, GV, miền Trung

*‘Nhà trường đã tổ chức các phong trào đội cho các em hòa đồng, vui chơi giữa các chi đội; tổ chức tìm hiểu về sự phát triển vị thành niên để các em hiểu hơn. Ngay từ đầu năm trường cho các em viết bản cam kết chống BLHD, rồi đưa về cho phụ huynh để thể hiện mối liên hệ giữa nhà trường và gia đình. Thường mời đoàn thanh niên của xã sang, thông qua các ngày lễ để giáo dục các em hiểu hơn về truyền thống cha anh. GV chủ nhiệm thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt lớp, họp phụ huynh thường kỳ để phối hợp giáo dục các em. Tổ chức các phong trào thi đua thể hiện học sinh tích cực, nhà trường thân thiện.’*

Các cán bộ quản lý và giáo viên thể hiện sự tin tưởng của họ vào cách ứng phó hiệu quả của trường trong trường hợp bạo lực xảy ra - một cán bộ quản lý bình luận: ‘Trường tôi là an toàn đối với bạo lực; bên ngoài không dám đảm bảo nhưng chưa thấy có chuyện gì xảy ra’ (PVS, CBQL, miền Trung). Một cán bộ khác đưa ra dẫn chứng ‘nhà trường đã phát hiện kịp thời và ngăn chặn các hành vi bạo lực’ (PVS, CBQL, miền Trung). Các giáo viên cũng cảm nhận tương tự rằng họ đã xử lý bạo lực một cách hiệu quả, và một nhận định khá phổ biến, lặp lại của các

giáo viên về vấn đề này là ‘xử lý của giáo viên đối với các vụ bạo lực là có hiệu quả’ (PVS, GV, miền Trung).

Tuy vậy, các ý kiến của học sinh về chủ đề này lại khá trái ngược với GV và cán bộ quản lý, cả trong cả dữ liệu định tính và định lượng. Một học sinh chia sẻ, ‘việc giải quyết bạo lực của thầy cô không hiệu quả, xảy ra bạo lực trong học đường vẫn rất nhiều. Biện pháp của nhà trường cũng không hiệu quả’ (PVS, HS nữ, THCS, miền Trung). Một học sinh nam đưa ra lý giải về sự thiếu hiệu quả của trường mình:

PVS, HS, miền Trung

*‘Các biện pháp của nhà trường không hiệu quả, vì trường rộng, thầy cô không quản lý được hết. Việc xử lý bạo lực của thầy cô không hiệu quả và các hành vi bạo lực vẫn xảy ra rất nhiều.’*

Một số học sinh tỏ ra bị quan do những trải nghiệm bạo lực đã qua đến mức các em thậm chí không còn hy vọng về một chương trình phòng ngừa có thể trợ giúp được cho mình. Một em nam đưa ra ý kiến: ‘Tốt nhất là dạy học sinh từ nhỏ, chứ các thầy cô cũng chẳng làm gì được vì các bạn mang nhau ra ngoài đánh nhau, các thầy cô có nhìn thấy cũng chẳng làm được gì’ (PVS, HS nam, trung học cơ sở, miền Bắc); một học sinh khác bày tỏ ý kiến tương tự ‘Theo em không thể làm gì được để giảm bớt bạo lực. Khó lắm’ (TLN, học sinh trung học phổ thông, miền Bắc). Các em LGBT thậm chí còn thiếu niềm tin hơn vào những nỗ lực của trường mình trong việc ngăn chặn BLHĐTCSG – một điều không gây ngạc nhiên khi liên hệ đến nguy cơ cao của các em khi phải trải qua bạo lực dưới nhiều hình thức. Một vài học sinh chia sẻ rằng các em cảm thấy nhà trường thường chú trọng đến danh tiếng và thành tích giáo dục của mình hơn là quan tâm tới sự lành mạnh, an toàn của môi trường học đường. ‘Bản thân người điều hành nhà trường cũng không hứng thú (với việc phòng ngừa BLHĐTCSG) nên là không chịu làm gì. Tức là không quan tâm đến những vấn đề khác ngoài việc học, thành tích, thế thôi ạ. Tức là trường học chỉ để học thôi ạ’ (TLN, học sinh LGBT, miền Bắc).

Thông qua các TLN và PVS, cha mẹ học sinh cũng bày tỏ lo ngại về tính hiệu quả và các biện pháp ngăn ngừa bạo lực của nhà trường. Họ cho rằng giáo viên không hiểu hết được tâm lý của học sinh hoặc chưa phản ứng kịp thời khi các vụ bạo lực xảy ra. Một phụ huynh chia sẻ: ‘Học sinh ít khi tâm sự với thầy cô. Thầy cô cũng không có thời gian vì thầy cô đến giảng dạy xong rồi về, nếu có gặp thầy cô (...) thì cũng chỉ nói chuyện học hành’ (TLN, CMHS, miền Nam). Một phụ huynh có con học lớp Chín bị một em khác đánh đã cho rằng: ‘Cả giáo viên lẫn nhà trường đều không điều tra hay xử lý vụ việc’ (TLN, CMHS, miền Nam). Cha mẹ học sinh bày tỏ lo ngại rằng, ngoài việc không điều tra vụ việc, đôi khi nhà trường còn đổ lỗi cho hai bên học sinh mà không dành thời gian tìm hiểu những sự phức tạp trong các khía cạnh quan hệ xã hội của học sinh. Một phụ huynh nhận xét ‘Nhà trường không hiểu học sinh: dù nhà trường biết học sinh bị gây tay, (...) lần sau mà thế thì đuổi học’ (TLN, CMHS, miền Trung).

Có một nhận định chung được cả học sinh và cha mẹ học sinh đưa ra, đó là giáo viên và nhà trường có thể làm nhiều hơn nữa để ngăn chặn bạo lực. Nhiều người tham gia cho rằng điều này có thể thực hiện thông qua những biện pháp như tăng cường các quy định về bảo vệ học sinh, tiến hành các chương trình giáo dục, xây dựng quan hệ tốt giữa học sinh và GV, tổ chức giám sát và can thiệp tốt hơn, và có sự tôn trọng quyền riêng tư của các em khi xử lý các vấn đề về BLHĐTCSG trong học sinh:

PVS, HS nam, THPT, miền Bắc

*‘Em thích có bảo vệ nghiêm túc hơn, thầy cô nghiêm khắc hơn, nếu có đánh nhau phải gọi lên luôn, chứ không chỉ là qua loa bắt kiểm điểm gây sức ép, vì sau đó lại đánh nhau tiếp. Em thấy bản kiểm điểm không để làm gì, cái chính là phải cho nói chuyện với nhau. Có bạn bị nêu ra trước toàn trường. Cách này không hiệu quả, vì chưa triệt để, vấn đề là hai bên hiểu nhau. Nhân viên bảo vệ chưa giúp ích cho nhà trường.’*

Học sinh cho rằng việc làm cho những người gây bạo lực hoặc là nạn nhân của bạo lực cảm thấy xấu hổ, mất mặt trước mọi người dường như không giúp ích gì mà còn dễ dẫn đến nhiều hành vi bạo lực và trả thù hơn; học sinh cần phải học và hiểu biết về BLHĐTCSG theo những cách thức cho phép các em ‘bảo vệ thanh danh của mình’ trong môi trường xã hội phức tạp của lớp trẻ, cũng như học cách xây dựng quan hệ tốt hơn với những người

khác và cải thiện các mối quan hệ xã hội. Đặc biệt, sự riêng tư là một mối quan tâm lớn đối với nhiều học sinh LGBT, và các em muốn nhà trường giải quyết những băn khoăn, khúc mắc của mình một cách nhạy cảm, tế nhị hơn. Một học sinh chia sẻ ‘Cô chủ nhiệm rất quan tâm đến chuyện tình cảm (...) nhưng cô rất khó chịu, thường đưa công khai mọi việc ra trước cả lớp’. (TLN, học sinh LGBT, miền Trung); ‘Con muốn nếu có vấn đề riêng tư của học sinh thì cô chủ nhiệm nên gặp riêng học sinh để giải quyết’. Một vài học sinh muốn các giáo viên được đào tạo để có được hiểu biết, cách nhìn nhận cập nhật, tiến bộ hơn đối với vấn đề BLHĐTCSG, đa dạng giới và đa dạng tính dục để vượt qua những định kiến truyền thống hoặc quan điểm có tính phân biệt đối xử, kỳ thị với người đồng tính, chuyển giới. ‘Trường có nhiều GV còn giữ những thành kiến, nên cần thay đổi tư tưởng của các thầy cô’ (TLN, học sinh LBT, miền Trung).

### 5.8.2 Đặc điểm của mô hình phòng ngừa và ứng phó

Một số trường học đã có những mô hình cụ thể để phòng ngừa bạo lực xảy ra, trong đó có các hệ thống theo dõi qua camera và phòng tư vấn tâm lý; tuy nhiên, những biện pháp này chưa phổ biến rộng rãi, dường như mới ở giai đoạn sơ khai, và hiệu quả còn hạn chế. Đối với những trường đã lắp đặt thiết bị theo dõi qua camera, các GV, cán bộ nhà trường cho rằng những hệ thống này đặc biệt hiệu quả, như lời bình luận của một giáo viên:

TLN, giáo viên,  
trung học cơ sở và  
phổ thông, miền  
Bắc và miền Nam:

*‘Nhà trường đã lắp camera tại nhiều địa điểm để xảy ra bạo lực như trong các hành lang, trong lớp học hoặc khu vực sân sau trường, giúp ngăn chặn và phát hiện kịp thời các hành vi bạo lực xảy ra trong nhà trường.’*

Ngược lại, học sinh tiết lộ rằng chỉ sử dụng các camera thôi thì không ngăn chặn được BLHĐTCSG xảy ra; việc lắp đặt chúng chỉ có nghĩa là học sinh chuyển các cuộc đánh nhau của các em sang những địa điểm khác mà thôi:

PVS, học sinh,  
THCS, miền  
Nam

*‘Các bạn thường đánh nhau ở khu sau trường, không có camera. Đánh nhanh lẹ, có bạn coi, trông thấy tới là giải tán liền.’*

Điều này lại cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa các đánh giá của giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường về tính hiệu quả các chiến lược can thiệp và các trải nghiệm thực sự của học sinh về những gì thực sự có tác dụng xét theo cảm nhận trên thực tế.

Một số trường học có phòng tư vấn tâm lý/ tư vấn học đường dành cho học sinh. Trong khi đây được xem như một mô hình tiềm năng, hữu ích với nhà trường, thì thực tế công tác này trong các trường tham gia nghiên cứu hầu hết do các giáo viên đứng lớp kiêm nhiệm thêm, cùng với công việc hiện tại họ phải đảm trách. Một cán bộ quản lý giải thích về khó khăn khi cán bộ/nhân viên tư vấn tâm lý chưa được đào tạo đầy đủ để thực thi vai trò của mình:

PVS, CBQL, THPT,  
miền Nam

*‘Hiện nay tư vấn trong nhà trường là chuyên trách nhưng GV nào thừa thì được giao làm tư vấn. Cũng có những em được hợp đồng làm tư vấn. Theo quan điểm vừa học vừa làm thôi. Nếu được chọn thì tôi chọn các thầy cô có năng lực, nhưng nếu có năng lực thì họ lại (đang phụ trách) ở các mặt giảng dạy, đoàn thể rồi.’*

Một số người tham gia cũng đề cập đến sự khó khăn trong việc thu hút học sinh đến phòng tư vấn tâm lý, mặc dù các em biết rằng đó là nơi an toàn và thân thiện, có thể trợ giúp. Một giáo viên cho biết ‘học sinh lớp em không dám vào, sợ vào phòng tâm lý vì xấu hổ khi các bạn nhìn thấy. Phòng tâm lý đặt ở nơi nhiều học sinh có thể dễ dàng nhìn thấy các em ở đó nên các em xấu hổ’ (PVS, giáo viên, THPT, miền Nam). Một học sinh giải thích:

PVS, học sinh,  
trung học phổ  
thông, miền  
Bắc

*‘Học sinh hiếm khi đến phòng tư vấn để được tư vấn về những điều liên quan đến bạo lực vì các em ngại GV, ngại bạn bè nhìn thấy. Các bạn không bao giờ lên phòng tư vấn của nhà trường vì các bạn e ngại về giao tiếp với giáo viên, giáo viên chưa cởi mở.’*

Một vài cán bộ quản lý chưa đánh giá đúng mức về tiềm năng của phòng tư vấn/tham vấn học đường trong việc hỗ trợ, xử lý bạo lực giữa học sinh, giáo dục những em gây bạo lực, hoặc tổ chức những tiết học, hoạt động giáo dục nhằm phòng ngừa BLHĐTCSG cho toàn trường. Thay vào đó, sự nhìn nhận về chức năng của bộ phận tư vấn, tham vấn này mới chỉ giới hạn ở mức đó là nơi hỗ trợ cho những học sinh gặp phải vấn đề về tâm lý, tình cảm. Một cán bộ quản lý nêu nhận xét về điều này:

PVS, CBQL,  
THCS, miền Bắc

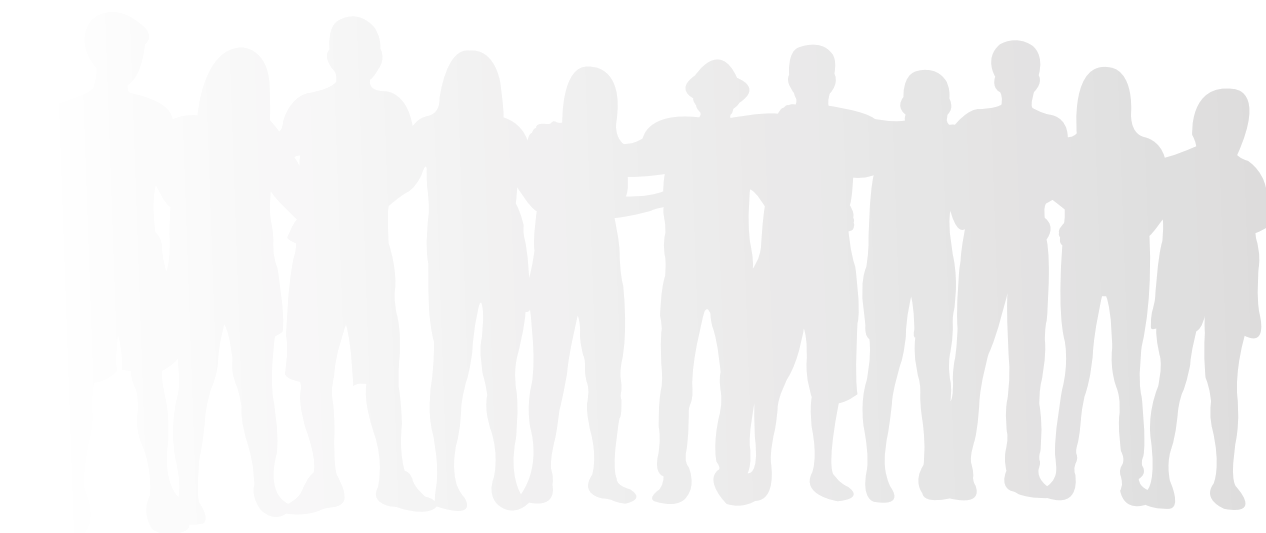
*‘Công tác tư vấn của nhà trường chủ yếu chỉ tư vấn về các vấn đề tâm lý của học sinh chứ chưa chú trọng vào tư vấn các vấn đề liên quan đến bạo lực. Trong trường hợp xảy ra bạo lực, hầu hết giáo viên và nhà trường là người giải quyết. Phòng tư vấn không phải là nơi xử lý những học sinh có hành vi sai sau khi sự việc đã xảy ra. Phòng tư vấn đây chỉ nhằm mục đích giải quyết những thắc mắc cho HS. Còn cách giải quyết khi đã có mâu thuẫn rồi là trách nhiệm của (GV, CBQL) nhà trường.’*

Một cán bộ quản lý thể hiện quan điểm đa chiều hơn về khả năng của phòng tư vấn / tham vấn tâm lý trong việc hỗ trợ giải quyết BLHĐTCSG:

PVS, CBQL,  
THCS, miền Bắc.

*‘Tư vấn thì thực ra họ có thể giúp giải quyết khía cạnh tâm lý trong các vấn đề liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới ở nhà trường của HS, theo hình thức là người ta đồng hành, cảm thông với học sinh bị bạo lực. Nhưng bây giờ học sinh sai thì không thể đi đồng hành cùng được, thì nhà trường lại phải phân tích đây đúng cái này, sai cái này, vi phạm cái gì, ra sao, mức độ như thế nào, tức là thầy cô giáo cứ phải vạch rồi, rõ ràng trong việc giải quyết những vấn đề như vậy.’*

Thông tin thu được cho thấy không nhất thiết các nguồn lực mà một trường có hay không có là yếu tố quyết định hiệu quả của phương pháp tiếp cận, cách thức xử lý của trường đối với BLHĐTCSG. Thay vào đó, điều có ý nghĩa quan trọng hơn là GV, cán bộ nhà trường có nhận thức phù hợp, bám sát thực tiễn về BLHĐTCSG; nỗ lực tìm hiểu các khía cạnh của đời sống xã hội trong bối cảnh học đường để có biện pháp giáo dục, phòng ngừa BLHĐTCSG; tìm kiếm cách thức xử lý vấn đề thông qua phương pháp xây dựng quan hệ gần gũi, hiểu biết và lấy học sinh làm trung tâm, thay vì sử dụng những biện pháp như làm cho học sinh xấu hổ trước bạn bè, công khai sự thật trước tập thể, trừng phạt thân thể các em, hoặc những cách thức quá đơn giản mà học sinh có thể qua mặt hoặc tránh né. Các nguồn lực đơn thuần không thể giúp ích một cách hiệu quả khi thiếu những kế hoạch tổng thể để phòng ngừa, xử lý BLHĐTCSG thông qua nhiều góc độ khác nhau..







## 6 Thảo luận & Khuyến nghị

**“Để đạt hiệu quả, nhà trường cần tổ chức nhiều hoạt động, giáo viên cần được hỗ trợ về các kỹ năng. Nhà trường có phòng tư vấn tâm lý nhưng học sinh không dám vào. Các em sợ bị ai đó nhìn thấy mình (cũng có thể do chính sự tự ti của học sinh). Giáo viên phụ trách phòng tư vấn, tham vấn thì hiền nhưng học sinh ngại và sợ bị nhìn thấy khi đến phòng. Học sinh có thể sẽ bàn tán rất nhiều”**

PVS, giáo viên trung học phổ thông, miền Nam

### Những điểm chính

- Các cơ quan xây dựng chương trình giảng dạy và hoạch định chính sách cần tích cực xóa bỏ những lỗ hổng về nhận thức và kỹ năng liên quan đến BLHĐTCSG của tất cả các bên liên quan đến giáo dục, thông qua việc rà soát một cách triệt để các nguồn lực giáo dục và xây dựng chính sách với những hướng dẫn, quy định rõ ràng trong một số lĩnh vực.
- Nhà trường cần giải quyết vấn đề BLHĐTCSG một cách trực tiếp thông qua những phương pháp giáo dục có tính đổi mới và tham gia vào những chiến dịch có liên quan đến BLHĐTCSG và LGBT nhằm tạo ra những môi trường an toàn và thân thiện. Việc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ nhân viên, đưa ra các quy định và quy trình rõ ràng, cung cấp tư vấn tâm lý đặc biệt và có sự linh hoạt trong các quy định về đồng phục HS, liên kết với cộng đồng cũng được đề xuất.
- Có thể cần có những nghiên cứu tiếp theo để giải quyết một số hạn chế trong nghiên cứu này, trong đó có sự đại diện của nhiều tỉnh thành hơn, nghiên cứu theo chiều dọc (longitudinal work), và tiến hành khảo sát, điều tra những biện pháp hữu hiệu để cải tạo các cá nhân gây bạo lực và tạo khả năng ứng phó cho các nhóm có nguy cơ cao bị tẩy chay, cô lập.

### 6.1 Thảo luận

Nghiên cứu này tập trung vào các vấn đề sau: nhận thức về các yếu tố liên quan đến BLHĐTCSG, các dạng bạo lực và biểu hiện trên thực tế của bạo lực; phản ứng của các bên liên quan; nguyên nhân, hệ quả và tác động của bạo lực; và các chương trình phòng ngừa, can thiệp đã được thực hiện trong nhà trường. Từ các phát hiện chính và những phân tích đã trình bày ở trên, nhóm nghiên cứu đặt ra một số vấn đề quan trọng sau để thảo luận, có so sánh với các kết quả nghiên cứu khác đã được tiến hành trên thế giới và ở VN về cùng chủ đề. Các phát hiện cũng cho thấy rõ một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu với phạm vi rộng và sâu hơn.

#### 6.1.1 Những lỗ hổng về nhận thức và hiểu biết

Các kết quả nghiên cứu cho thấy phát hiện quan trọng đầu tiên là nhận thức và hiểu biết chưa đầy đủ về BLHĐTCSG của tất cả các nhóm liên quan đến giáo dục nhà trường (HS, GV, cán bộ nhà trường, và CMHS) đã tham gia vào nghiên cứu này. Những nhận thức, hiểu biết sai lệch hoặc chưa đầy đủ này cũng chứng thực cho dấu ấn nặng nề của những quan niệm truyền thống còn tồn tại về vai trò và chuẩn mực giới được trao truyền và đeo bám dai dẳng qua nhiều thế hệ. Những quan điểm và nhận thức này có thể dẫn đến nhiều hệ lụy, phần nào đóng góp vào việc tạo ra những bối cảnh mà BLHĐTCSG có thể xảy ra, đến biểu hiện của các hành vi BLHĐTCSG, cũng như đến sự lúng túng xung quanh việc ứng phó, can thiệp và ngăn ngừa BLHĐTCSG.

Hầu hết học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý tham gia khảo sát chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện về BLHĐTCSG. Khi nói đến BLHĐTCSG, các nhóm được khảo sát thường chỉ nghĩ ngay đến đánh nhau, cãi



nhau mà bỏ qua các hình thức khác như bạo lực tình dục hoặc bạo lực thông qua hành vi xã hội như tẩy chay, lan truyền đồn, nói xấu, chế giễu,... Điều này khiến cho một bộ phận HS trong nhà trường đang bị bạo lực nhưng các em lại không ý thức rằng mình đang là nạn nhân, hoặc không có ý thức và biện pháp để tự bảo vệ mình một cách hiệu quả. Riêng đối với những HS LGBT từng trải nghiệm bạo lực tinh thần, trong một số trường hợp các em đã phải hứng chịu những hậu quả lâu dài về sức khỏe tinh thần và thể chất.

Cha mẹ học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý cũng có hiểu biết rất hạn chế về tính phức tạp của bạo lực; một số vẫn coi bạo lực trong nhà trường chỉ là chuyện ‘đánh nhau, trêu ghẹo nhau bình thường của trẻ con’, và xem việc có hành vi gây tổn thương đến những người có sự khác biệt giới là ‘bình thường’. Một bộ phận HS lẫn CMHS vẫn đồng ý với việc GV duy trì kỷ luật trong trường học bằng hành vi như đánh, mắng HS. GV/ CBQL thường chỉ chú trọng đến bạo lực xảy ra trong khuôn viên nhà trường. CMHS cũng cho rằng bạo lực xảy ra trong khuôn viên nhà trường thì nhà trường mới có trách nhiệm, còn nếu xảy ra bên ngoài nhà trường thì không thuộc trách nhiệm xử lý của trường. Đây là vấn đề khá phức tạp và cần có những nghiên cứu chuyên sâu, sự tham vấn đầy đủ để xác định cụ thể vai trò, trách nhiệm của nhà trường và các bên liên quan đối với BLHĐTCSG.

### 6.1.2 Các khuôn mẫu và định kiến

Các hành vi BLHĐTCSG dường như có mối tương quan với nhận thức và thái độ về giới và bình đẳng giới của những người tham gia, trong đó các định kiến và khuôn mẫu giới dường như là một trong những yếu tố dẫn đến hành vi BLHĐTCSG. Nghiên cứu này cung cấp những bằng chứng cụ thể khẳng định các khuôn mẫu giới đang có tác động tới nhiều khía cạnh của đời sống xã hội nói chung và tới BLHĐTCSG nói riêng. Các quan điểm về giới của học sinh nhìn chung đã “cởi mở” hơn, mặc dù vẫn có sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ về vấn đề này: tỉ lệ học sinh nam muốn duy trì các vai trò giới và khuôn mẫu giới hiện nay cao hơn đáng kể so với tỉ lệ tương ứng ở học sinh nữ.

Học sinh LGBT có nhận thức và quan điểm tương đối cởi mở về vấn đề đa dạng giới. Các em bày tỏ mong muốn được mọi người tôn trọng sự thể hiện đa dạng giới ở các em. Một số học sinh LGBT tham gia nghiên cứu này còn cho biết các em đã tham gia vào một số hoạt động giáo dục nhỏ ở trường, trong đó có cả những cuộc trò chuyện cá nhân với giáo viên. Sau khi trò chuyện, tiếp xúc với các HS này, bản thân một số thầy cô giáo đã có hiểu biết cởi mở và cảm thông hơn về đa dạng giới. Điều này cho thấy các HS LGBT thực sự rất mong mỏi, và trong một số trường hợp đã tích cực hoạt động để góp phần tạo nên sự hiểu biết và tôn trọng hơn của mọi người đối với các em.

Đại đa số cha mẹ học sinh có hiểu biết rất hạn chế về đa dạng giới, với quan điểm cho rằng phụ huynh và GV, cán bộ nhà trường nên can thiệp ngay khi trẻ em có những dấu hiệu khác biệt về giới, hay không theo các khuôn mẫu giới. Điều này khiến cho nhiều em LGBT không dám công khai và chia sẻ với cha mẹ về xu hướng tính dục hay bản dạng giới của mình vì sợ sẽ làm cha mẹ buồn hoặc các em có thể bị cha mẹ từ bỏ và đuổi ra khỏi nhà.

Nhận thức về đa dạng giới trong các giáo viên và cán bộ quản lý vẫn còn có một khoảng trống cần được cải thiện, bởi vì sự hạn chế về nhận thức này có thể dẫn đến việc họ tự giao cho mình trách nhiệm phải “uốn nắn” và can thiệp đối với những sự thể hiện giới khác biệt (điều mà các thầy cô này cho là sai lệch, đi chệch khỏi những chuẩn mực giới thông thường). Với suy nghĩ này, đôi khi thầy cô đã vô tình làm tổn thương các học sinh LGBT và gián tiếp khuyến khích những hành vi, thái độ cư xử mang tính bạo lực giữa các học sinh của mình. Điều đáng tiếc là những giáo viên này vẫn thực sự tin rằng họ đang giúp đỡ những em “lệch lạc về giới” hay đang tạo điều kiện để giúp các em này “có quan hệ tốt hơn” với bạn học.

Những khác biệt giữa các cách thức hiện tại và những cách tiếp cận có thể tạo nên “môi trường an toàn và thân thiện hơn” cần phải được đề cập, chuyển tải cụ thể, đầy đủ hơn nữa tới GV và CBQL. Cần xây dựng những văn bản chính sách và tài liệu hướng dẫn giải thích rõ hơn về vai trò chuyên môn của GV, cán bộ nhà trường theo luật pháp quốc tế hiện hành cũng như căn cứ vào những thay đổi, nỗ lực trong nước nhằm ngăn chặn BLHĐTCSG.

### 6.1.3 Các nhóm có nguy cơ cao

Nghiên cứu cho thấy một bức tranh đa chiều về các hình thức và biểu hiện của BLHĐTCSG với tần số xuất hiện và mức độ phức tạp đáng lo ngại. Mặc dù những phát hiện của nghiên cứu ghi nhận bạo lực xảy ra dưới mọi hình thức đối với tất cả các nhóm học sinh, song với các em có sự khác biệt giới, hoặc không theo khuôn mẫu giới (những em tự nhận hay được coi là LGBT) thì tần suất bị bạo lực cao hơn hẳn so với học sinh theo đúng các khuôn mẫu giới riêng biệt dành cho nam và nữ. Ngoài ra, học sinh nam có tỉ lệ trải nghiệm bạo lực cao hơn học sinh nữ ở hầu hết các loại bạo lực (trừ bạo lực bằng lời nói như bàn tán, bình phẩm tiêu cực).

Trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm khảo sát, các vụ bạo lực ở tất cả năm dạng – bạo lực thể chất, lời nói, xã hội, tình dục, và bạo lực liên quan đến công nghệ không gian mạng - đều đã xảy ra trong tất cả các trường tham gia. Trong các vụ việc này, phổ biến nhất là những hành vi bạo lực thể chất. Học sinh LGBT phải trải qua những hành vi bạo lực với tỉ lệ cao nhất (ở tất cả các dạng bạo lực) và cũng có cảm nhận về sự an toàn của nhà trường với tỉ lệ thấp nhất. Những khuôn mẫu giới về các chuẩn mực nam tính và nữ tính, và có thể sự đề cao giá trị của nam giới hơn so với nữ giới trong một xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng Khổng giáo, đang góp phần vào sự gia tăng tình trạng bạo lực đối với những học sinh nam có sự khác biệt về giới. Trong nghiên cứu này, các học sinh nữ có sự khác biệt giới hoặc những người tự nhận mình là đồng tính nữ hay song tính, về cơ bản đều được bạn bè xung quanh yêu mến. Với sự coi trọng giá trị xã hội của tính nam, phát hiện này khác với kết quả của nghiên cứu tương tự ở Thái Lan.<sup>26,56</sup>

Trong số các học sinh nam và nữ nói chung (không thuộc số các em LGBT, được coi là LGBT hoặc có sự khác biệt về giới), học sinh nam có xu hướng dễ bị bạo lực ở tất cả các dạng hơn là các em nữ. Tuy nhiên, học sinh nữ lại cảm thấy lo lắng hơn các em nam về khả năng bị bạo lực gây ra bởi bạn học ở trường. Một phát hiện rất đáng lưu ý nữa từ nghiên cứu này là thực tế các vụ BLHĐTCSG với tất cả các dạng bạo lực xảy ra trong học sinh trung học cơ sở đều phổ biến hơn so với các học sinh trung học phổ thông. Phát hiện này tương đồng với một số nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn.<sup>26,31</sup>

### 6.1.4 Các hậu quả tiêu cực đối với học tập và sức khỏe

Nghiên cứu cũng cho thấy mối tương quan thuận giữa nguyên nhân và hậu quả của BLHĐTCSG và những trải nghiệm các hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe thể chất và tinh thần cùng kết quả học tập xấu của học sinh là nạn nhân. Trước hết, các nạn nhân của BLHĐTCSG thường dễ bị sa sút trong học tập hơn. Các nạn nhân của BLHĐTCSG đều cho biết là các em hay mất tập trung, e ngại tham gia vào các hoạt động tập thể của trường và lớp, và có những suy nghĩ tiêu cực. Nghiêm trọng hơn, nhiều nạn nhân của BLHĐTCSG đã bỏ tiết, sợ đi học, chuyển trường, và/hoặc bỏ học. Trong khi các tác động tiêu cực này đều được nhận thấy ở HS bị bạo lực thuộc tất cả các dạng, chúng biểu hiện rõ ràng hơn đối với các em LGBT. Những em là nạn nhân của bạo lực thường dễ bị cô lập, bị cản trở các cơ hội học tập, dẫn đến việc các em thường không đáp ứng được mong đợi của gia đình và nhà trường.

Thứ hai, các phát hiện của nghiên cứu này về những tác động của BLHĐTCSG cho thấy rằng nạn nhân của BLHĐTCSG thường có những triệu chứng của các hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe thể chất và tinh thần. Những triệu chứng này bao gồm cả khóc lóc, tức giận, nổi nóng, buồn chán, sợ giao tiếp với người khác, tự cô lập, bồn chồn lo lắng và luôn có cảm giác bất an, một vài em còn có ý định và đã từng tự gây thương tích cho mình hoặc tự tử. Điều này có thể đã phần nào dẫn đến tỉ lệ cao một cách đáng ngạc nhiên số học sinh ở cả cấp THCS lẫn cấp THPT có vấn đề về sức khỏe tâm thần, như được phản ánh trong các nghiên cứu ở Việt Nam những năm gần đây. Cụ thể là, kết quả từ cuộc khảo sát điều tra toàn quốc lần thứ hai về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY 2, 2006-2011) cho thấy rằng thanh niên ngày nay có điều kiện sống tốt hơn rất nhiều so với 5 năm trước đó, nhưng tỷ lệ thanh thiếu niên trải nghiệm cảm giác buồn chán cũng tăng lên rõ rệt, với 73.1 % thường trải nghiệm cảm giác buồn chán ở mức độ nào đó, 27.6% luôn cảm thấy 'rất buồn' và tự cho mình là vô dụng đến mức không muốn tham gia vào các bất kỳ hoạt động sinh hoạt thường ngày nào, 21.3% cảm thấy hoàn toàn mất hy vọng về tương lai, và 4.1% đã từng có ý nghĩ tự tử.<sup>91</sup> Liệu BLHĐTCSG có phải là một trong những yếu tố





góp phần vào tình trạng này không? Mặc dù nghiên cứu này chưa đủ bằng chứng để giải thích cho mối quan hệ nhân-quả, tuy nhiên với kết quả thu được từ các cuộc PVS và TLN với học sinh, GV/CBQL và CMHS, ở một khía cạnh nhất định đã có thể khẳng định BLHĐTCSG là yếu tố quan trọng góp phần vào tình trạng này - và phát hiện này tương đồng với các nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn.<sup>19,92</sup>

### 6.1.5 Chịu đựng và Không làm gì

Đáng tiếc là việc học sinh chấp nhận chịu đựng và không làm gì đối với các hình thức BLHĐTCSG đã vô hình trung dung túng và thậm chí cổ vũ cho bạo lực tiếp diễn trong trường học. Văn hóa ứng phó ‘phi hành động’ này đi ngược lại nỗ lực hiện nay của hệ thống giáo dục Việt Nam hướng đến việc xây dựng những giá trị sống nền tảng, như: sự trung thực, lòng dũng cảm, sự khoan dung, tha thứ, lòng độ lượng trắc ẩn... Những phát hiện của nghiên cứu cho thấy rằng các em học sinh chứng kiến BLHĐTCSG thường hay có ba loại phản ứng phổ biến: báo cho GV, cán bộ nhà trường, cố gắng can ngăn, và không làm gì cả. Đáng lưu ý là mức độ lựa chọn cả ba cách phản ứng này khá tương đương nhau, mặc dù tỉ lệ học sinh LGBT chọn cách ‘không làm gì’ cao hơn so với học sinh nam và nữ nói chung. Sợ hãi là nguyên nhân chính quyết định việc lựa chọn cách phản ứng ‘không làm gì’; những HS không làm gì đối với các hành vi BLHĐTCSG chủ yếu nói rằng các em sợ bị liên lụy, trả thù hoặc có thể chính các em sẽ bị bắt nạt. Trong một số trường hợp, học sinh chứng kiến bạo lực còn cổ vũ những kẻ gây BLHĐTCSG có hành vi bạo lực hơn nữa, hoặc thậm chí hòa vào “đánh hội” (đánh nạn nhân), nhất là trong các trường hợp bạo lực thể chất.

Những phát hiện này cho thấy một thực trạng đáng lo ngại về sự thiếu năng lực và kĩ năng ứng phó với bạo lực học đường của HS, đồng thời hàm ý khả năng nhiều HS đã mất hy vọng là các em có thể an toàn khi nói ra sự thật, hay là sẽ có những hành động thích hợp được thực hiện khi các em báo cáo về hành vi BLHĐTCSG. Phát hiện này của nghiên cứu cũng tương đồng với tình trạng ‘không hành động gì’ khá phổ biến trong các nghiên cứu khác về bạo lực nhà trường gần đây.<sup>56</sup> Việc chấp nhận BLHĐTCSG và không làm gì khi phải đối mặt với nó cũng cần phải được coi như đã phần nào phản ánh thái độ của gia đình, GV, cán bộ nhà trường và xã hội nói chung. Trong một xã hội văn minh và tiến bộ, mọi hành vi bạo lực phải bị các thành viên của xã hội dũng cảm lên án và tích cực loại bỏ, đồng thời lớp trẻ cần phải cảm thấy được người lớn trang bị quyền năng và hướng dẫn cách thức để đạt được điều này.

### 6.1.6 Các biện pháp, cách ứng phó hiện nay là rào cản đối với việc ngăn chặn BLHĐTCSG

Các phương thức xử lý BLHĐTCSG hiện nay của nhà trường và gia đình đôi khi lại là rào cản đối với những cách phản ứng trên thực tế tốt nhất đối với BLHĐTCSG. Việc có khá nhiều HS khi là nạn nhân cũng như khi chứng kiến bạo lực đã chọn cách “im lặng và chịu đựng” và “không làm gì” cho thấy rằng các em chưa cảm thấy nhà trường là một môi trường đáng tin cậy và an toàn. Đồng thời, điều này cũng chỉ ra rằng HS chưa có đủ kiến thức, kĩ năng giúp các em nhận ra một cách đầy đủ và phản ứng tích cực để bảo vệ bản thân và những người khác khi đối mặt với bạo lực. Trong một vài PVS và TLN, HS thừa nhận rằng các em đã im lặng và giấu (những) vụ việc này với cả cha mẹ mình lẫn giáo viên, nhưng các em có nói với một vài bạn thân để tìm sự cảm thông, chia sẻ. Việc động viên, khuyến khích HS có những cách phản ứng tích cực hơn sẽ đòi hỏi GV, cán bộ nhà trường và CMHS cần biết cách xử lý, ứng phó phù hợp đối với các báo cáo/thông tin về BLHĐTCSG mà học sinh hay người khác cung cấp. Điều này có nghĩa là cần có một cách tiếp cận toàn diện, tổng thể, có tính đến tất cả các yếu tố liên quan đến nhà trường, gia đình, và môi trường xã hội rộng lớn hơn trong việc ngăn ngừa và ứng phó với BLHĐTCSG.

Các biện pháp xử lý bạo lực chưa phù hợp của người lớn gây ra khó khăn cho việc phòng ngừa, ngăn chặn BLHĐTCSG đối với trẻ em và vị thành niên. Hơn nữa, bản thân người lớn cũng có thể là những người góp phần trực tiếp vào việc để xảy ra BLHĐTCSG. Một vài GV vẫn áp dụng các biện pháp giáo dục, dạy dỗ có tính bạo lực như mắng và đánh HS nhằm duy trì kỉ luật. Trong các bối cảnh rộng lớn hơn của bạo lực xã hội, các hành vi phân biệt đối xử do định kiến giới, chứng ghét sợ người đồng tính và người chuyển giới cũng trở thành những “chất xúc tác” ít nhiều gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng biện pháp phòng ngừa

và các cách ứng phó trên thực tế đối với BLHĐTCSG của các trường còn chậm chạp và yếu. Các nội dung cần thiết đã được đưa vào các môn học trong chương trình giáo dục của nhà trường, nhưng điều này chưa mang lại các kết quả được mong đợi. Ngành giáo dục và các ngành liên quan cần hợp tác với nhau để tạo ra những điều kiện giúp các trường thiết lập các dịch vụ mới và bổ sung những cán bộ nhân viên có đủ năng lực - những người có thể đóng các vai trò quan trọng trong giáo dục phòng ngừa và trong ứng phó với các vấn đề đang nổi lên một cách hiệu quả hơn - những dịch vụ và những người mà HS có thể dựa cậy tốt hơn.

#### 6.1.7 Những vấn đề cần được cải thiện

Những vấn đề mới xuất hiện liên quan đến bạo lực và nhà trường cần được giải quyết bằng cách thay đổi trong cách thực hành, phát triển nguồn lực và nghiên cứu liên ngành. Những đề tài cụ thể cần tiếp tục nghiên cứu sâu trên cơ sở các hạn chế của nghiên cứu này, trong đó có việc thu thập thêm thông tin về đa dạng giới trong nhà trường, xem xét sâu sắc hơn vấn đề bạo lực liên quan đến công nghệ, mức độ phổ biến và các yếu tố liên quan đến bạo lực giới xảy ra bên ngoài cổng trường, và cách thức hoạt động hiệu quả nhất của phòng Tư vấn/Tham vấn học đường.

**Sự hiểu biết nghèo nàn, hạn chế về giới và đa dạng giới ở tất cả các** nhóm được khảo sát gợi ý rằng các kiến thức đúng đắn, phù hợp về giới và đa dạng giới mới chỉ được giới thiệu ở mức độ hết sức tối thiểu trong nhà trường. Các chương trình giáo dục về giới cho HS và các khóa bồi dưỡng thích hợp cho GV, cán bộ nhân viên nhà trường cần được thực hiện và cập nhật thường xuyên. Điều này rất quan trọng để giúp các cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh thay đổi nhận thức và thái độ, học cách chấp nhận những sự khác biệt, sự đa dạng trong xã hội và biết tôn trọng sự đa dạng này trong phạm vi học đường.

**Các môi trường công nghệ hiện đại hàm chứa cả những thách thức và cơ hội.** Cùng với sự phát triển mạnh mẽ và kì diệu của CNTT thì các khía cạnh tiêu cực của công nghệ đã góp phần đáng kể vào sự xuất hiện của nhiều dạng bạo lực mới ngoài phạm vi lớp học. Điện thoại di động là công cụ hết sức hữu hiệu và tiện lợi giúp học sinh khám phá và hiểu biết về thế giới, cuộc sống. Tuy nhiên, trong những không gian như vậy, các em có thể dễ bị ảnh hưởng bởi những thái độ và hành vi phản cảm, không phù hợp được hình thành một cách tự phát song lại lan truyền rất nhanh, như những vụ việc thường thấy trên một số cộng đồng mạng của tuổi teen - tuổi mới lớn (ví dụ như 'đánh hội đồng trên mạng', lập các trang mạng phản đối, bài xích một ai đó - để cô lập và/hoặc nói xấu người khác, đưa những hình ảnh nhạy cảm và riêng tư của người khác lên mạng Internet, v.v.). Song bên cạnh đó, thế giới của các ứng dụng điện thoại di động, các trang mạng và email (thư điện tử) cũng cung cấp những không gian thuận lợi trong đó các thông tin về BLHĐTCSG đến được với nhiều đối tượng quan tâm khác nhau và cũng là nơi mà bạn trẻ có thể tìm sự trợ giúp cho mình một cách riêng tư và ẩn danh. Những tin nhắn có tính tích cực, những chỉ dẫn thiết thực, các video và những ví dụ về các tình huống giả định đưa ra các mô hình ứng phó hiệu quả trên thực tế có thể được xây dựng để phục vụ cho những diễn đàn này. Điều đáng lưu ý là trong khi tất cả các CMHS và GV đều có thể sử dụng điện thoại di động, và hầu hết các GV đều có máy vi tính, thì một bộ phận HS cần được tạo cơ hội tiếp cận với các tài nguyên/nguồn thông tin tư liệu như vậy (trên mạng internet và thiết bị di động) trong bối cảnh học đường, thay vì chỉ ở gia đình.

**Điều cần thiết là phải xem xét và xác định đúng mức độ trách nhiệm của nhà trường đối với BLHĐTCSG cả ở trong lẫn ngoài khuôn viên trường.** Một số GV/CBQL cho rằng bạo lực xảy ra trong khuôn viên nhà trường mới thuộc phần trách nhiệm của nhà trường - vậy ai sẽ chịu trách nhiệm đối với những vụ bạo lực xảy ra ở bên ngoài hay khu vực xung quanh/ gần trường? Và phải làm gì với các trường hợp BLHĐTCSG diễn ra ở không gian ảo và trực tuyến? Đây là những câu hỏi không dễ trả lời đối với cả GV, cán bộ nhà trường lẫn CMHS. Nghiên cứu này cũng cho thấy rằng trong nhiều trường hợp, các nguyên nhân dẫn đến những vụ bạo lực xảy ra ngay cả ngoài trường lại bắt đầu từ bên trong trường. Học sinh cũng có thể "dụ nhau" đến một chỗ khuất vắng nằm ngoài khuôn viên trường chỉ để tránh bị GV, cán bộ nhà trường phát hiện. Tương tự như vậy, thỉnh thoảng, học sinh đã xung đột sẵn với nhau ở ngoài trường nhưng vì một lý do nào đó lại quyết định "xử lí nhau" ngay trong

trong khuôn viên nhà trường. Bất luận bạo lực giữa HS với nhau xảy ra ở đâu và tại sao, thì CMHS và xã hội nói chung đều có thể qui trách nhiệm cho nhà trường. Nghiên cứu cho thấy rằng giải quyết vấn đề này không chỉ đơn thuần ở chỗ ai cần phải bị qui trách nhiệm, mà còn là việc học sinh phải được giáo dục như thế nào để hình thành ý thức trách nhiệm với những hành động của mình nhằm ngăn ngừa BLHĐTCSG – và nhà trường có vai trò trọng yếu trong việc chuyển tải các nội dung giáo dục như vậy. Song song với đó, CMHS phải có trách nhiệm hơn trong việc giáo dục HS từ gia đình và cố gắng hiểu được tâm tư tình cảm của con cũng như những biến đổi mà các em trải qua trong những năm tháng đi học.

**Một số trường học đã thành lập phòng tham vấn và tư vấn tâm lý** cho HS như một biện pháp để giải quyết một số vấn đề liên quan đến hậu quả về thể chất, tâm lý của BLHĐTCSG. Nghiên cứu cho thấy rằng giải pháp này chưa hiệu quả do các yếu tố sau: 1) HS và GV đều có những nhận thức chưa đúng về những ích lợi của phòng tư vấn, tham vấn tâm lý, coi những ai đến phòng này là người ‘có vấn đề nghiêm trọng’ về tâm lý, tình cảm; 2) Các cán bộ tư vấn và tham vấn tâm lý đôi khi lại là giáo viên kiêm nhiệm và chưa được đào tạo chuyên sâu, bài bản để thực hiện công tác tư vấn hay tham vấn một cách chuyên nghiệp; và 3) Các chương trình hoạt động của phòng tư vấn, tham vấn tâm lý chưa được giới thiệu, tuyên truyền một cách phù hợp để tạo nên sự quen thuộc, gần gũi đối với CMHS và bản thân các em để họ tin tưởng và tìm đến những dịch vụ hỗ trợ này khi cần.

## 6.2 Các khuyến nghị

### 6.2.1 Khuyến nghị đối với các cơ quan phát triển chương trình giảng dạy và hoạch định chính sách:

**Các cơ quan và cá nhân xây dựng chương trình giáo dục và các cơ quan hoạch định chính sách cần phải rà soát các môn học, chương trình giáo dục và các chính sách giáo dục hiện nay với lăng kính BLHĐTCSG để loại bỏ những nội dung ngôn ngữ hay hình ảnh còn thể hiện định kiến giới, khuôn mẫu giới, hay những nội dung nay không còn phù hợp.** Đồng thời, cần bổ sung những cách thức bảo vệ hiệu quả hiện đang được thực hành (ở một số trường) cho các nhóm có nguy cơ cao (trong đó có HS LGBT) vào trong các quy định, hướng dẫn phòng ngừa bạo lực và các cách tiếp cận chuyên nghiệp đối với việc ngăn ngừa và đối phó BLHĐTCSG, kèm theo giải thích phù hợp về các khái niệm, quan điểm liên quan đến đa dạng giới, biểu hiện giới và tính dục – trên cơ sở định hướng từ các nghiên cứu và nguồn tài liệu mới nhất, hay các ví dụ được nêu trong hướng dẫn của UNESCO<sup>14,38,74,93</sup>. Các khía cạnh liên quan đến giới và giới tính, bình đẳng giới, đa dạng giới, những xung đột giữa trẻ vị thành niên, v.v., cần được các nhà giáo dục và chuyên gia xây dựng chương trình, viết sách giáo khoa rà soát, nhìn nhận lại một cách thấu đáo và toàn diện hơn. Điều này có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo các nội dung giáo dục và hoạt động trong trường sẽ được thiết kế phù hợp với luật pháp quốc tế và những cam kết của Việt Nam đối với các công ước quan trọng, cũng như phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục hiện nay. Điều này bao gồm cả việc đưa ra những mô tả toàn diện về BLHĐTCSG dưới nhiều hình thức thể hiện, sự xem xét kỹ lưỡng về các niềm tin, quan điểm hạn hẹp đằng sau nó, cùng những tình huống giả định với minh họa về cách thức hữu dụng để ngăn ngừa và báo cáo BLHĐTCSG. Điều này sẽ giúp tạo cơ hội cho cả GV và HS có những trải nghiệm dạy và học hữu ích, nâng cao nhận thức về sự đa dạng, và tăng cường năng lực của họ trong việc giải quyết các vấn đề BLHĐTCSG một cách đúng đắn, hiệu quả..

**Cần bổ sung vào tủ sách và thư viện của các trường phổ thông các tài liệu liên quan đến giới và giới tính, bình đẳng giới, xu hướng tính dục và đa dạng giới** để tạo điều kiện cho GV và HS tiếp cận thông tin dễ dàng hơn.

**Lồng ghép, tích hợp những khía cạnh liên quan đến bình đẳng giới, đa dạng giới, và đa dạng tính dục vào các chương trình đào tạo giáo viên hiện nay, để trang bị cho đội ngũ giáo viên tương lai những hiểu biết và kỹ năng thích hợp, đầy đủ liên quan đến các vấn đề này.** Điều này sẽ giúp họ có tâm thế sẵn sàng, tự tin để giảng dạy hoặc tham gia giải quyết vấn đề có liên quan đến BLHĐTCSG, trong đó có những hành vi bạo lực

gây ra do thiếu khoan dung hay do hiểu biết hạn chế đối với đa dạng giới và đa dạng tính dục. Những nội dung đào tạo cập nhật này cũng cần được bồi dưỡng thường xuyên cho các GV và CBQL đang tại chức ở tất cả các cấp học để giúp họ xây dựng thái độ cởi mở hơn đối với các vấn đề bình đẳng giới, đa dạng giới và có những kĩ năng thích hợp để ứng phó với BLHĐTCSG.

**Thiết lập một cơ chế phối hợp liên ngành được kết cấu chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý giáo dục, y tế, bảo vệ và quản lý thông tin để xây dựng và nâng cao hiểu biết chung về BLHĐTCSG, về đa dạng giới và đa dạng tính dục.** Tạo các mạng lưới hợp tác và liên kết để kết nối trường học và các tổ chức xã hội dân sự hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến đa dạng giới và phòng chống BLG để có các biện pháp toàn diện và hiệu quả ngăn chặn BLHĐTCSG. Công tác phối hợp này nhằm mục đích hình thành những cách thức làm việc mới để cập nhật, cùng chia sẻ các hiểu biết giữa các cơ quan về những chủ đề này để thực hiện những cam kết của Việt Nam đối với các nguyên tắc thực hành mang tính không phân biệt đối xử và phổ biến toàn cầu, từ đó góp phần vào việc loại bỏ những khái niệm, quan điểm mang tính kỳ thị và thành kiến như “tính dục lệch lạc”, “lệch lạc giới tính”, “thiếu hormone”, “bệnh xã hội”, v.v., trong toàn bộ các chính sách và thực hành đa ngành. Tăng cường nhận thức và hiểu biết của cộng đồng xã hội về BLHĐTCSG cũng như các quyền của người LGBT một cách rộng rãi hơn trong xã hội thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức nhằm giúp đem lại sự hiểu biết thấu đáo và rộng rãi về các vấn đề này (bao gồm cả việc phổ biến thông tin và truyền thông thông qua các ứng dụng điện thoại di động, các trang mạng, v.v.).

### 6.2.2 Khuyến nghị đối với nhà trường

**Lãnh đạo giáo dục các cấp và các trường học cần tiến hành các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo, tọa đàm và các hoạt động tương tự cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường trong toàn ngành về các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, đa dạng giới cũng như phòng chống BLHĐTCSG.** Điều này là thiết yếu để giúp giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường có nhận thức đúng đắn hơn về các hình thức biểu hiện và đặc điểm của BLHĐTCSG. Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn này cũng nên nhằm cả mục đích nâng cao hiểu biết của giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường về những cam kết của Việt Nam đối với việc chấm dứt BLHĐTCSG nói chung và chấm dứt bạo lực đối với HS LGBT nói riêng, để trường học có thể trở thành không gian an toàn và thân thiện hơn cho mọi học sinh. Điều này sẽ kéo theo việc hình thành cách thức, biện pháp xử lý bạo lực mang tính chuyên nghiệp hơn, coi trọng sự công bằng và không phân biệt đối xử, nhấn mạnh sự tôn trọng và cư xử đúng mực trong quan hệ với mọi học sinh bất kể giới tính, bản dạng giới hay xu hướng tính dục của các em là gì. Các quy tắc hành xử dành cho giáo viên cần phải nghiêm cấm việc trừng phạt thân thể và khuyến khích giáo viên / nhà trường áp dụng những biện pháp toàn diện và thân thiện hơn, hướng tới những hành vi ứng xử phù hợp trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến học sinh với một văn hóa quan tâm và tôn trọng lẫn nhau.

**Khuyến khích GV, cán bộ nhân viên nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi HS, hướng vào các chủ đề bình đẳng giới và đa dạng giới để tạo cho các em cơ hội nâng cao nhận thức và thái độ** đối với những vấn đề này, xây dựng các mối tương tác và quan hệ bạn bè tích cực giữa và trong nhóm bạn học với sự tôn trọng đúng mực đối với những khác biệt, phát triển và rèn luyện những kĩ năng phòng chống và báo cáo hành vi bạo lực. Lý tưởng nhất là học sinh cần được tiếp xúc ngay từ khi còn nhỏ tuổi với các khái niệm về bình đẳng giới, đa dạng giới, và sự cần thiết phải tôn trọng giới tính và sự đa dạng tính dục của người khác theo các nguyên tắc về quyền con người. Sẽ hữu ích đối với HS nếu các em được giới thiệu các thông tin về những yêu cầu bắt buộc liên quan đến quyền con người, những ví dụ về tình huống giả định và những cách xử sự tốt nhất đã được thực hiện, cùng các nguồn tài liệu mà các em có thể tham khảo thêm về những chủ đề này. Khi các em đã đạt được hiểu biết ở mức độ cao hơn thì các em có thể tham gia vào những cuộc thảo luận sâu với thông tin toàn diện hơn, hoặc hoạt động đa dạng như “đóng vai” hay các dự án nghiên cứu, tìm hiểu.



**Khuyến khích lãnh đạo và GV, cán bộ nhà trường xây dựng văn hóa phi bạo lực, không kỳ thị và không phân biệt đối xử trong nhà trường thông qua việc tham gia vào các chiến dịch vận động, nâng cao nhận thức** của HS, GV/CB nhà trường và CMHS về sự chấp nhận đa dạng giới trong trường học. Họ cũng cần phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi hơn để các em LGBT được bảo đảm quyền của mình và được thể hiện đầy đủ bản sắc và năng lực cá nhân như bất kỳ HS nào khác (chiến dịch ở châu Á 2015 mang tên ‘PurpleMySchool Asia campaign’ là một ví dụ về cơ hội giáo dục nâng cao nhận thức mà nhiều trường học châu Á, trong đó có những trường ở Việt Nam, đã hưởng ứng với việc mặc trang phục màu tím và tham gia vào nhiều hoạt động ủng hộ việc thiết lập các không gian an toàn cho HS LGBT).<sup>94</sup> Nhà trường cũng nên xem xét việc ra những qui định linh hoạt hơn về mặc đồng phục của trường, như quy định mọi nữ sinh phải mặc đồng phục áo dài (trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam), bởi vì thực tế cho thấy các yêu cầu bắt buộc về mặc đồng phục theo giới tính ở trường là hết sức khó tuân thủ đối với những học sinh chuyển giới hay có sự khác biệt giới ở các nước khác.<sup>95</sup>

**Nhà trường cần xây dựng và thực thi các quy định phòng chống BLHĐTCSG với quy trình rõ ràng đối với cả HS lẫn GV và bao gồm những nguyên tắc cơ bản là chấp nhận những khác biệt, không chấp nhận sự phân biệt đối xử và bạo lực. Nhà trường cần có các biện pháp xử lý nghiêm khắc và hiệu quả với những vụ bạo lực hoặc chủ động ngăn** chặn không để những mầm mống của bạo lực phát triển. Trường cũng cần có những qui định về việc giám sát và quản lý việc sử dụng các thiết bị di động, mạng internet và Facebook của các học sinh một cách hiệu quả.

**Nhà trường nên chủ động thành lập phòng công tác xã hội học đường, dịch vụ tâm lý học đường hoặc các phòng tham vấn cho học sinh do những cán bộ/nhân viên được đào tạo nghiệp vụ đảm nhận.** Những chuyên gia tâm lý học đường này sẽ đảm đương vai trò góp phần cùng với nhà trường phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, đồng thời hỗ trợ kịp thời và hiệu quả việc xử lý và can thiệp khi bạo lực xảy ra. Nếu có khó khăn trong việc đưa các cán bộ nhân viên này vào biên chế cố định của trường, có thể tạo điều kiện để các chuyên gia này cung cấp dịch vụ đồng thời cho hai hay ba trường cùng địa bàn.

**Nhà trường cần thiết lập và duy trì, thông qua nhiều kênh liên lạc khác nhau cũng như các hình thức hoạt động đa dạng hơn – các mối liên hệ hợp tác chặt chẽ với CMHS và cộng đồng địa phương để bảo vệ và đảm bảo an toàn ở mức cao nhất cho HS và GV cũng như cho các khu vực xung quanh trường.** Tạo những không gian an toàn và thân thiện hơn cho học sinh LGBT hoặc được coi là LGBT, ví dụ như phòng ngủ nội trú và các phòng sinh hoạt cộng đồng không có sự phân biệt giới tính, có thể là những biện pháp góp phần nhằm bảo vệ các em LGBT khỏi những hành vi bạo lực và bắt nạt.

## 6.2.2 Đề xuất các nghiên cứu tiếp theo

**Các nghiên cứu tiếp theo về BLHĐTCSG cần có phạm vi và qui mô rộng lớn hơn, mở rộng tới tất cả các cơ sở giáo dục thuộc mọi loại hình, cấp học trên khắp cả nước** (như các trường tiểu học, các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học). Điều này có thể giúp hình thành một bức tranh tổng thể, đầy đủ về vấn đề này, từ đó đưa ra những chương trình và giải pháp toàn diện hơn trên phạm vi toàn quốc để thúc đẩy công tác ngăn ngừa và ứng phó BLHĐTCSG.

**Cần có những nghiên cứu thêm để tìm hiểu sâu những khía cạnh của BLHĐTCSG mà nghiên cứu này chưa có điều kiện khai thác đầy đủ,** trong đó có các vấn đề như những tác động của các chính sách và biện pháp giáo dục phòng chống BLHĐTCSG; hay những ảnh hưởng của truyền thông, sách báo in, Internet và các yếu tố khác đối với học sinh trong mối liên quan đến đa dạng giới và LGBT trong nhà trường cũng như trong cộng đồng.

**Cần có những nghiên cứu theo chiều dài (longitude study) và nghiên cứu trường hợp điển hình (case studies) về những động cơ và tác động của BLHĐTCSG** với những phân tích đặc thù, cụ thể về những gì có thể hỗ trợ/cản trở việc giáo dục, biến đổi những người gây bạo lực, cũng như đối với quá trình thích ứng và phục hồi của các nạn nhân.

**Nâng cao năng lực cho các cơ quan nghiên cứu và tăng cường hiểu biết về các thuật ngữ liên quan đến SOGIE**, đặc biệt là sự phân định về LGBTI, để từ đó củng cố phương pháp luận cho các nghiên cứu sau này.

### 6.3 Kết luận

Thông qua một góc nhìn chân thực và toàn diện về tình hình BLHĐTCSG ở Việt Nam, báo cáo này đã đưa ra một số cách tiếp cận chính phần nào góp phần giải quyết BLHĐTCSG; báo cáo cũng phản ánh về những niềm tin, tập quán lâu đời không phù hợp cần được các bên liên quan xem xét toàn diện. Các khuyến nghị đề xuất này nhằm phòng ngừa, giảm thiểu BLHĐTCSG, bao gồm cả các nỗ lực cụ thể nhằm loại bỏ bạo lực đối với học sinh LGBT và giáo dục người dân về tính đa dạng trong đời sống xã hội. Thực hiện được điều này có thể đánh dấu một giai đoạn mới và quan trọng trong các chính sách, chương trình giảng dạy và thực tiễn giáo dục của Việt Nam. Điều này rất có thể dẫn đến những chuyển biến quan trọng trong nền giáo dục nhằm làm cho nhà trường trở thành không gian an toàn và thân thiện hơn, góp phần giải quyết các nguy cơ bị gián đoạn học tập và những hậu quả tiêu cực về thể chất, tinh thần đối với HS là nạn nhân của nhiều hình thức bạo lực. Những diễn biến mới trong lĩnh vực này có thể mang lại cơ hội học hỏi trong nước và trên thế giới, khi mà thế giới đang đối phó với thách thức BLHĐTCSG và tìm kiếm các biện pháp mới, hiệu quả để chống lại bạo lực một cách trực diện hơn. Hiện vẫn đang là giai đoạn khởi đầu của hành trình lâu dài trong việc phòng ngừa, ứng phó với BLHĐTCSG, và do vậy những kết quả rộng lớn hơn của bất kỳ quy trình, phương pháp nào được đề xuất nhằm giảm thiểu BLHĐTCSG sẽ nhận được sự quan tâm lớn trên phạm vi quốc tế. Với những nghiên cứu và thử nghiệm sâu rộng hơn trong tương lai, sự hiểu biết thấu đáo về việc ngăn chặn và giải quyết BLHĐTCSG có thể đạt được ở Việt Nam. Chúng tôi khuyến khích tất cả các bên liên quan đến giáo dục hưởng ứng lời kêu gọi cùng chúng tôi tích cực tìm hiểu về BLHĐTCSG, và cùng giảm thiểu tình trạng này.



# Danh mục tài liệu tham khảo

1. Văn phòng của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc về Bạo lực đối với Trẻ em. (2012). *Giải quyết vấn đề bạo lực trong trường học: Một cách nhìn toàn cầu. Xóa khoảng cách giữa các chuẩn mực và thực hành*. New York: Văn phòng của Đặc Phái viên của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc về Bạo lực đối với Trẻ em.
2. Liên Hợp Quốc. (1948). *Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền*, 10 tháng 12 năm 1948.
3. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. (1966). *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*, Điều 27, 16 tháng 12 năm 1966, Nghị quyết số 2200A (XXI).
4. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. (1989). *Công ước về quyền trẻ em*. New York: Liên Hợp Quốc. Công ước (CRC) bắt buộc các Quốc gia thành viên phải đảm bảo là trẻ em được chăm sóc và được bảo vệ một cách thích hợp khỏi mọi hình thức bạo lực, lạm dụng và bị bỏ mặc bởi cha mẹ, hoặc bất kỳ ai khác chăm sóc chúng (Điều 19: Bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bạo lực), không bị phân biệt đối xử (Điều 2), và bao gồm cả những lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 3). CRC cũng yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền của trẻ em không bị bạo lực, trong đó có bạo lực thể chất, tâm lý và tình dục. Trong những trường hợp xảy ra bạo lực, CRC đòi hỏi các chính phủ phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để hỗ trợ trẻ em là nạn nhân phục hồi về thể chất và tâm lý (Điều 39). Ngoài ra, CRC cũng yêu cầu các chính phủ cam kết đảm bảo là mọi trẻ em đều có quyền được giáo dục (Điều 28 và 29 (1)). Những điều quan trọng khác bao gồm: quyền được sống, tồn tại và phát triển (Điều 6); tôn trọng các quan điểm của trẻ em (Điều 12); bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và lạm dụng (Điều 34); bắt cóc, buôn bán (Điều 35); các hình thức bóc lột khác (Điều 36 và 37). Điều quan trọng cần lưu ý là các Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho CRC (Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em; Nghị định thư không bắt buộc về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang; và Nghị định thư không bắt buộc về thủ tục trao đổi thông tin liên lạc) và Bình luận chung số 8 của CRC về quyền của trẻ em được bảo vệ không bị trừng phạt thân thể (nhục hình) và các hình thức trừng phạt tàn bạo hay nhục mạ khác và Bình luận chung số 13 về quyền của trẻ em không phải chịu bất kỳ hình thức bạo lực nào.
5. UNESCO. (1960). *Công ước về chống phân biệt đối xử trong giáo dục*. Paris: UNESCO. Các bên ký Công ước đồng ý với nguyên tắc không phân biệt đối xử và nhất trí rằng mọi người đều có quyền được giáo dục. Công ước khẳng định rằng một môi trường học tập an toàn và không có bạo lực là một phần cốt yếu của giáo dục có chất lượng.
6. Đại hội đồng LHQ. (1979). *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*. New York: Liên Hợp Quốc. Các bên ký kết Công ước phải thực hiện các biện pháp tích cực nhằm ngăn ngừa, điều tra, truy tố và trừng phạt bất kỳ hành vi bạo lực giới nào – loại bạo lực bị lên án là một hình thức phân biệt đối xử vi phạm quyền con người của trẻ em gái và phụ nữ (Khuyến nghị chung số 28 – Đoạn 2).
7. Liên Hợp Quốc. (1994). *Chương trình Hành động của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển*, Kỷ niệm lần thứ 20. New York: Liên Hợp Quốc. Để cập đến các quyền của trẻ em được bảo vệ bằng những biện pháp pháp lý, hành chính, xã hội và giáo dục thích hợp để các em không phải chịu bất kỳ hình thức bạo lực về thể chất hay tinh thần, gây thương tổn hay lạm dụng, bỏ mặc hay chăm sóc một cách cẩu thả, đối xử tàn tệ hoặc bóc lột.
8. Đại hội đồng LHQ. (1995). *Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh*. New York: LHQ. Bản Cương lĩnh Hành động gốc đã bao hàm cả vấn đề “bạo

- lực đối với phụ nữ” vào như là một lĩnh vực hành động chiến lược. Tại lễ kỷ niệm 20 năm thực hiện Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh, 189 Quốc gia thành viên của LHQ đã thông qua Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh đã tiếp tục kêu gọi toàn thế giới thủ tiêu mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái bằng việc nêu bật bạo lực là một trong 12 lĩnh vực quan tâm hết sức quan trọng của các quốc gia này. Các quốc gia đã nhất trí về một định nghĩa toàn diện trong đó mô tả bạo lực là gì, nó xảy ra trong gia đình hay cộng đồng, hay do nhà nước gây nên hoặc bỏ qua. Xem: <http://beijing20.unwomen.org/en>
9. Vance, K. (2011). *Hội đồng Nhân quyền của LHQ: Một bước phát triển chống bạo lực đáng kinh ngạc. Sự ủng hộ chưa từng có đối với Tuyên bố về xu hướng tính dục và bản dạng giới*. Geneva: ARC Quốc tế.
  10. Tổng thư ký Liên hợp Quốc. (2011). *Thông điệp gửi tới sự kiện về chấm dứt bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới. Văn phòng Cao ủy Nhân quyền của Liên hợp quốc*. Truy cập ngày 01.01.2012. Lấy từ <http://www.ohchr.org/en/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=11717&LangID=E>
  11. Tổng thư ký Liên hợp Quốc. (2011). *Thông điệp gửi tới sự kiện về chấm dứt bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới. Văn phòng Cao ủy Nhân quyền của Liên hợp quốc*. Truy cập ngày 01.01.2012. Lấy từ <http://www.ohchr.org/en/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=11717&LangID=E>
  12. Liên hợp quốc. (2012). *Được sinh ra có quyền tự do và bình đẳng: Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong luật nhân quyền quốc tế*. New York và Geneva: Văn phòng Cao ủy Nhân quyền của Liên hợp quốc.
  13. UNESCO. (2011). *Tuyên bố Rio về Nạn bắt nạt do ghét sợ đồng tính và Giáo dục cho mọi người*. Rio de Janeiro, Brazil: UNESCO.
  14. UNESCO. (2012). *Ứng phó của ngành giáo dục đối với nạn bắt nạt do ghét sợ đồng tính. Chính sách và Cách thực hành Tốt trong Giáo dục về HIV và Sức khỏe*, Tập 8. Paris: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc. Cơ sở thực chứng về vấn đề này hiện đang được Trụ sở chính của UNESCO cập nhật và sẽ được xuất bản trong năm 2016.
  15. Kosciw, J., & Pizmony-Levy, O. (2013). *Kỷ yếu Khuyến khích Đối thoại toàn cầu về Thanh thiếu niên LGBT và Trường học tập hợp từ Hội nghị của Mạng lưới Toàn cầu Chống Định kiến và Bạo lực trong nhà trường do ghét sợ đồng tính và chuyển giới*. New York: GLSEN (Mạng lưới Giáo dục Đồng tính Nam, Đồng tính Nữ và Tính dục dị tính/dị tính lưỡng ái) và UNESCO
  16. UNESCO Băng Cốc và Trung tâm khu vực UNDP Băng Cốc. (2015). *Báo cáo Hội nghị: Tham khảo ý kiến Khu vực châu Á – Thái bình dương về Bắt nạt Học đường, Bạo lực và Phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và Bản dạng / Thể hiện giới tính*. Băng Cốc: UNESCO
  17. Xem: <http://www.un.org/sustainabledevelopment/sustainable-development-goals/>
  18. Pinheiro P. (2006). *Báo cáo thế giới về bạo lực đối với trẻ em*. Geneva: Liên hợp quốc.
  19. UNESCO và UNGEI Đông Á – Thái Bình Dương. (2014). *Bạo lực giới liên quan đến nhà trường ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương*. Băng Cốc: UNESCO
  20. Greene M, Robles O, và Stout K. (2012). *Quyền học tập không bị sợ hãi của trẻ em gái: Hành động hướng tới xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới ở trường học*. Toronto: Plan.
  21. UNICEF. (2014). *Khuất giữa ban ngày: Một phân tích thống kê về bạo lực đối với trẻ em*. New York: UNICEF.
  22. Horton, P. (2011). *Bắt nạt trong nhà trường và mối quan hệ quyền lực ở Việt Nam* [Luận án]. (Tiến sĩ Triết học), Đại học Linköping, Linköping
  23. Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số. (2012). *Nghiên cứu trường hợp tình dục và luật pháp ở Việt Nam*. Hà Nội: CCIHP.



24. Hershberger, S. L., & D'Augelli, A. R. (1995). *Tác động của việc đối xử tàn nhẫn đối với sức khỏe tâm thần và khả năng tự tử của thanh thiếu niên LGBT*. Tạp chí (Developmental Psychology) Tâm lý học Phát triển, 31, tr. 65–74.
25. Jones, T., & Hillier, L. (2013). *So sánh Thanh thiếu niên Chuyển giới và Đồng tính Luyến Ái: Rủi ro tăng, Hoạt động tăng*. Tạp chí LGBT Youth (Thanh thiếu niên LGBT), 10(4), tr. 287–307.
26. Đại học Mahidol, Plan Quốc tế tại Thái Lan & UNESCO Bangkok. (2014). *Bắt nạt đối với HS LGBT và được coi là LGBT trong trường trung học thuộc 5 tỉnh/thành phố của Thái Lan: loại hình, mức độ phổ biến, tác động, động cơ, và các biện pháp phòng ngừa*. Bangkok: UNESCO.
27. Ngân hàng Thế giới. (2013). *Các vấn đề về hòa nhập: Tổng quan nền tảng cho sự thịnh vượng chung*. Washington D.C.: Ngân hàng Thế giới.
28. Marr, R. (2015). *Việt Nam bãi bỏ luật cấm hôn nhân đồng giới*. Tuần báo Metro. Truy cập ngày 08.01.2015. Lấy từ <https://www.metroweekly.com/2015/01/vietnam-removes-same-sex-marriage->
29. Wee, D. (2015). *Việt Nam thông qua đạo luật công nhận người chuyển giới có ý nghĩa cột mốc lịch sử: quy định pháp lý nghiêm cấm phẫu thuật chuyển đổi giới tính cũng đã được bãi bỏ*. Tin tức Ngôi sao Đồng tính Nam (Gay Star News). Truy cập ngày 25.11.15. Lấy từ <http://www.gaystarnews.com/article/vietnam-passes-landmark-law-recognizing-transgender-people/#gs.UibaoY0>
30. Pistor, N., & Quy, L. T. (2013). *Có phải quyền của phụ nữ đóng khung trong gian bếp? Những tương tác giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, xã hội dân sự và nhà nước về bình đẳng giới*. Bài đăng trong cuốn Southeast Asia and the Civil Society Gaze. Scoping a Contested Concept in Cambodia and Viet Nam (Nghiên cứu Đông Nam Á và Xã hội dân sự. Xác định phạm vi ảnh hưởng của một quan niệm gây tranh cãi ở Cam-pu-chia và Việt Nam) (tr. 93-112) được biên tập bởi G. Waibel, J. Ehlert, & H. N. Feuer.
31. UNESCO. 2015. *Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường đang cản trở việc đạt được giáo dục có chất lượng cho mọi người*. Bản đề xuất chính sách 17, tháng Ba năm 2015.
32. Báo cáo của Cao ủy Nhân quyền của Liên hợp quốc. (2011). *Luật pháp và Tập tục có tính phân biệt đối xử và những hành động bạo lực chống lại các cá nhân trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ*, 17 tháng 11 năm 2011, A/HRC/19/41
33. Liên Hợp Quốc. (2013). *Chấm dứt bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở giới: Thanh thiếu niên là các tác nhân của sự thay đổi*. Truy cập ngày 12.12.2015. Lấy từ <http://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/EndingGenderBasedViolence.aspx#sthash.VAAW4v5M>
34. Leach, F., & Mitchell, C. (2006). *Chống bạo lực giới trong và xung quanh trường học*. Stoke-on-Trent: Công ty TNHH Sách Trentham.
35. Walby, S., Towers, J., & Francis, B. (2014). *Lồng ghép vấn đề bạo lực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới vào xã hội học và tội phạm học về bạo lực*. Tạp chí Xã hội học (The Sociological Review), số 62(1), tr. 187-214.
36. Smith, E., Jones, T., Ward, R., Dixon, J., Mitchell, A., & Hillier, L. (2014). *Từ các sắc thái màu xanh đến những sắc màu cầu vồng: Sức khỏe tinh thần, thể chất và hạnh phúc của thanh thiếu niên đa dạng giới và chuyển giới tại Australia*. Melbourne: Trung Tâm Nghiên Cứu Về Sức Khỏe Giới Tính và Xã Hội của Australia.
37. Cowie, H. (2009). *Giải quyết vấn đề bắt nạt trên mạng: Một sự so sánh liên văn hóa*. Tạp chí quốc tế về giáo dục cảm xúc, 1(2), 3-13.
38. UNESCO. (2015). *Từ xúc phạm đến hòa nhập: Báo cáo của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về bắt nạt học đường, bạo lực và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới*. Bangkok: UNESCO.

39. Leach, F. và Dunne, M. cùng với Salvi, F. (2013). *Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường: Tổng quan toàn cầu về các vấn đề và phương pháp tiếp cận hiện tại trong các chính sách, xây dựng chương trình và thực hiện để ứng phó với BGLQNT cho Bộ phận Giáo dục*. Tài liệu nghiên cứu cơ bản do UNESCO xây dựng. London: Đại Học Sussex.
40. Carbone-Lopez K, Esbensen FA, và Brick BT. (2010). *Những sự tương liên và hậu quả của bạo lực đồng đẳng: Những sự khác biệt giới trong các hình thức bắt nạt trực tiếp và gián tiếp*. Tạp chí Bạo lực Thanh thiếu niên Tư pháp Vị thành niên (Youth Violence Juvenile Justice), Tập 8, tr. 332–350.
41. Liên Hợp Quốc. (2006). *Báo cáo toàn cầu về bạo lực trẻ em*. New York: LHQ.
42. Antonowicz, Laetitia. (2010). *Quá thường xuyên trong câm lặng. Báo cáo về bạo lực học đường ở miền Tây và miền Trung Châu Phi*, UNICEF, Tổ chức Plan tại miền Tây Châu Phi, Action Aid, Tổ chức Save the Children tại Thụy Điển, tr. 31.
43. Das, M., và các cộng sự. (2012). *Thái độ và bạo lực giới trong các trẻ em nam vị thành niên thành thị ở Ấn Độ*. Tạp chí quốc tế về trẻ vị thành niên và giới trẻ. DOI:10.1080/02673843.2012.716762; và Achyut, P., Bhatla, N., Khandekar, S., Maitra, S. và Verma, R.K. (2011). *Tạo dựng sự hỗ trợ cho bình đẳng giới trong trẻ vị thành niên ở trường học: Những kết quả tìm được từ Mum-bai, Ấn Độ*. Niu Đê-li: Trung tâm Quốc tế về nghiên cứu phụ nữ (ICRW), như đã trích dẫn trong cuốn sách của Barker, G., và Pawlak, P. (2011). *Sự tham gia của nam giới vào những công việc chăm sóc, trong gia đình và bình đẳng giới trong thế giới đương đại*. Về Các vấn đề Xã Hội và Kinh Tế, Phòng Chính Sách Xã Hội và Phát Triển. New York: Liên Hợp Quốc.
44. UNICEF. (2014). *Đánh giá nạn bạo lực trẻ em: Kiểm kê và đánh giá các nghiên cứu định tính*. New York: UNICEF.
45. UNICEF (2012). *Ngược đãi trẻ em: Mức độ phổ biến, tỷ lệ vi phạm và những hậu quả ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương - Tổng quan hệ thống các nghiên cứu*. Băng Cốc: Văn phòng khu vực Đông Á - Thái Bình Dương của UNICEF.
46. UNESCO và UNGEI. (2014). *Chấm dứt bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường*. Đồ họa thông tin. Paris: UNESCO.
47. Sáng kiến Giáo dục cho trẻ em gái của LHQ ở Khu vực Đông Á – Thái Bình Dương và chiến dịch ‘Đoàn kết xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái’. (2013). *Đồ họa thông tin Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường*. Băng Cốc: UNESCO.
48. Garcia-Moreno, C., Jansen, H., & Ellsberg, M. (2005). *Nghiên cứu Đa Quốc gia của WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) về Sức khỏe của Phụ nữ và Bạo lực Gia đình đối với Phụ nữ: Những Kết quả Ban đầu về Mức độ phổ biến, Hậu quả đối với Sức khỏe và Các cách Ứng phó của Phụ nữ*. Geneva: Tổ chức Y tế Thế giới.
49. Morrison, A., Ellsberg, M., & Bott, S. (2007). *Đối phó với Bạo lực trên cơ sở giới: Một Tổng quan có tính Phê phán đối với các biện pháp can thiệp*. Tạp chí Nhà Quan sát Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (The World Bank Research Observer), số 22(1), tr. 25-51.
50. Palermo, T., Bleck, J., & Peterman. (2014). *Phần nổi của tảng băng chìm: Việc báo cáo và Bạo lực trên cơ sở giới tại các quốc gia đang phát triển*. Tạp chí Dịch tễ học của Mỹ (American Journal of Epidemiology), số 179(5), tr. 60-612.
51. Kishor, S., & Hindin, M. (2004). *Phác thảo nhận diện bạo lực gia đình: Một nghiên cứu đa quốc gia*. Calverton, MD: Chương trình Measure DHS và Công ty Nghiên cứu dư luận ORC Macro.
52. Andersson, N., Cockcroft, A., & Ansari, N. (2009). *Thu thập các thông tin đáng tin cậy về bạo hành phụ nữ trong các cuộc phỏng vấn hộ gia đình: kinh nghiệm từ cuộc khảo sát qui mô lớn cấp quốc gia ở Nam Á*. Tạp chí Bạo hành phụ nữ. Số 15(4), tr. 482-496.
53. Wolf, M., Ly, U., & Hobart, M. (2003). *Những rào cản đối với việc tìm kiếm sự trợ giúp của cảnh sát đối với những vụ bạo lực đối tác thân mật (giữa những cặp đôi trong một mối quan hệ gần gũi)*. Tạp chí Bạo lực gia đình (Journal of Family Violence), số 18(2), tr. 121-129.

54. Hynes, M., Ward, J., & Robertson, C. (2004). *Xác định mức độ phổ biến của bạo lực trên cơ sở giới trong các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng bởi xung đột ở Đông Timor*. Tạp chí Những thảm họa (Disasters), số 28(3), tr. 294-321.
55. Akhter, S., & Kusakabe, K. (2014). *Bạo lực trên cơ sở giới trong những người tị nạn Rohingya có giấy tờ tùy thân ở Bangladesh*. Journal of Gender Studies, 21(2), 225-246.
56. Plan Quốc tế và Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu về Phụ nữ. (2015). *Trường học ở châu Á có an toàn và bình đẳng cho HS nam và nữ?* Băng Cốc: Plan Quốc tế.
57. Fulu E, Warner X, Miedema S, Jewkes R, Roselli T and Lang J. (2013). Tại sao một số đàn ông sử dụng bạo lực với phụ nữ và chúng ta có thể ngăn chặn điều đó như thế nào? Các phát hiện định lượng từ Nghiên cứu Đa Quốc gia về nam giới và bạo lực ở Châu Á – Thái bình Dương của Liên Hợp Quốc. Băng Cốc: UNDP, UNFPA, Cơ quan Phụ nữ LHQ và Chương trình Tình nguyện LHQ.
58. Ủy ban Quốc gia về Bảo vệ Quyền Trẻ em. (2012). *Hiến chương Công dân*. New Delhi: Chính phủ Ấn Độ.
59. Tổ chức Save the Children. (2015). *Phân tích tình hình quyền trẻ em*. Hà Nội: Văn phòng Save the Children tại Việt Nam.
60. Cahill và Beadle. (2013). *Trường học an toàn và vững mạnh: Ủng hộ các trường học ở Papua, Indonesia trong nỗ lực của họ nhằm giảm tình trạng bạo lực*. Melbourne: Trung tâm nghiên cứu Thanh niên.
61. Millichamp, Martin và Langley. (2006). *Sáng kiến toàn cầu nhằm chấm dứt mọi hình thức trừng phạt thân thể trẻ em. Ở phía những người bị trừng phạt thân thể: Những người trưởng thành trẻ tuổi mô tả việc cha mẹ họ sử dụng hình thức trừng phạt thân thể và các biện pháp kỷ luật khác trong thời niên thiếu*. Tạp chí Y học Niu Di-lân (New Zealand). 119 (1228): U1818.
62. Parkes, J. (2015). *Bạo lực trên cơ sở giới trong nhà trường. Tài liệu cơ bản cho Báo cáo Giám sát Toàn cầu về GDCMN 2015*. Paris: UNESCO.
63. UNICEF. (2009). *Xây dựng Chương trình Trường học Thân thiện với Trẻ em: Báo cáo Đánh giá Toàn cầu*. New York: UNICEF.
64. Wang. (2009). *Nạn bắt nạt học đường trong trẻ vị thành niên ở Hoa Kỳ: Bắt nạt bằng thể chất, lời nói, quan hệ và qua mạng / thiết bị di động*. Tạp chí Sức khỏe Vị thành niên, Tập 45, Số 4, tr. 368-75.
65. Gordon, AR, và Meyer IH. (2007). *Không đúng khuôn mẫu giới là một mục tiêu của định kiến, phân biệt đối xử và bạo lực đối với những người LGBT*. Tạp chí Nghiên cứu Sức khỏe LGBT (Journal of LGBT Health Research), Tập 3, Số 3, tr 5–71.
66. Payne E và Smith M. (2013). *Những đứa trẻ LGBTQ (LGBT và không xác định được giới tính), An toàn Trường học và Việc Thiếu Bức Tranh Tổng thể Cuộc đàm luận đang thịnh hành về nạn bắt nạt đã ngăn cản các nhà chuyên môn như thế nào khỏi tư duy về sự cô lập hóa một cách có hệ thống hay là. Tại sao chúng ta cần tái tư duy về nạn bắt nạt nhưng người LGBTQ*. Điều phải chứng minh: Một Tạp chí chuyên về đang tạo nên Thế giới GLBTQ. QED: A Journal in GLBTQ Worldmaking, Tập 1, tr.1–36. DOI:10.1353/qed.2013.0012.
67. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ. *Kết quả Khảo sát về Sức khỏe Học sinh Toàn cầu trên cơ sở Trường học (GSHS)*. www.cdc.gov/gshs: Trung Quốc, Bắc Kinh [2003], Quần đảo Cook [2010], Fiji [2010], In-đô-nê-xi-a [2007], Ki-ri-ba-ti [2011], Man-đi-vơ [2009], Mông Cổ [2010], Mi-an-ma [2007], Nau-ru [2011], Niu-ê [2010], Phi-lip-pin [2011], Quần đảo Sô-lô-môn [2011], Xri Lan-ka [2008], Thái Lan [2008], Tong-ga [2010].
68. Kowalski, R., Giumetti, G., Schroeder, A., & M, L. (2014). *Bắt nạt trong Kỷ nguyên Kỹ thuật số: Một Tổng quan có tính phê phán và Siêu Phân tích các nghiên cứu về Bắt nạt trên mạng/ thiết bị di động trong Thanh Thiếu niên*. Bản tin Tâm lý học (Psychological Bulletin), số 140(1), tr. 1073-1137.

69. Ojanen T.T., Boonmongkon P., Samakkeekarom R., Samoh N., Cholratana M. và Guadamuz T.E. (2015). *Những sự liên kết giữa quấy rối trên mạng và bạo lực ngoài đời thực trong giới trẻ ở miền Trung Thái Lan*. Tạp chí *Lạm dụng & Bỏ mặc Trẻ em*. Tập 44, tr.159-169.
70. Hemphill SA, Kotevski A, và M Tollit. (2012). *Những yếu tố dự báo cho nghiên cứu theo chiều dọc về việc bắt nạt trên mạng và theo các truyền thống trong học sinh trung học ở Australia*. Tạp chí *Sức khỏe Vị thành niên*, Tập 51, tr. 59–65.
71. Ngân hàng Thế giới. (2015). *Tài liệu hướng dẫn nguồn về Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (VAWG). Thông tin cơ bản về Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái*. Washington D.C.: Ngân hàng Thế giới.
72. Ủy ban Quốc tế về Quyền con người của người Đồng tính (ILHRC). (2014). *Bạo lực: Qua lăng kính của phụ nữ đồng tính, song tính và người chuyển giới ở châu Á*. New York: IGHR.
73. Contreras và các cộng sự (2012). *Những chiếc cầu dẫn tới tuổi trưởng thành: Nhận thức về Ảnh hưởng suốt đời của những trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu của đàn ông. Phân tích dữ liệu từ Nghiên cứu Khảo sát Quốc tế và Nam giới và Bình đẳng Giới*. Washington: ICRW và Rio de Janeiro: Promundo. Bài viết cũng in trong cuốn Knerr W. (2011). *Làm Cha Mẹ và ngăn ngừa ngược đãi trẻ em ở các nước thu nhập thấp và trung bình: Tổng quan có hệ thống các cách thức can thiệp và trao đổi về việc phòng ngừa những nguy cơ hành xử bạo lực trong tương lai của trẻ em trai*. Oxford: SVRI (Diễn đàn Sáng kiến nghiên cứu về Bạo lực tình dục), Quỹ Oak và Hội đồng Nghiên cứu y học Nam Phi.
74. UNESCO và Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc. (2016). *Hướng dẫn toàn cầu về Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường*. Paris: UNESCO.
75. Đạo luật sửa đổi về Chống Kỳ thị giới (Xu hướng tính dục, Bản dạng Giới và Địa vị của người liên giới tính) Act 2013 (Đạo luật có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Thịnh vượng chung Australia) (Đạo luật sửa đổi Chống Kỳ thị Giới) (2013).
76. Jones, T. (2015). *Chính sách và Học sinh Sinh viên LGBT*. Cham, Heidelberg, New York, Dordrecht và London: Springer.
77. Quek, K. (2015). *Ngăn ngừa bạo lực giới trong lớp học mới chỉ bắt đầu*. Tạp chí của Học viện Nghiên cứu Kinh tế Trong nước, Australia, số 22(2), tr. 38-39.
78. Miller, E., Das, M., Tancredi, D. J., McCauley, H. L., Virata, M. C. D., Nettiksimmons, J., Verma, R. (2014). *Đánh giá Chương trình Phòng ngừa Bạo lực Giới cho các Vận động viên Học sinh Sinh viên ở Mumbai, Ấn Độ*. Tạp chí *Bạo lực giữa các cá nhân*, số 29(4), tr. 758-778.
79. Tổ chức Y tế Thế giới & Đại học Y Hà Nội. (2013). *Tổng điều tra khảo sát Sức khỏe Học sinh theo trường: Thông tin Thực tế về Việt Nam 2013*. Hà Nội: WHO.
80. Quang Dao, V. (2015, 14.03.15). *Thế giới đau đầu với bạo lực học đường*. Báo điện tử của Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Lấy từ <http://baochinhphu.vn/Quoc-te/The-gioi-dau-dau-dau-voi-bao-luc-hoc-duong/222245>.
81. Le, V.A. (2013). *Giải pháp ngăn ngừa các hành vi bạo lực trong học sinh THPT*. Đề tài cấp Bộ, Mã số B2011-37-03 NV: Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
82. Hang, N. T. T., & Tam, T. N. T. M. (2013). *Bạo lực học đường: Thực chứng từ nghiên cứu của Young Lives ở Việt Nam*. Oxford: Khoa Phát triển Quốc tế Oxford, Đại học Oxford.
83. Nguyễn, NT. (2012). *Bạo lực học đường ở Hà Nội, Việt Nam*. Xinh-ga-po: Đại học Tổng hợp Xinh-ga-po.
84. Paz y Desarrollo, & Trung tâm nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ. (2014). *Phạm vi tham chiếu: Tư vấn cho nghiên cứu đánh giá*. Đà Nẵng: Paz y Desarrollo.
85. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) và Viện Nghiên cứu Y học và Xã hội. (2015). *Thanh thiếu niên LGBT ở Việt Nam: Cuộc sống trên phố và Ảnh sáng qua Khe hở*. Hà Nội: Văn phòng Save the Children tại Việt Nam.



86. Mertens, D. 1998. *Các phương pháp nghiên cứu trong giáo dục và tâm lý học: Hợp nhất sự đa dạng với các phương pháp định lượng và định tính*. Newbury Park: Sage.
87. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). (2014). *Bảng đối chiếu thuật ngữ LGBT*. Truy cập ngày 11.11.2014. Lấy từ <http://isee.org.vn/en/Blog/Category/lgbt>
88. Johnson, R. B., Onwuegbuzie, A. J., & Turner, L. A. (2007). *Hướng tới một định nghĩa về phương pháp nghiên cứu hỗn hợp*. Tạp chí Phương pháp Nghiên cứu Hỗn hợp, số 1(2), tr. 112-133.
89. Cooksey, R. W., & McDonald, G. M. (2011). *Tồn tại và phát triển trong nghiên cứu sau đại học (Xuất bản lần thứ tư)*. Melbourne: Đại học Tilde.
90. ICS (Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam) (2015). *Các thuật ngữ liên quan đến LGBT*. Lấy tài liệu ngày 5.5.2015 từ nguồn <http://ics.org.vn/vi/knowledge/article/cac-thuat-ngu>.
91. Tổng cục Dân số & Tổng cục Thống kê. (2011). *Điều tra Quốc gia về Vị thanh niên và Thanh niên Việt Nam lần thứ hai (SAVY 2)*. Hà Nội: Tổng cục Dân số.
92. Keithly, S. C., Vu, H. S., Nguyen, N. T., & Doan, T. T. (2013). *Rà soát tài liệu : Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến nhà trường ở Việt Nam*. Hà Nội: Plan Quốc tế tại Việt Nam.
93. UNESCO, UNICEF, UNGEI, tổ chức Plan Quốc tế, Cơ quan Phụ nữ LHQ, tổ chức 'Đoàn kết xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ'. (2016). *Kết nối với sự tôn trọng: Ngăn ngừa bạo lực trên cơ sở giới trong nhà trường. Chương trình lớp học cho học sinh các lớp đầu cấp trung học (lứa tuổi 11-14)*. Băng Cốc: UNESCO.
94. UNESCO và UNDP. Chiến dịch PurpleMySchool Campaign (Nào ta cùng tím). Xem: <http://www.campaign.com/PurpleMySchool>
95. Kalyanamitra W. (2012). *Không bắt mặc đồng phục: chính sách nhằm tăng cường các quyền của học sinh LGBT ở Thái Lan*. Được trình bày tại Hội nghị Liên kết Thế giới về Công tác Xã hội và Phát triển Xã hội 2012. Stockholm, Thụy Điển 8 – 12 tháng 7 năm 2012. Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ. 2014. 学校における性同一性障害に係る対応に関する状況調査について [Nghiên cứu về những đáp ứng của nhà trường đối với học sinh có vấn đề rối loạn bản dạng giới (GID)]. MEXT. (Tiếng Nhật). Xin xem trong: Mitchell M, Gray M, Green K, Beninger K. 2014. Cách nào có hiệu quả trong việc đối phó với nạn bắt nạt do ác cảm với đồng tính và chuyển giới (HBT) trong Thanh thiếu niên và trẻ em trong lứa tuổi học đường. London, NatCen (Cơ quan nghiên cứu xã hội Natcen, Anh).
96. UNESCO. (2015). *Điều tất yếu - Ứng phó Ngành Giáo dục với Bạo lực Trên cơ sở Định hướng Tính dục và Bản dạng/Thể hiện Giới*. Paris: UNESCO.



UNESCO Bangkok Office  
Mom Luang Pin Malakul Centenary Building  
920 Sukhumvit Road, Prakanong, Klongtoei  
Bangkok 10110, Thailand  
Email: [hp2.bgk@unesco.org](mailto:hp2.bgk@unesco.org)  
Website: [www.unesco.org/bangkok](http://www.unesco.org/bangkok)  
Tel: +66-2-3910577 Fax: +66-2-3910866

UNESCO Ha Noi Office  
23 Cao Ba Quat Street  
Ba Dinh District  
Hanoi, Viet Nam  
Email: [registry@unesco.org.vn](mailto:registry@unesco.org.vn)  
Website: <http://www.unesco.org/new/en/hanoi>  
Tel: +84-4-374702 75 Fax: +84-4-374702 74

